

Huỳnh Văn Nghệ

Quê hương rừng thẳm sông dài



Chương 1

MỖI chiều, mặt trời lặn dần sau mấy rặng cây dầu, cây sao bên kia sông Đồng Nai, trước nhà tôi. Bóng cây từ bên kia sông ngả dài dần ra giữa sông như những cái lưỡi đen khổng lồ đang uống nước. Hôm thì nước lớn, dòng sông trong xanh mát ngọt, bữa thì nước ròng sông cuốn theo dòng rác rưởi gỗ mục, thân chuối bập bênh. Vậy mà những cái lưỡi đen kia vẫn cứ phải uống như để thỏa cơn khát suốt một ngày nắng hạ.

Trời vừa sập tối thì gia đình tôi cũng vừa ăn cơm chiều xong. Mẹ tôi đi rửa chén bát. Chị Sáu tôi chừng 10 tuổi, bế em tôi đặt lên chiếc võng ru nó ngủ. Hôm nào chị cũng bắt đầu bằng câu hát mà tôi đã thuộc lòng:

“Àu ơ ơ... Ví dầu cầu ván đóng đinh..

Cầu tre lắt lẻo lập ghềnh khó đi, ơ ơ”

Cha tôi người không to cao lắm, cái mũi lúc nào cũng đỏ hơn mũi của những người khác trong làng tôi, tóc ít, gom lại sau ót thành một cái đầu tóc nhỏ hơn của mẹ tôi rất nhiều. Ông ăn cơm xong trước cả nhà và tự rót một bát nước chè Huế thật to mà uống. Bát nước nóng hơi còn lên nghi ngút, thế mà ông vẫn uống cạn một hơi.

Tôi thường hay đứng cà rà bên cha tôi sau mỗi bữa cơm chiều. Không phải

chỉ để xem ông uống nước chè Huế nóng, vắn điệu thuốc bằng lá cò ke[1], hay xem ông quần chiếc khăn lông to lên đầu, mà còn để len lén nói nhỏ với ông:

- Tía, bữa nay tía cho tui theo với.

Nhưng ông già ác thật, mình chỉ nói nhỏ cho mình ông nghe thôi, vậy mà ông trả lời rất to cho cả mẹ và chị tôi nghe:

- Không được, tối nay tía đi xa lắm, con đi không nổi đâu, ở nhà với má mày.

Tôi còn đang bực tức với cha tôi thì mẹ tôi từ dưới bếp đã mắng lên như búa bổ:

- Thăng Ngộ lại đòi đi nữa hả? Hồi chiều đã dặn rồi. Bằng ngón tay út người ta mà cũng đòi đi học võ. Mà bảo tối nay má kể chuyện đời xưa cho hai chị em mày nghe kia mà, quên rồi hả?

Tôi lặng yên không dám hó hé một tiếng nào nữa. Chị tôi vừa co chân đạp mạnh vào vách tường để đưa võng vừa nhìn tôi cười như chọc tức tôi. Cha tôi rút cây côn bằng tre già bóng loáng dựng bên cửa rồi bước ra đi. Tôi muốn chạy theo lắm. Có lần tôi cứ chạy bừa theo cha tôi như vậy mà mẹ tôi không hay, rồi sau bà cũng phải chịu. Nhưng lần này thì chị tôi cứ ngó chừng tôi mãi, liệu bề khó thoát tôi đành phải ngồi phịch xuống đất nhìn ra bờ sông. Bất giác tôi thềm được như dòng nước sông Đồng Nai tự do chảy lên chảy xuống không có cha mẹ nào ngăn cản được.

*

Tôi không sao hiểu nổi những thói quen kỳ dị của người lớn. Cha tôi thì hay ăn ớt hiểm cả trái mà không la cay, uống nước trà nóng còn bốc hơi mà không nóng, miệng hút thuốc bằng lá cò ke và thỉnh thoảng lại uống cả hai xu rượu mà không sao cả. Hôm nào có được hai xu rượu trong bữa ăn chiều thì thấy ông vui hẳn lên. Ăn cơm xong, ông không xách côn đi liền mà còn

múa một vài đường võ ngoài sân cho chúng tôi xem trước, hay lắm. Mẹ tôi không hút thuốc, không uống rượu thì lại hay ăn trầu. Hôm nào muốn nghe chuyện đời xưa tôi cũng phải ngồi chờ bà rất lâu. Rửa chén bát xong, bà thổi lửa thắp đèn bung lên để trên chiếc bàn giữa nhà. Vừa ngồi xuống ván là bà với tay lấy một lá trầu trong cái rổ trầu để sẵn trên ván. Mẹ tôi bao giờ cũng ngắt đuôi lá trầu bỏ đi rồi mới tẽm vôi vào, xếp lại kỹ như gói bánh rồi mới bỏ vào miệng với một miếng cau khô mà nhai, trông ngon lành như trẻ con nhai ổi. Trước ánh đèn dầu, mắt bà sáng ra, mặt bà đỏ ửng lên như trẻ hắt lại. Lúc ấy cũng là lúc em tôi đã ngủ say, chị tôi cũng thôi hát ru, chỉ còn chiếc võng đu đưa phát ra tiếng cọt kẹt trên đầu cột thì mẹ tôi mới bắt đầu nói:

- Hồi xưa... ông bà mình từ ngoài Huế đi vào khai phá rừng này. Lúc ấy chưa có đường xá gì đâu, chỉ có đồng hoang rừng rậm. Họ đi lần theo chiều nước ròng của con sông này. Đi đến đâu thì phá rừng lập làng, lập ấp đến đó. Sanh cư lập nghiệp mãi mới thành tỉnh Biên Hòa của mình đây cũng như các tỉnh khác của xứ Nam Kỳ. Từ ngoài Huế vào đây, có lẽ vì thấy vùng này đồng rộng mà nhiều nai nhất nên ông bà mình đặt tên cho con sông này là sông Đồng Nai. Biên Hòa ngày xưa còn có tên là Biên Hùng gồm luôn cả hai tỉnh Bà Rịa và Thủ Dầu Một. Quận Tân Uyên mình thì mới cách đây vài năm còn có tên là Thủ Đôn Sứ giàu có lắm con à. Dưới sông thuyền bè tấp nập, trên bờ xe ngựa dập dìu, nhà ngói, đình chùa san sát, hội hè linh đình chứ không buồn như bây giờ đâu.

Tới đời ông nội ông ngoại con thì giặc Tây lên cướp nước mình. Tụi Tây ở xa lắm, nó đi bằng tàu chiến sang đây không được mấy thẳng, nhưng vì nó có tàu sắt và súng lớn nên mình địch không lại. Vua của mình thì hèn nhất, mới thua có mấy trận là đã đầu hàng ký giấy dâng cho Tây trước hết là ba tỉnh miền Đông là tỉnh mình, tỉnh Gia Định, tức là Sài Gòn bây giờ và Định

Tường là Mỹ Tho bây giờ rồi dần dần đánh hết cho Tây. Ông bà mình lúc đó giận vua và thù Tây ghê lắm. Dân mình nổi dậy chống Tây và giết giặc khắp nơi, nhưng chỉ có gây gộc, giáo mác, hỏa mai và dùng võ thì không chống lại nổi với tàu sắt, tàu đồng nên đành chịu mất nước. Hồi đó vùng này chống Tây lâu lắm, chín mươi năm sau ngày vua mình đầu hàng giặc. Trong quận Tân Uyên này bây giờ cũng còn nhiều dấu tích rồi thùng thảng má sẽ kể hết cho con nghe...

Em tôi thức giấc khóc oe lên. Chị tôi vừa co chân đạp mạnh vào vách để đưa mạnh chiếc võng vừa cất giọng hát lớn:

- U ù ơ ơ. Ví dầu tình bậu muốn thôi

Bậu gieo tiếng dữ cho rời bậu ra.

Chiếc võng chao qua chao lại làm hai đầu cột lại kêu cọt két rất to. Mẹ tôi lại thêm thêm một miếng trầu khác rồi nhấc tấm cửa tre khép lại, không hiểu vì sợ gió lạnh hay vì sợ tắt ngọn đèn dầu.

- Ở quên nữa, thằng Ngô đi đái đi con, không tới khuya đái dầm trôi mất cha mày đa.

Tôi ngoan ngoãn vâng lời hé cửa chạy ra gốc xoài trước sân nhà. Khi tôi trở vào thì mẹ tôi tiếp tục kể:

- Cách chợ Tân Uyên chừng cây số có một cái gò cao trên bờ sông gọi là Gò Lũy. Chỗ đó ngày xưa, sau khi giặc chiếm Biên Hòa, ông bà mình kéo về dựng lên các đồn kháng chiến đầu tiên của vùng này. Đồn nằm trên gò cao có súng đại bác chĩa ra bốn phía như một con nhím xù lông nhọn ra nằm chịu trận khi bị rượt vây. Sông Đồng Nai ở đoạn này tuy sâu nhưng hẹp. Tàu Tây chạy qua đây phải chạy sát bờ nên dễ bị ăn đạn súng thần công của ta. Nhờ đồn lũy kiên cố nên mãi mấy năm sau, khi các quận khác như Bà Rịa, Thủ Dầu Một đã thất thủ mà Tân Uyên vẫn còn trong tay đồng bào và nghĩa quân ta. Về sau giặc cho quân kéo lên ba mặt. Một cánh bộ binh đi từ Biên

Hòa lên Bình Ninh bên kia sông, một cánh khác từ Thủ Dầu Một sang bọc hậu sau Gò Lũy, phối hợp với đoàn tàu chiến, bắn đại bác như mưa vào đồn mình. Vậy mà đánh suốt một ngày chúng vẫn không hạ được đồn, không tiến được vào chợ Tân Uyên.

Thế ta yếu, thấy liệu không giữ nổi ngày sau nên trong đêm ấy nghĩa quân liền nổi lửa thiêu hủy cả đồn và thị trấn này rồi rút theo sông Đồng Nai lui về làng Mỹ Lộc. Làng Mỹ Lộc xưa gồm ba xã Tân Tịch, Tân Hòa và Mỹ Lộc bây giờ nằm cách Tân Uyên chừng bốn năm cây số. Về đây nghĩa quân không đóng quân ở bờ sông nữa mà xây đồn dựa lưng vào rừng sâu trên một cái gò cao ngày nay gọi là Gò Đồn, nơi tia máy đang dạy võ cho học trò đó. Ông bà mình tiếp tục chiêu binh mãi mã tụ tập anh hùng nghĩa sĩ rất đông. Đồng bào khắp nơi trong tỉnh kéo về đây tình nguyện gia nhập hàng ngũ nghĩa quân, vừa để tránh nạn giặc Tây. Ông ngoại, bà ngoại con hình như cũng không phải người gốc ở Mỹ Lộc mà ở đâu vùng chợ Búng, Lái Thiêu theo cha mẹ về vùng rừng này sau khi Lái Thiêu, Thủ Dầu Một bị giặc chiếm.

Tây thì đóng ở Tân Uyên, vậy mà ở Mỹ Lộc nghĩa quân này một đông thêm, đồn Mỹ Lộc ngày càng kiên cố. Ngày đêm tiếng quân reo, tiếng ngựa hí, tiếng loa vang trời dậy đất ở góc rừng ấy. Bộ binh của giặc thì chưa dám đánh đường rừng. Tàu chiến của chúng cũng chưa dám chạy trên khúc sông nhiều đá ngầm này, vì vậy mà Tây đành để cho nghĩa quân bành trướng thế lực ở đây một thời gian rất lâu. Nghĩa quân ta đi bộ, đi thuyền, cưỡi ngựa đánh giặc khắp nơi trong tỉnh. Tháng nào cũng bắt được Tây và Việt gian phản quốc đem về xử tội làm lễ tế cờ tại đồn Mỹ Lộc cho đồng bào coi. Bà ngoại bây kể lại tội Tây cũng nhiều thằng hèn nhất lắm. Bị bắt, sợ chết nó cũng bắt chước Việt gian phản quốc chấp tay lạy nghĩa quân sát đất để xin tha.

- Mình có tha thằng nào không hả má?

- Có nhiều chớ. Nhưng mỗi lần tha phải ra dẫu cho nó hiểu phải đi về Tây đi, hễ bị bắt lại lần sau thì không tha nữa. Trước khi thả phải xăm lên mặt nó một chữ nhất để biết mà phân biệt nó với những thằng bị bắt sau này. Nếu không làm sao mà phân biệt được, tụi nó giống nhau lắm, trắng nõn, mũi cao, mắt đục, tóc vành hoe, nói chuyện thì nghe như pháo nổ.

Hồi đó ông bà mình thù Việt gian cũng như thù Tây vậy, có khi còn hơn nữa. Người ta nói rằng nếu không có Việt gian thì giặc Tây dù có nhiều súng đạn cũng như điếc như mù không làm gì được dân mình đâu

- Nhưng tại sao người ta lại đi làm Việt gian hả má?

Chị tôi lại hỏi. Mẹ tôi có vẻ lúng túng. Bà nhỏ miếng bã trầu xuống đất rồi mới trả lời:

- Việt gian là... do chó chết đầu thai lên thành người. Ngày thường thì họ giống như người, không ai biết gốc tích của họ. Nhưng khi nước loạn tánh chó của họ mới lộ ra, họ không còn biết gì đến nhân nghĩa, sợ chết, chạy theo cơm thừa canh cặn của giặc. Có nhiều thằng theo Tây mãi rồi cũng bị Tây giết. Có nhiều thằng cũng được Tây phong cho làm chức này chức nọ. Nhưng tất cả những thằng Việt gian bị mình giết đều đầu thai lại làm chó, có thằng lúc sắp chết còn tru lên giống hệt như chó tru vậy...

Con chó vàng đang nằm ngủ bên cạnh cửa nghe mẹ tôi nói tự nhiên ngóc đầu nhìn lên. Không thấy ai cho ăn gì, lại thấy tôi mở mắt nhìn nó một cách khác thường, nó ngoắc đuôi mấy cái rồi lim dim ngủ lại. Trước đây tôi thân nó lắm, nay bỗng thấy sợ và ghét nó. Tôi tự hỏi sao người ta không giết hết chó đi? Có phải chó càng bị giết nhiều thì càng đầu thai nhiều Việt gian? Có lẽ vậy mà dân làng tôi nuôi chó giữ nhà mà không giết chó bao giờ? Tôi rất thỏa mãn cách tự giải đáp của mình và tự nhiên thấy hết buồn ngủ.

- Má nói ở Gò Đồn có nghĩa quân, có ngựa, có loa sao hôm trước con đi với

tía lên đó không thấy gì hết. Chỉ thấy trâu ăn cỏ trên gò mà thôi.

- Cái thằng hỏi kỳ cục quá! Má nói chuyện đời xưa chứ đâu phải chuyện bây giờ đâu. Để má kể tiếp cho mà nghe.

- Ủ...

- Bây chưa buồn ngủ thì má kể nữa. Đồn Mỹ Lộc là đồn cuối cùng của nghĩa quân ở vùng này, mới mất cách đây chừng bốn chục năm thôi. Năm ấy là năm Thìn, cũng là năm bà ngoại sanh má. Trước năm mất đồn, ông bà và nghĩa quân ở vùng này đã phải trải qua mấy năm mất mùa thiếu đói dữ lắm. Hồi đó cũng như bây giờ, vùng này chỉ có một ít ruộng nương ven hai bờ sông còn phần lớn đất đai là rừng thẳm. Lúa khoai thì ít mà nghĩa quân này một đông. Đồng bào các nơi khác lánh nạn về ngày càng nhiều thì làm sao mà đủ ăn được. Tụi Tây biết vậy càng ra sức bao vây chặn hết các ngã đường chở lương thực từ nơi khác về. Nghĩa quân và đồng bào phải vào rừng sâu tìm củ nằng, củ nho rừng, quả trám, măng le và rau rừng ăn đỡ đói. Cái nghề võ mà thiếu ăn thì tập luyện có ra gì. Nghĩa quân được lệnh phân tán dần dần, đi từng toán nhỏ về hướng tây, nơi có nhiều lúa. Đồn Mỹ Lộc thu hẹp lại dần dần từ mấy nghìn quân chỉ còn năm trăm người toàn là những người có cha mẹ vợ con ở huyện Tân Uyên này. Họ tự cho mình có bổn phận bảo vệ vùng đất quê hương này đến cùng. Năm Thìn ấy vùng này bị một trận bão to chưa từng có. Nước sông Đồng Nai dâng lên ngập cả ngọn dừa. Dòng sông hóa thành một biển nước mênh mông. Nước dâng lên tận chân đồn Mỹ Lộc. Đồng bào trong làng dắt díu đùm bọc nhau vào rừng tránh lụt và kiếm thức ăn. Nhân cơ hội này giặc Tây mang tàu chiến lên đánh đồn. Liệu không giữ nổi đồn trong lúc nghĩa quân đói rét và lũ lụt, tướng Hoàng Lễ bèn ra lệnh bỏ đồn rút lên những ngọn đồi cao hơn ở vùng Lạc An. Có hơn một trăm nghĩa quân, phần đông là người làng mình không chịu tuân lệnh, xin tình nguyện ở lại đồn quyết tử với giặc. Tướng Hoàng Lễ

buộc lòng phải đồng ý. Trước khi rút đi, ông làm lễ để tang cho số nghĩa quân ở lại. Trong buổi lễ, nghĩa quân cùng đồng bào đều khóc như mưa. Người chỉ huy toán nghĩa quân ở lại tên là Hoàng Hồ, con trai của Hoàng Lễ, văn võ song toàn, một mình ông có thể đương cự với trăm người như không. Ông ra lệnh cho nghĩa sĩ bỏ hết súng chỉ dùng gươm giáo, mã tấu và dao găm mai phục thật kỹ trong đồn bỏ trống cửa. Giặc Tây đến làng mình thì thấy đồn vắng lặng, không một tiếng súng nổ, không một tiếng trống thúc, không một ngọn cờ bay. Nhìn về phía Lạc An, trên ngọn núi Bà Ớn thì quân reo, cờ phất, loa vang như sẵn sàng nghênh chiến. Giặc ngỡ quân ta bỏ đồn rút hết nên nhảy ra khỏi tàu đổ bộ vào đồn để tịch thu vũ khí lương thực và triệt hạ đồn. Toán quân đầu của chúng bị quân mai phục của ta đánh bất ngờ, trở tay không kịp bị tiêu diệt gần hết. Biết mắc mưu của ta, giặc dùng đại bác bắn xối xả vào đồn như mưa bão, sấm sét. Tiếng đạn nổ vang trời dậy đất.

Biết không thể nào cự nổi với giặc, Hoàng Hồ tập trung số nghĩa quân còn lại nói rằng: “Trận này ta thua giặc là tại trời chứ không phải tại ta. Nay ta chết vì nước, phải chết cho oanh liệt. Đây ta cho mỗi người một liều độc dược, các người hãy cùng ta uống trước khi giặc đổ bộ vào đồn”. Mười hai cánh tay đưa ra nhận mười hai liều thuốc rồi cùng một lượt bỏ vào miệng nuốt. Mười hai cặp mắt nhìn nhau, người ngã trước kẻ ngã sau đến người cuối cùng thì giặc đã vào đến cửa... Đồng bào thương tiếc các nghĩa sĩ thường gọi gò này là gò Trăm quân. Sau giặc chiếm vùng này, chúng cấm không cho gọi tên đó và đổi tên gọi là gò Cây Trâm, mượn có ở đây có nhiều cây trâm. Đồng bào rủ nhau đốn hết trâm làm củi rồi gọi lại nơi đó là Gò Đồn cho đến bây giờ.

Mẹ tôi ngừng kể, đêm đã khuya, từng chiếc lá xoài rơi ngoài sân nghe lách tách. Ngọn đèn dầu mờ dần, con thạch sùng tắc lưỡi hồi dài như muốn nói

lên nỗi thương tiếc và cảm phục của mẹ tôi đối với nghĩa quân. Tôi kê đầu lên bắp vế của mẹ, ngủ quên lúc nào không biết.

*

Nhà tôi hôm nay dường như có chuyện gì khác thường lắm. Mẹ tôi đi đâu từ sớm mãi đến xế chiều mới về. Như thế là bà về sớm hơn ngày thường. Cũng khác mọi ngày là không gánh gánh hàng trên vai, lại mặc quần áo rất diện, coi trẻ hảnh ra. Bà đã đi cả ngày mới về mà cái áo dài xuyên đen bà mặc vẫn còn nguyên lần xếp như mới lấy trong rương ra. Tôi biết là bà sợ tôi đòi theo nên đã trốn tôi đi lén. Tôi giận, thấy mẹ về không thêm mừng, đứng quay mặt chỗ khác. Bà không nói gì, rón rén bước đến sau tôi rồi thò tay đưa ra trước mặt tôi một cái bánh cúng[2]. Tôi sợ không cầm thì mẹ cho chị Sáu mất liền vội vò lấy rồi mới nói dối:

- Con không thèm ăn đâu. Má trốn con đi ăn giỗ, không cho con theo. Lại cúng cơm cho bà ngoại ở nhà cậu Năm chứ gì? Ai không biết mà giấu!

Chị Sáu tôi cười ngất:

- Mày ngu quá! Má đi chùa cúng rằm mà không biết. Cúng cơm bà ngoại gì mà cúng hoài vậy. Mấy bữa trước cúng rồi, mày được đi chứ tao phải ở nhà ấm em, mày quên rồi à?

Tôi sực nhớ ra hôm nay là ngày rằm. Thật đúng vậy, vì không những tôi được ăn bánh cúng mà còn sắp được ăn một bữa cơm ngon nữa. Mẹ tôi đang kêu chị Sáu tôi đi nấu nước để làm gà nữa kia. Con gà mái bị mẹ tôi cắt tiết còn đang giẫy đành đạch mà mẹ tôi đã vội bảo tôi:

- Thằng Ngộ lấy chai đi mua cho tía mày hai xu rượu đi. Ông về tới bây giờ đã con.

Nhà chú Sú, chỗ bán rượu, cách nhà tôi độ vài trăm thước. Tôi là khách hàng quen thuộc của chú. Lần nào cũng vậy, tôi xách cái chai xị có nút bằng bần và chỉ mua đúng hai xu rượu thôi. Chú Sú đã quen với cách mua rượu của

tôi. Khi tôi từ nhà chạy thẳng một mạch tới quán của chú chỉ cần đưa cái chai và hai đồng xu ra là chú đong rượu vào rồi đưa chai lại cho tôi xách về mà không phải nói năng gì cả. Bận về, phần vì mệt, phần vì phải cầm chai rượu sợ đổ, tôi không chạy nữa. Tôi đi chậm chậm và nghĩ mông lung. Cái chú Sú này sao ổng hay quá, không nói gì hết cũng biết mình mua hai xu rượu mà bán. Không lẽ tại chú ta là người Tàu? Ủ! Khôn lanh như vậy mới giàu được. Nghe nói má còn thiếu nợ ổng tới mấy đồng bạc gạo lận. Mà sao thiếu tiền gạo mà má còn mua rượu. Rượu có ngon không? Tôi mở nút chai ra ngửi thử. Hơi rượu nồng bốc lên cay cả mắt. Có lẽ phải uống mới ngon chẳng? Tôi đứng lại, nhẹ nhàng nghiêng chai rót một chút rượu vào miệng. Rượu nóng như đốt cả lưỡi. Tôi vội phun phèo phèo xuống đất vừa nhìn theo xem có khúc lưỡi nào của mình bị cháy rụng theo không. Không có, chỉ có nước miếng thôi. Yên trí, tôi đập nút chai lại xách về như không có chuyện gì xảy ra.

Thường ngày mấy ngón tay của mẹ tôi hay dính đồ cốt trâu nên tôi rất khó chịu. Vậy mà hôm nay sao tay bà sạch thế! Mấy ngón tay bà xé thịt gà luộc thấy mà mê. Mỡ gà béo ướt đượm mấy ngón tay mẹ tôi. Mùi giấm, chanh, hành, tiêu xông lên, ngửi không cũng muốn chảy nước miếng. Mẹ tôi bóc một miếng thịt cho tôi ăn thử. Miếng thịt nhỏ quá, tôi chỉ muốn liếm mấy ngón tay của bà cho đỡ thèm, nhưng mẹ tôi đã lấy tay về và tiếp tục xé thịt. Cái đầu và hai cái đùi gà mẹ tôi không xé ra mà để qua một bên. Đó là phần để cha tôi nhắm rượu. Những thứ đó là bất khả xâm phạm, có lẽ chừng nào lớn bằng tía tôi mới được gặm nguyên một cái đùi gà như vậy chẳng? Nhưng tôi không phải ao ước lâu, mới ngồi vào mâm là cha tôi đã cho tôi ngay một cái đùi gà:

- Đây là tía thưởng con sáng nay không đòi đi theo má, ở nhà không nhõng nhẽo với chị mà tối nay cũng không đòi đi theo tía nữa, nghe không.

Má tôi cảm:

- Mình ăn đi mà, tối nay nó có phần xôi chè nữa. Để cái đùi đó cho tía uống rượu cho ngon con.

Liếc thấy cha tôi nheo nheo một con mắt, tôi hiểu ý cấm cúi gặm hết cái đùi gà.

Trăng đã lên, soi sáng góc rừng Gò Đồn. Cũng như mọi đêm rằm khác, hể trăng vừa sáng là nước sông đã lên đầy bến, ngập cả cái cầu tắm của nhà tôi. Tưởng như mọi lần, ăn cơm xong tôi ra sân chờ xem cha tôi múa võ vì hôm nay ông đã uống hai xu rượu lại còn ăn thịt gà nữa. Nhưng ăn xong ông vội vã uống nước, đốt điếu thuốc rồi xách côn đi ngay về phía bìa rừng. Thôi đành vậy. Tôi thất vọng lững thững ra sau vườn nghe đé gáy cho vui. Tôi trèo lên gốc ổi ở cuối vườn, ngồi lên chạc ba, lưng dựa vào nhánh cây lớn nhất ngấm trăng lên. Trăng rằm đẹp lắm, tròn như một cái mâm bằng vàng chạm hình cây đa chú Cuội bằng ngọc xanh. Mình mà lên được trên đó chắc chú Cuội tha hồ mừng. Ngồi mãi một mình dưới gốc đa chắc buồn lắm.

Nhưng có phải chú ở một mình đâu. Lúc nào cũng có nhiều cảnh vật bằng mây đến chơi với chú. Các đám mây hình như con thú này, con thú khác, có khi giống như mặt ông Thiện, lúc giống mặt ông Ác. Khi lại giống như một bông hoa, lúc thì giống nguyên một tảng núi khổng lồ bay ngang chân chú Cuội, như muốn che lấp cả chị Hằng. Không biết có đám mây nào giống món gà xé phay hay giống mâm xôi chè không há?

Nhớ đến xôi chè tôi liền leo xuống và chạy vào nhà. Mẹ tôi đã dọn dẹp dưới bếp xong xuôi. Em tôi đã ngủ say. Chiếc võng đung đưa nhẹ nhẹ phát ra tiếng kêu khe khẽ ở đầu cột.

- Xôi, chè đâu má?

Mẹ tôi cười:

- Mới ăn cơm xong mà đói rồi à? Xôi chè phải đợi cúng xong mới ăn chứ.

Mà khuya mới cúng lặn. Đứa nào thức nổi thì ăn, không thì sáng mai dậy ăn cũng được.

- Má kể chuyện đời xưa nữa thì con thức được ngay.

- Con cũng vậy! - Chị tôi nói.

Mẹ tôi bỏ miếng trầu và tèm xong vào miệng chậm chậm nhai rồi bắt đầu.

- Ồ... Hồi xưa...

Nhưng bà bỗng ngừng ở đó, rồi quay sang chuyện khác:

- Hồi sáng này má đi lễ chùa mà giận quá tao bỏ về luôn. Có nhiều bà cũng như má, họ mang cả nhang đèn bánh trái về tối nay cúng riêng.

Thấy hai chị em tôi tỏ vẻ không hiểu, bà giảng giải:

- Nào giờ chùa này thờ một ông Phật khác, năm nay tượng cũ dời đi đâu rồi, thay vào đó là một cái tượng lạ hoắc. Ông thầy chùa già cũ cũng dời đi rồi, một thằng học trò trẻ thay thế, thấy mà ghét.

Bà im lặng một hồi lâu, ngồi trên ván nhai trầu. Tôi định lên tiếng giục thì mẹ tôi cắt lời:

- Chuyện về cái chùa làng Tân Hòa là như vậy: “Lúc còn nghĩa quân và đồn Mỹ Lộc, ông bà mình sợ nhất là tàu chiến của giặc từ Tân Uyên chạy lên vùng này bắn phá. Đồng bào và nghĩa quân cùng nhau hiệp lực đắp một cái đập ngang sông tại làng Tân Hòa, cách Tân Uyên chừng ba cây số! Bây giờ giữa sông cũng còn mấy tảng đá lớn nằm giữa sông mà lúc nào nước ròng ai cũng thấy. Đó là dấu tích của cái đập khổng lồ ngày xưa đó. Bên cạnh đập là xóm Đền, chính là nơi ông bà mình dùng dầu chai và tre nứa khô làm đèn, kết lại thành những bè lửa thả đầy sông đón đốt tàu địch. Cũng ở gần đó có cái chùa của làng Tân Hòa nằm trên ngọn đồi cao bên bờ sông mà trước nay mình vẫn gọi là chùa ông Mỗ, đồng bào mình đi lễ ở chùa này nhiều nhất là tết và những ngày rằm. Hồi đó, dọc theo hai bờ sông, ông bà mình và nghĩa quân canh gác tàu địch rất kỹ. Từ Tân Uyên lên đến Lạc An cứ mỗi cây số là

có hai trạm gác ở hai bên bờ sông. Phần lớn người ta báo hiệu bằng mõ tre, khi báo động thì đánh ba tiếng liên tiếp thành từng hồi: cóc, cóc, cóc... cóc, cóc, cóc... đánh đến khi nào tàu giặc qua khỏi trạm gác mới thôi. Khi nào thấy tàu giặc rút về thì đợi cho chúng qua khỏi trạm gác đánh mõ báo an bằng hiệu mõ ba hồi dài kèm ba dùi ngắn đánh thông thả. Trạm gác xóm Đền là trạm gác chính vì nó ở gần Tân Uyên nhất. Gác trạm xóm Đền là hai vợ chồng già rất cần mẫn lại gan dạ. Dù đứng trên đồi cũng nhìn được hết khúc sông Đồng Nai từ Tân Uyên đến Tân Tịch rồi, nhưng ông đã cẩn thận cắt một cái chòi gác trên ngọn cây dầu to trên đồi. Ngày đêm ông bà thay nhau trèo lên ôm mõ ngồi gác trên đó, dù trời mưa nắng không bao giờ vắng mặt. Vừa canh gác vừa cuốc đất trồng khoai, bắp, đan rổ rá để sinh sống. Mỗi khi thấy gì khả nghi thì ông lại gọi bà hay bà kêu ông lên ngó lại cho chắc chắn để đánh mõ báo động. Đồng bào và nghĩa quân rất tin tưởng hiệu mõ của trạm gác xóm Đền. Nhờ nó mà nhiều lần dân mình kịp tránh được giặc và mai phục đánh lại chúng. Có món ăn nào ngon, hay săn được thú rừng mọi người thường đem biếu hai vợ chồng già như để tiếp thêm sức cho canh gác tốt. Bọn Tây ở Tân Uyên dần dần cũng biết chuyện. Chúng ráp tam trù diệt trạm gác này để có thể dễ dàng đánh sâu vào vùng căn cứ của nghĩa quân.

Một ngày kia đoàn tàu chiến giặc từ Tân Uyên kéo lên. Mõ báo động thúc vang hồi, lần này tiếng mõ của trạm gác xóm Đền đánh mãi không thôi, mỗi lúc càng to, càng gấp. Đồng bào hai bên bờ sông đã tản cư vào rừng hết. Nghĩa quân đồn Mỹ Lộc đã chuẩn bị sẵn sàng nghênh chiến từ lâu mà tiếng mõ vẫn thúc liên hồi. Trên ngọn cây dầu cao hơn ngọn dừa trước nhà mình hai vợ chồng ông gác nhìn thấy rõ từng chiếc tàu giặc chạy từ Tân Uyên lên Tân Tịch, ông khói đen xì phun khói mịt mù, chân vịt đập nước cuộn sóng trắng xóa sau lái. Cả khúc sông xanh nổi sóng to như đang cơn bão táp. Những

chiếc ghe, xuống của đồng bào chưa kịp giấu bị sóng đập nhảy chồm chồm như muốn lên bờ chạy trốn bầy thú dữ. Súng đại bác của giặc bắn xối xả vào hai bên bờ sông. Những ngọn dừa trúng đạn gục đầu, rũ lá tả tơi. Mấy trái đạn đại bác bay sạt qua ngọn cây dầu làm lá cành đổ xuống rào rào. Hai ông bà thay phiên nhau đánh mõ. Đánh rũ cả tay mà chiếc tàu cuối cùng của giặc vẫn chưa qua khỏi trạm gác. Nó lại quay mũi vào bờ. Biết chúng muốn đổ quân lên bờ, ông già bèn bảo vợ leo xuống chạy đi báo cho nghĩa quân chặn đánh. Bà chần chừ muốn giành ở lại đánh mõ để ông chạy đi. Giằng co một hồi, bà phải chịu xuống thang đi báo cho nghĩa quân.

Bọn giặc đổ quân lên bờ nghênh ngang kéo nhau lên đồi. Cuối cùng chúng xúm lại đứng ngay dưới gốc dầu, vậy mà trên ngọn dầu tiếng mõ báo động vẫn đánh vang rền. Thằng chỉ huy râu xồm chìa súng nhắm vào ông già và nói gì đó. Một thằng Việt gian thông ngôn lại: “Đánh mõ báo an rồi xuống đầu hàng ngay lập tức, ông lớn sẽ cho làm quan. Không nghe thì chết đừng có trách”. Thằng thông ngôn nói đi nói lại câu nói tới ba lần rất cổ hợm mà tiếng mõ báo động mỗi lúc một hăng và mạnh lên như muốn át đi những lời dơ bẩn ở dưới gốc dầu vọng lên tai ông lão. Một phát súng nổ. Cánh tay mặt của ông lão vừa giơ lên bỗng buông thõng xuôi theo thân hình gầy ốm, bàn tay bỗng chốc buông rơi cây dùi lại vội vàng nắm chặt lại. Một dòng máu đỏ tươi chảy dọc theo cánh tay xuống đầu dùi nhỏ giọt xuống đất. Ông già dường như đứng sững trên chòi gác trong giây lát. Bất thành linh cánh tay trái của ông đang cầm cái mõ bằng tre già bóng loáng đưa thẳng lên trời, rồi cả thân hình ông lão đột ngột lao thẳng từ ngọn dầu xuống chỗ thằng Tây râu xồm đứng. Thằng Tây hốt hoảng bóp cò súng. Nhưng không ai nghe tiếng súng nổ, chỉ nghe tiếng gõ rùng rợn của chiếc mõ tre đập xuống đầu tên giặc. Thằng Tây râu xồm chết không kịp nháp, óc nó phụt ra trắng xóa gốc cây dầu.

Cùng lúc đó nghĩa quân ta vừa kéo tới, cung tên, đạn súng kíp của nghĩa quân cùng tiếng hò la tiếp ứng làm cho quân giặc hốt hoảng. Chúng vội vàng khiêng xác tên chỉ huy chạy vội ra sông rút xuống tàu mang theo nỗi kinh hoàng khiếp đảm khi tận mắt thấy cái chết của lão nông dân miền đất này. Khi bà vợ ông lão và toán nghĩa quân kéo đến dưới gốc dầu thì ông lão đã trút hơi thở cuối cùng. Bàn tay trái của ông vẫn còn nắm chặt cái mõ tre đầm máu. Người ta chôn ông trên ngọn đồi và lập chùa để thờ cúng ông. Mấy năm trước má đi chùa còn thấy tượng của ông, một tay cầm cái mõ tre sơn đỏ đưa lên trời. Ai đến chùa cũng được nghe ông sư già giữ chùa kể lại sự tích ngôi chùa từ chuyện hai vợ chồng ông mõ già như má kể cho con nghe vậy. Vậy mà năm nay đi lễ má thấy người ta không để ông sư già ở đó nữa. Cả cái tượng ông mõ cũng bị đem đi đâu không biết, thay vào đó là tượng một người khác có cái mồm dài như mồm Trư Bát Giới vậy. Ông thầy chùa mới, đầu trọc chưa có một cái “sẹo ngòai hương” nào, con mắt lão liêng thấy là phát ghét rồi. Ông này nói với má và mấy bà là tượng này mới thỉnh từ trong rừng về, linh thiêng hơn tượng ông Phật cũ. Má nghe nói, giận quá bỏ về luôn. Mình có lòng thì cúng ở nhà cũng được, không cần chi phải ra chùa nữa...

Sực nhớ tới nồi chè đang nấu, mẹ tôi vội bước xuống bếp. Tôi chạy theo bà. Nồi chè đang sôi ùng ục trên bếp lửa làm cho bụng tôi cũng muốn kêu theo. Trăng đã lên cao, ngoài sân bóng cây xoài đã thu dần về dưới gốc. Dưới sông nước ròng đã để lộ cây cầu tắm và bãi cát trắng lấp lánh. Dòng sông lặng lẽ trôi. Không gian yên ả vô cùng. Những chiếc tàu sắt đen sì chở bọn quỉ dữ râu xồm chạy ngược dòng sông đi phun khói lửa, phun chết chóc đau thương vào hai bờ sông quê tôi bây giờ ở đâu? Tôi chỉ thấy mây trắng trời xanh, trăng vàng và dòng nước lặng lẽ trôi. Nhưng cái chùa ông Mõ vẫn còn đó và chuyện về ông mà mẹ tôi kể thì như mới vừa xảy ra hôm qua thôi.

Chị Sáu dường như cũng có những ý nghĩ vẩn vơ như tôi. Tôi thấy chị ngồi im một hồi trước bậc cửa, ngửa mặt nhìn trời rồi mới đứng lên đi xuống bếp. Ba mẹ con tôi ngồi quanh bếp lửa cháy bập bùng. Nồi chè sắp chín bốc hơi thơm phức. Cạnh bếp là chỗ xôi đã chín sẵn còn để ủ bên bếp lửa cho nóng. Đang yên lặng tôi chợt nhớ ra và hỏi mẹ tôi.

- Rồi còn ông Hoàng Lễ và nghĩa quân đi về núi Bà Én nay có còn ai không má? Hôm trước má nói là mình còn tới tám trăm quân kéo lên Lạc An mà.

- Làm gì có còn ai. Từ đó đến nay đã hơn bốn chục năm rồi... Ông Hoàng Lễ thì sau trận bão lụt và trận Gò Đồn ấy rất buồn rầu. Đồn Mỹ Lộc mất, ông mất luôn đứa con trai tài giỏi cùng một trăm dũng sĩ nghĩa quân. Quân thiếu lương như ngựa thiếu cỏ. Chờ đợi sự tiếp viện của quân triều đình không được, ông bèn liều mạng đem quân đi đánh một trận sau cùng quyết một mất một còn với bọn giặc ở Tân Uyên. Từ Lạc An, Chánh Hưng quân ta người cưỡi ngựa, kẻ chạy chân, tốp trên bộ, tốp dưới thuyền cờ dong trống giục ào ào kéo về Tân Uyên như cơn nước lũ. Ông Hoàng Lễ cưỡi ngựa đi đầu vừa đến xóm Thiện Tân thì có một người đàn bà chạy ra trước đầu ngựa của ông, cản đường quân lại. Bà ta ôm lấy đầu ngựa của ông mà nói: “Ngài hãy dừng quân lại, xin nghe tôi nói đôi lời phân giải. Thời Trời nay chưa giúp ngài đâu. Ngày này không tốt, giờ này không lành, xuất quân đi không có lợi. Ngài mang quân về đợi thuận trời mới thắng được, chứ cứ tiến quân đi tôi e đi thì đại lộ mà về tiểu lộ đó...”. Ông Hoàng Lễ biết đây là bà cô làm nghề bói toán lên đồng trong làng nổi tiếng là linh nghiệm. Nhưng lòng đã quyết, trở về e nhục chí toàn quân. Ông bèn ra lệnh cho quân lính lôi người đàn bà tránh qua một bên, lấy đường cho quân đi. Không cản được đoàn quân, bà cô đã treo cổ tự tử ngay một gốc cây bên đường. Ông Hoàng Lễ vẫn thản nhiên đốc quân tiến tới. Lần ấy quân đi không về, tướng Hoàng Lễ bị giặc giết, nghĩa quân cũng tan rã luôn. Số còn lại rút chạy vào rừng rồi cũng bị chết

dần chết mòn hết. Dân đi rừng bây giờ thỉnh thoảng cũng còn gặp mồ mả hay dấu tích ruộng nương của họ giữa rừng. Cũng sau trận ấy dân làng mang xác bà cô làng Thiện Tân về chôn cất. Về sau người ta lập miếu thờ bà gọi là miếu Bà Cô[3]. Nghĩa quân không còn nhưng đồng bào mình vẫn tưởng như ở đâu đó trên nguồn sông trong rừng thẳm vẫn còn ẩn náu những người anh hùng của mình. Vào những đêm trăng thanh gió mát như đêm nay, người ta chùng chùng như vẫn còn nghe tiếng quân reo, ngựa hí, loa vang vọng từ Gò Đồn, Mỹ Lộc. Người ta nói rằng đó là vong hồn nghĩa quân trở về tập trận. Bởi vậy, vào những đêm rằm dân làng mình thường nấu xôi chè, đốt giấy tiền vàng bạc cho nghĩa quân. Nhà mình cũng sắp cúng đây, má cúng cho cậu Mười luôn thể. Chè chín rồi, dọn mâm chén ra đi con, Sáu.

Cậu Mười Rậm em ruột má tôi không phải là nghĩa quân. Má tôi thương cậu Mười lắm. Cậu tôi giỏi võ nhất làng. Mấy năm sắp lấy vợ thì cậu tôi bỏ nhà đi, nghe nói đi theo Thiên Địa Hội gì đó. Sau đó người ta đồn là cậu tôi bị Tây bắt và giết chết ở Sài Gòn. Không biết cậu chết ngày nào nên mỗi dịp cúng nghĩa quân vào rằm tháng bảy là mẹ tôi vái cúng luôn cho cậu Mười Rậm. Mẹ tôi lấy chiếc áo dài đen mặc lúc đi chùa về còn treo trên vách mặc vào người. Bà đốt ba cây nhang đứng trước mâm xôi chè bốc hơi nghi ngút, trịnh trọng đưa ba cây nhang lên ngang mày, cúi xuống xá một cái dài rồi cắm nhang vào cái ly đựng đầy gạo đặt trong mâm cúng bên cạnh cây đèn hột vịt. Khói nhang khói đèn dầu, hơi nóng từ mấy chén xôi, chén chè bốc lên quyện vào nhau thành một mùi khó tả. Tôi thấy vừa tò mò, vừa sờ sợ. Mẹ tôi đứng trước mâm cúng chắp hai tay trước ngực vái:

- Linh ai ông bà, vong hồn nghĩa quân, vong hồn cậu Mười nó.

- Có tôi đây!

Cha tôi từ ngoài sân bước vào, vừa, nói vừa cười hì hì. Ông xách cây côn đứng ngay sau lưng mẹ tôi. Tôi thấy mẹ tôi cố nín cười, ráng giữ vẻ nghiêm

trang khăn vái âm thầm trong miệng. Vái xong bà vén tà áo dài ngồi xuống đất, lạy ba lạy. Chờ bà vừa đứng lên là cha tôi tiếp tục nói đùa:

- Vô tửu bất thành lễ rồi, cúng nghĩa quân mà không có rượu thì... nghĩa quân nào chứ nghĩa quân này không chứng cho đâu.

Nói rồi ông lại cười ồ lên. Mẹ tôi đã muốn cười nhìn lại làm ra vẻ bực tức nói:

- Đến chết cái nét không chừa. Không chịu cúng thì để người ta cúng, cứ phá đám hoài... Thôi, ông bà hưởng rồi đó, các con ăn đi.

Em tôi chợt thức giấc, khóc ré lên. Cha tôi bước tới kéo võng đưa nó để chị và mẹ tôi ngồi ăn xôi chè. Giữa khuya, giọng ồ ề của cha tôi hát ru em tôi ngủ buồn như tiếng khóc trong một đám tang

“Ừ... ừ... ơ... ơ... Than ôi! Một trận khói tan ơ ờ...

Ngàn năm tiết rỡ... ơ ờ...

Binh tướng nó hãy còn đóng sông Bến Nghé ơ ờ, làm cho bốn phía mây ơ ờ đen...

Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứuặng một phường con đỏ ơ ờ...

Thác mà trả hết nước non rồi nơ ơ ờ... danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen ơ ờ...

Thác mà ung đình miếu để thờ ơ ờ, tiếng hay trái muôn đời ai cũng mộ ơ ờ...

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc ơ ờ... linh hồn theo giúp chúng tôi ơ ơ ơ...

Sống thù Tây, thác cũng thù Tây ơ ơ ờ ờ chè xôi đó, có linh xin hưởng ơ ờ...

Cả nhà cười ồ lên, cả mẹ tôi cũng không làm nghiêm được nữa. Bài văn tế này là cha tôi ru em riết, cả nhà ai cũng thuộc, không ngờ hôm nay ông bịa ra mấy câu chót nghe như trong bài thiết vậy.

Tiếng con tắc kè kêu như từng nhát búa bổ vang trên ngọn dừa trước sân.

Chị tôi lẩm bẩm đếm theo:

- Rủi, may, may, rủi, may...

Tôi leo lên phản nằm gần cha, rúc đầu vào nách ông như là con rúc vào cánh mẹ. Đang thiêu thiêu ngủ tôi nghe cha tôi nói:

- May quá hôm nay anh em mình đi tập kể cả tôi nữa là đúng một trăm người, không dư không hơn. Nếu cho thằng Ngô này đi theo là đâu đúng số một trăm. Không biết đến bao giờ mới có được bữa tập có ý nghĩa như vậy. Trong lúc mơ màng tôi bỗng thoáng nghe văng vẳng tiếng mẹ kể “Nghĩa sĩ Gò Đồn lúc đó ở lại một trăm quân...”. Vậy là hôm nay cha tôi cũng đi cùng nghĩa quân mà cùng theo cách của ông. Tôi nghe ông thở mấy hơi dài có vẻ thỏa mãn. Quay qua gác chân lên bụng ông, tôi ngủ lúc nào không biết.

[1] một thứ lá cây rừng còn tươi, cuộn cháy

[2] loại bánh tét nhỏ, dài độ một gang

[3] Theo một tư liệu khác cũng của tác giả, ông kể lại nguồn gốc của ngôi miếu này với một sự tích như sau:

Tướng Hoàng Lễ vốn là một ông quan trong triều đình Huế, do lấy cô đào hát Huyền Cơ làm vợ, không tuân thủ theo luật nhà vua nên phải treo an từ quan chớ không chịu bỏ vợ. Ông bị trục xuất ra khỏi kinh thành và lưu lạc vào Gia Định sinh sống. Giặc Pháp xâm lược nước ta, con trai ông là Hoàng Hồ và ông được dân chúng tôn lên làm Tổng đốc, đứng ra chống giặc. Giặc Pháp cho tay sai mang giấy phủ dụ của triều đình giả gọi ông về triều hồi phục tước cũ. Mừng rỡ, Hoàng Lễ chuẩn bị ra đi, trở ra Huế. Con ông là Hoàng Hồ và vợ là Huyền Cơ ra sức ngăn cản. Nhưng kẻ tôi trung mù quáng vẫn kiên quyết lên đường. Vợ ông, bà Huyền Cơ thấy chồng đã lên ngựa đi vội vã cầm chiếc áo bào của ông chạy theo, qua đến bên kia sông thì ngựa ông đã xa rồi. Bà Huyền Cơ rút dao tự sát Con bà là Hoàng Hồ mang xác mẹ

về mai táng và lập miếu thờ bên kia sông.

Tướng Hoàng Lễ cũng không về đến Huế. Đi dọc đường sức cùng lực kiệt, lại ân hận vì không nghe vợ khuyên can, ông viết một bức thư tuyệt mệnh dắt vào mình, tự trói mình lên lưng ngựa rồi chết. Con ngựa quen đường quay lại làng Tân Tích, nơi Hoàng Hồ cùng nghĩa binh đóng tại đồn Mỹ Lộc. Người ta lại an táng ông tướng bên này sông và cũng lập ngôi miếu thờ đối diện với miếu thờ vợ ông ở bên kia sông.

Vào một đêm mưa bão, dòng sông nổi sóng đánh sạt lở bờ bên kia. Ngôi miếu thờ bà Huyền Cơ theo sóng tấp vào bờ bên này. Con bão tan, dân làng dựng lại cái miếu thờ chung cả hai người ở bên này sông gọi là miếu Bà Cô (hay miếu Bà Cơ). Cũng theo lời tác giả thì trong ngôi miếu này trước kia có cả chiếc áo bào của ông tướng mà bà mang theo.

Huỳnh Văn Nghệ

Quê hương rừng thẳm sông dài

Chương 2

CON đường đá đỏ như pha son chạy theo bờ một con sông quanh co xanh biếc. Thỉnh thoảng có một chiếc cầu gỗ ván bắc qua con suối hay con rạch chảy từ trong rừng trong ruộng ra sông. Hai bờ suối, cây rừng, tre gai nổi ngọn nhau che phủ dòng nước. Hai bên đường, những mái nhà ngói, nhà tranh thấp thoáng sau vườn cây trái. Ngang qua những cái đình, chùa hay qua “nhà việc” của làng thường gặp những cái cổng gạch cao rộng. Con

đường mát rượi dưới những bóng dừa, xoài, mít, bưởi. Đi trên đường, khách bộ hành có thể thấy một trái xoài mới rụng trên đường đá đỏ như mặt trời mọc. Đôi nơi lại bị một quả dừa khô bất ngờ rơi xuống ngay bên cạnh làm giật mình, nổi da gà. Vào mùa xuân khi bưởi ra hoa, ai đi qua đây cũng hít đầy lồng ngực mùi hoa bưởi ngọt ngào, thơm ngát. Vườn nhà này nối tiếp vườn nhà kia. Nhà nào cũng có bưởi, không có một vườn thì cũng được năm ba gốc. Thỉnh thoảng có những đám ruộng nằm sát đường. Đám thì trồng mía, đám thì trồng khoai trông như những cái cửa sổ nhìn từ sông Đồng Nai ra bên đường này, hoặc nhìn tận bìa rừng bên kia đường. Dòng sông rộng lớn luôn biến đổi. Nước lớn thì chảy lên, nước ròng chảy xuống. Hôm nào mưa to gió lớn hay vào mùa lũ, dòng sông chảy cuộn cuộn như lòng người sôi sục căm thù, lúc yên tĩnh nó lại phẳng như mặt hồ trầm ngâm suy nghĩ. Rừng nhìn xa như một vành móng ngựa khổng lồ màu ngọc biếc bao quanh hết hướng đông-đông bắc của xóm làng, đồng ruộng vùng này. Màu xanh của rừng giáp với chân mây, mỗi ngày mặt trời như từ cánh rừng xa nhô lên chậm chậm, khó nhọc, đỏ mặt tía tai. Xóm làng ruộng vườn dường như đứng dừng lại trước bìa rừng, con đường đá đỏ dài vài chục cây số cũng dừng lại đó như một tội nhân kiệt sức và đuối lý trước vành móng ngựa.

Quê hương Tân Uyên rừng thẳm sông dài của tôi đó. Dân làng tôi từ đời nào tới nay đã quen với tiếng khỉ ho cò gáy, tiếng cộp thét beo gầm và tiếng thác Trị An đổ ầm ầm trong những đêm thanh vắng. Củi thì lên rừng kiếm, nước thì xuống sông gánh, nhưng gạo thì dân làng tôi chỉ đủ ăn một năm có mấy tháng mà thôi. Rừng thiêng sông dữ luôn luôn đe dọa cuộc sống của người dân. Ngươi tay cày cuốc là cây rừng cỏ dại trở về. Ngủ quên một giấc có thể mất cả một mùa vì bị voi dày, bị heo rừng phá sạch. Mỗi năm một mùa nước lũ, hồi hộp lo sợ từng phút từng giờ. Dân làng tôi lam lũ làm ăn, chỉ còn biết chấp những bàn tay đã chai sạn vì cầm cán cuốc, chuôi cày lại mà vái Trời,

vái Phật. Những đêm tối trời, nhìn về phía nam cũng thấy được ánh đèn điện của thị xã Biên Hòa, của thành Sài Gòn ửng đỏ một góc trời. Đó là ánh sáng của văn minh, hay là ánh mắt điều hâu của các quan cai trị đang dòm ngó làng quê tôi một cách thù hằn đánh ghét. Vùng sáng ấy cùng với vệt thẫm đen của rừng thiêng xô tới như muốn bóp bẹp xóm làng đồng ruộng quê tôi đến nghẹt thở.

*

Năm tôi lên 10, mỗi lần nghe chị tôi hỏi mẹ:

- Sao mà mình nghèo khó, đói rách, nợ nần mãi vậy má?

Mẹ tôi thường trả lời:

- Tại Trời, tại Phật, tại phận má nghèo.

Nhưng cũng có khi mẹ tôi nói một câu nghe khó hiểu:

- Tại tui Tây, tại mình mất nước!

Tây là ai, mất nước là như thế nào? Từ ngày biết chạy chơi tôi đã đi khắp hết làng Tân Tịch này rồi. Tôi còn theo mẹ đi khắp các làng lân cận Tân Hòa, Mỹ Lộc, Trường Lang trong lúc mẹ tôi gánh hàng đi bán cau khô, vải, mắm. Tôi còn được bà cho theo đi chợ Tân Uyên, chợ Cây Đào, chợ Lợi Hòa trong huyện để mua hàng. Nào tôi có thấy thằng Tây nào đâu? Ngay cả ma Tây, quỷ Tây người ta nói ở vùng này nhiều lắm vì ngày xưa giặc Pháp bị giết ở đây rất nhiều, mà tôi cũng không thấy tên nào. Mẹ tôi dặn hễ gặp ma Tây thì nắm chặt hai ngón tay cái lại rồi hô lớn: “nghĩa quân” là ma Tây sẽ biến mất. Thường khi trời tối, đi đâu chơi trong làng tôi cũng thường nhớ lại lời mẹ dặn, nắm chặt hai tay chờ xem gặp ma Tây là hô lên. Nhưng tôi chưa có dịp nào thực hiện được mong muốn hét lên cho ma Tây hoảng sợ. Ở làng tôi có bà Ba Thôn da trắng tóc vàng mũi cao, mắt đục như nước trong vũng trâu đầm. Người ta bảo bà giống Tây như hệt. Nhưng bà dễ thương lắm, thường đến nhà tôi ăn trầu nói chuyện với mẹ tôi cũng như người mình vậy. Mẹ tôi

nói bà Ba Thôn cùng một tuổi Thìn với mẹ tôi, sanh vào năm nước lụt và nghĩa quân thất trận, mất đồn Mỹ Lộc đó, mẹ của bà là một cô gái làng bị tị Tây bắt được hãm hại làm cho mang thai và sinh ra bà. Sinh con xong người mẹ nhảy xuống sông tự tử. Bà con nuôi đứa trẻ lớn lên như nuôi lớn một mối hận thù. Bà Thôn lớn lên như mọi người khác trong làng, cũng biết cấy gặt, rồi cũng có chồng có con và cũng nghiện trà như mẹ tôi vậy.

Vậy nếu tị Tây có thì chắc là ở xa và chắc ít hơn người mình. Vậy sao mẹ tôi lại nói mình nghèo khổ là do tị Tây, tại mình bị mất nước. Điều ấy dần dần lớn lên tôi mới lý giải hết được.

*

Một hôm tôi nghỉ học, đang chơi lò có với em tôi ngoài sân thì nghe chó sủa om từ xóm dưới lan dần lên xóm trên. Ở làng tôi mỗi lần chó sủa lan như vậy là ai cũng biết là có một trong hai người đang đi tới, đó là anh Hai Tán và người thứ hai là hương quản Chinh.

Anh Hai Tán rất hay ăn thịt chó. Ở làng tôi nhà nào muốn bán chó hay làm thịt chó đều nhờ đến anh. Anh bắt chó, cắt tiết, làm lông rất tài mà nấu đồ nhậu bằng thịt chó cũng ngon. Dần dà mấy con chó trong làng hề thấy mặt, thậm chí nghe hơi anh là chúng sủa rùm lên, inh ỏi từ làng trên đến xóm dưới. Chắc tị chó ghét và sợ anh lắm, còn tôi thì thương anh lắm vì anh là bạn thân của cha tôi. Anh thường gọi cha tôi là chú Hai. Đi cửa gỗ mướn thì cha tôi và anh cửa chung một cặp. Cha tôi làm thợ chính đứng trên. Anh làm thợ phụ ngồi phía dưới. Mẹ tôi thì không thích anh lắm vì anh thường ăn thịt chó và hay bỏ việc đi nhậu làm cha tôi cũng phải nghỉ theo.

Còn người thường bị chó sủa thứ hai là hương quản Chinh. Thằng cha này cái mặt khó thương lắm. Mặt thằng chả mập phì, lấp cả hai mắt. Bộ râu lúc nào cũng ướt rượt vuốt ngược lên hai gò má. Đi đâu nó cũng đội một cái nón lông, tay xách một cây ba ton để dọa chó. Hôm nào hương quản Chinh

xách theo cây súng hai nòng thì trẻ con chạy theo coi thành đàn như coi múa lân. Mỗi lần vậy hương quán Chinh tỏ vẻ bức bối, thỉnh thoảng lại đưa súng dọa:

- Tao bắn chết hết.

Bọn trẻ con và chó bỏ chạy tán loạn.

Tôi ghét hương quán Chinh còn hơn cả chó. Nó là chủ nợ của cha tôi. Mới hôm qua vợ nó sang nhà tôi đòi nợ. Mẹ tôi mới đẻ em nhỏ còn nằm trong ổ vậy mà con vợ hương quán ngồi chồm hồm trên bộ ván giữa nhà tôi, xỏ mồm vào buồng đòi nợ chèo chèo nghe nhức cả xương. Nó tèm trầu ăn, xia thuốc của mẹ tôi không biết bao nhiêu mà kể, lại còn nhổ cốt trầu ra bắn cả nhà. Ra về nó còn quơ chiếc chiếu mới nhất của nhà tôi xách đi. Chị Sáu tôi phải chạy theo khóc lóc năn nỉ mãi nó mới quăng trả.

Tiếng chó sủa đồn lan đến xóm tôi rồi. Con chó vàng nhà tôi cũng đã chạy ra đường. Tiếng con vàng sủa khác hẳn tiếng chó của xóm này. Nó vừa sủa vừa tru rất dài. Mẹ tôi thường bảo nhà nào có chó sủa như vậy làm ăn không khá. Cha tôi thương tài sản thô đảm của nó nên cứ muốn giữ nuôi mãi đến bây giờ. Con chó đã chạy về đến sau nhà, vừa thụt lùi vừa sủa. Nhất định là nhà tôi có khách.

- Nhà có ai không đánh chó cho tôi vô coi!

Đúng là cái giọng hống hách của hương quán Chinh rồi. Cha tôi biết không tránh mặt kịp, đành lên tiếng trả lời:

- Mời chú hương quán cứ việc vô, đồ chó này chỉ giới ăn hiếp mấy con thỏ để chó không làm gì nổi ai đâu.

Trong lúc cha tôi lấy cái áo mặc vào, hương quán Chinh chống cây ba ton đứng giữa nhà ngó quanh ngó quất. Chị tôi lưỡng lự một hồi mới chịu lấy chiếc chiếu trải lên bộ ván mời nó ngồi. Hôm qua trời mới mưa, đầu cây ba ton của nó còn lấm sinh, vậy mà nó để cây ba ton lên chiếc chiếu mới của

nhà tôi. Con chó đã thôi không sủa nữa. Không khí trong nhà tôi bỗng yên lặng đến đáng sợ. Cha tôi chờ hương quân Chinh lên tiếng đòi nợ và nghĩ cách trả lời cho trôi. Hương quân Chinh dường như muốn giữ vẻ quan trọng nên chưa thém nói. Chắc nó muốn cha tôi phải thừa gửi nó trước.

- Bớ đồ... qua rước giùm... Bớ đồ. Hú... ú...

Tiếng gọi đồ bên kia sông đã phá tan sự im lặng nặng nề trong nhà. Cha tôi bảo chị Sáu.

- Con Yền chèo đồ qua rước người ta con. Thằng Ngô dắt em xuống nhà nấu nước. Nước sôi thì kêu tía xuống pha trà cho chú... ờ... cho thầy hương quân uống.

Thường này thế nào tôi cũng giành chèo đồ để chị tôi nấu nước. Nhưng hôm nay, cảm thấy có chuyện quan trọng tôi cũng muốn ở nhà nghe xem hương quân Chinh nói chuyện gì. Chị Sáu tôi cũng chần chừ mãi, đợi cho người bên kia sông gọi giục mấy lần nữa mới xách nón xuống bến. Gần xuống tới nơi, chị còn trở lên ghé tai tôi nói nhỏ:

- Ở nhà nếu em thấy nó lấy chiếc chiếu của mình đi thì phải khóc lên giựt lại cho được ghen. Tối nay mưa lạnh lắm, chỉ có một chiếc chiếu để đắp đó. Đợi chị về mới được đi chơi đó đa...

Chị tôi đi rồi tôi dán mũi vào vách nhìn lên nhà coi chừng chiếc chiếu, quên cả chụm lửa nồi nước.

Hương quân Chinh ngồi xếp bằng trên bộ ván, vuốt râu hồi lâu rồi mới bắt đầu nói:

- Anh tưởng hôm nay tôi đến đòi nợ anh nữa hả?

Cha tôi chưa kịp trả lời, nó đã nói tiếp:

- Chuyện đòi nợ là chuyện nhà, để đàn bà nó lo. Tôi còn phải lo việc dân, việc quan, việc làng, việc nước chớ.

Hương quân nói tới đó híp mắt cười, tự tán thưởng cho câu giáo đầu có vẻ

văn chương của nó. Được dịp tốt, cha tôi không bỏ qua việc hẹn nợ, ông nói:

- Việc nợ nần thì hôm qua vợ tôi đã nói hết với thím hương quản rồi. Thật là chưa có một đồng một cắc nào trả nợ lúc này được. Hôm nay nếu chú có đòi nữa thì cũng mất công vô ích mà thôi. Còn có chuyện gì quan trọng mà chú tới nhà bữa nay thì chú cứ nói.

- À, chuyện này không quan trọng lắm, nhưng nếu anh chịu làm thì có lợi cho anh, cho tôi, cho cả làng mình nữa. Thôi, vòng vo cũng vậy. Tôi thay mặt Ban hương chức tới đây chỉ bảo cho anh nghe để anh ra lãnh chức hương tuần ở làng mình đó. Ban đầu thì làm nhỏ nhỏ vậy, sau lần lần lên. Nhứt là có tôi làm hương quản, anh giúp việc cho tôi thì anh lên thay tôi... mấy hồi. Ở đời này “nặng bề nào che theo bề nấy”, phải có chút chức phận trong làng trong xóm, thì làm ăn mới được, chớ cứ như anh thì nghèo khó hết đời...

Cha tôi dường như hết muốn nghe, ngắt lời nó:

- Tưởng việc gì chớ việc đó thì tôi đã nói với chú nhiều lần, mà chú cũng biết ý tôi từ lâu rồi. Tới chết tôi cũng không thể nào làm lãnh, làm lính cho Tây đâu.

Hương quản Chinh đổi giọng dọa nạt:

- Trước đây anh làm thầy dạy võ. Nhà nước cấm anh vẫn lén lút dạy đến đổi bị bắt giam mấy lần. Nếu không nhờ tôi can thiệp thì anh ở tù rục xương rồi. Bây giờ anh không dạy võ nữa, nhưng cái nạn nghề võ do anh gây ra vẫn còn. Bọn thanh niên ngang đầu cứng cổ, du côn, ăn cướp, chống làng chống lính ở đây đều là học trò cũ của anh. Anh không chịu làm làng để trị nó nghĩa là anh dung dưỡng xúi giục nó. Rồi thì anh sẽ cùng với cả bọn nó vào tù, nghe chưa?

Biết cha tôi không thể chịu đựng nổi giọng xác xược và những lời đe dọa của thằng hương quản, mẹ tôi từ trong buồng lên tiếng gọi:

- Tía nó oi, vô đây tôi mượn cái này...

Cha tôi hiểu ý, không vào buồng mà cố gắng trả lời một cách bình tĩnh:

- Chú hương quân nghĩ lại mà coi. Tôi thôi dạy võ từ lâu rồi. Mà lúc dạy cũng dạy côn, đao, quyền, kiếm gì đó thôi chứ đâu có dạy ai ngang đầu cứng cổ, chống lính chống làng du côn ăn cướp gì đâu. Cái đó bà con xóm làng đều biết rõ, ai muốn vu oan cho tôi cũng không được. Nhiều làng khác không ai dạy võ cũng có du côn, ăn cướp, chống lính chống làng vậy. Có nhiều thầy nghề võ đã ra làm lính làm làng cho Tây mà cũng có trị được du côn ăn cướp đâu. Tôi nói hết lời với chú rồi: Tôi đã thề với cha mẹ ông bà tôi ngày trước rằng đời tôi sẽ không khi nào làm lính làm làng cho Tây được. Tôi đã già rồi muốn giữ trọng lời thề đó cho tới chết.

Mẹ tôi từ trong buồng nói với ra:

- Làng mình thiếu gì người làm hương tuần được mà Ban hương chức phải cần đến chồng tôi. Nhà nghèo thế này làm không đủ ăn còn thời giờ đâu nữa mà...

Hương quân Chinh ngắt lời ngay với vẻ bực tức:

- Thôi tôi biết rồi, đi dạy võ lên không lấy tiền như hồi trước thì có thời giờ còn đi làm việc làng việc nước thì bận lo nghèo, lo đói đủ thứ.

Hương quân Chinh hậm hực, nhưng bỗng lại dịu giọng xuống:

- Tôi thương anh chị, thấy việc phải quấy thì nói thế thôi chứ còn anh chị có nghe hay không thì tùy. Sau này có chuyện gì thì đừng có trách tôi. Tôi tưởng “ăn theo thuở, ở theo thì” thì là phải hơn chứ. Ông bà mình ngày trước giỏi biết bao nhiêu mà còn đánh không lại Tây, mình còn chống nó làm gì. Không làm cho nó thì thiệt thân mình mà thôi.

Cha tôi nghe ghét đến không muốn nhìn mặt nó nữa. Cố trấn tĩnh, ông nói sang chuyện khác:

- Ở quên mất, Ngô ơi, nước sôi chưa con?

- Chưa...

Tôi giật mình quay lại thì bếp lửa đã tắt tự hồi nào và em tôi cũng đã lên đi đâu mất. Vừa lúc đó chị Sáu tôi từ dưới bến sông bỗng nó lên và mắng tôi:

- Mày coi em như vậy đó hả? Để nó xuống bến chơi một mình. Tao về không kịp thì nó té xuống sông chết chìm rồi.

Tôi còn cố cãi lại:

- Chị biểu em coi chừng chiếc chiếu chớ có biểu coi chừng em đâu?

Chị Sáu tôi lật đật bùm miệng tôi lại:

- Thôi, mày đi đâu thì đi cho rồi, đồ quý, chỉ có hai chuyện chụm lửa với coi em mà không được chuyện nào. Ờ, mà mày vào xem má có mượn chuyện gì không đã.

Tôi đi ngang qua nhà trên để vào buồng mẹ tôi. Trông thấy tôi, thằng Chinh liền hỏi cha tôi:

- Thằng này mấy tuổi rồi?

- Sắp mười một tuổi rồi đó, mà trôn học như toi, muốn đi chăn trâu lắm.

Nghe cha tôi trả lời như vậy, tôi xấu hổ chạy nhanh vào buồng mẹ. Nhưng ngồi trong buồng tôi lại nghe thằng hương quân nói:

- Hay là anh chị cho nó về ở chăn trâu cho tôi?

Tôi nghe mà tưởng hương quân Chinh thương tôi, hiểu hết mong muốn từ lâu của tôi và giúp tôi đạt được niềm ao ước ấy. Tôi mà khỏi phải đi học, được đi chăn trâu như tụi thằng Liêng, thằng Cò ở Mỹ Lộc thì còn gì sung sướng bằng. Ngồi trên lưng trâu thổi sáo, thả cho trâu ăn cỏ còn mình đi bắt ỏ chim, bắt cá, bắt cua, hái trái rừng tha hồ mà ăn. Rồi cùng nhau chơi đánh trống[1]. Cha tôi mà chịu ừ một tiếng thì sung sướng biết chừng nào. Sao chờ hoài không nghe ông trả lời? Hay tại chị tôi đang bưng nước chè Huế lên? Thấy cha tôi vẫn làm thinh, uống nước xong hương quân Chinh giải thích:

- Đó cũng là một cách để anh chị trả nợ cho tôi đó. Nhà bớt một miệng ăn, mỗi tránh khỏi phải trả tiền lời cho tôi cũng được. Chùng nào nó thôi ở thì trả vốn thôi. Nhà anh đã có thằng Thọ, anh nó đi học là đủ rồi... mình nghèo thì lo phận nghèo, tranh đua với người ta sao được. Anh tính sao.

Tôi thì mê chăn trâu mà ngán học lắm nên nghe nó nói có lý quá, tưởng thế nào cha tôi cũng chịu mà thôi. Nhưng sao vẫn chưa nghe cha tôi trả lời. Sao mẹ tôi lại buồn như vậy. Bà đưa tay nắm chặt tay tôi, rom rớm nước mắt. Đứa em mới sanh của tôi không lo ngại gì cho số phận của anh nó nên vẫn ngủ ngon lành. Nó mặc chiếc áo cũ của tôi hồi mẹ mới sanh tôi. Cái áo này đứa em kể tôi cũng đã mặc qua. Mẹ tôi nói nhờ cái áo ấy mà tôi dễ nuôi chóng lớn nên giữ lại tới giờ cho mấy đứa em tôi. Ngoài nhà nghe tiếng cha tôi trả lời thằng Chinh:

- Lúc vợ chồng tôi còn sống dưới ghe, trận bão ở vàm sông Bao Ngược đã cuốn hết gia tài sự sản và hai đứa con đầu của tôi. Lên bờ ở, vì nghèo quá mẹ nó không nghe lời tôi cho con đường chị thằng Ngô, đi ở đợ cho dì ruột của nó. Mới tám tuổi mà họ bắt nó làm không thua gì người lớn. Một hôm đi chăn trâu về mệt lả rồi mà họ còn bắt nó trèo hái cau, con tôi xây xẩm mặt mày rơi từ ngọn cau xuống mà chết. Từ đó tụi tôi thề rằng nghèo quá thì cạp đất mà ăn với con chứ không cho con đi ở đợ nữa. Càng nghèo tụi tôi càng thương con, càng muốn cho nó được ăn học để sau này đỡ khổ hơn cha mẹ. Thằng Thọ thì học được rồi, ráng lo cho nó vài năm nữa thì nó làm thầy giáo. Chỉ tiếc con Yên, em nó phải chịu dốt. Từ thằng Ngô trở đi tôi sẽ cho đi học hết...

Cha tôi đang nói bằng một giọng buồn buồn như kể lẽ sự đời, bỗng nhiên ông xúc động và nổi nóng một cách bất ngờ:

- Chú đừng thấy tôi nghèo mà khinh rẻ tôi nghe không? Nợ của chú tôi sẽ trả hết bằng cách khác, chớ còn dờ giọng khuyên tôi theo Tây hay bán vợ đợ

con nữa thì... coi chừng.

Mẹ tôi hốt hoảng tụt xuống giường bước ra. Nhưng cha tôi vẫn ngồi yên trên ván vì hương quản Chinh đã xách ba ton vội vã chạy ra khỏi nhà rồi. Từ ngoài ngõ nó nói với lại:

- Ồ, để rồi coi ai phải coi chừng ai cho biết!

Con chó nhà tôi chạy theo sủa, đưa nó ra tận con đường đá đỏ. Bầy chó xóm tôi đưa nó lên xóm trên, và có bầy chó khác đưa nó về tận nhà.

*

Tôi nhìn mãi trên bàn thờ đình làng tôi mà không thấy ông thần nào cả. Vậy mà người ta bảo hôm nay cúng đình thì có thần về chứng kiến. Chỉ có một cái mào cũ xì giống như mào của gánh hát bộ để giữa bàn thờ, hai bên là hai hàng bài vị sơn son thếp vàng có khắc những chữ Nho ngoằn ngoèo khó hiểu. Hai bên bàn thờ chính có hai cái giá để dựng vũ khí của thần: nào côn, siêu, đao mác, nào gương, chùy búa, v.v... nhưng toàn là đồ giả, bằng gỗ sơn lại. Dường như không có một cái nào có thể chịu nổi một nhát côn của cha tôi mà không gãy ra làm ba làm bốn. Vậy mà thứ vũ khí đó được thờ ở giữa đình còn cây côn hết thời của cha tôi thì phải dặt trên mái tranh nhà tôi từ lâu.

Hai hàng “học trò lễ” đứng hầu thần hai bên bàn thờ. Họ mặc áo thụng xanh, mào đen, hia đen, đứng yên như tường đá. Khói đèn, khói nhang làm chảy nước mắt cũng không dám lau, ruồi bu trên mặt cũng không dám đuổi. Xôi, thịt của dân làng góp cúng thần bày chật các bàn thờ, bày cả dưới đất. Mâm xôi bằng gỗ mít của mẹ tôi cũng có ở đó nữa. Cả nồi xôi nhà tôi chỉ đơm vừa đầy mâm đó. Mẹ tôi bảo để đem cúng thần, tôi và em tôi chỉ được gặm mấy miếng xôi cháy vết nồi. Người ta mặc áo dài, đội khăn đen đến vái lạy, vái cho thần ăn xôi thịt. Nhưng tôi cũng không thấy thần ăn. Chị Sáu tôi nói rằng thần không ăn thì mấy ông làng cũng sẽ ăn hết chỉ trả mâm không lại

cho mình thôi. Nếu nhà ai có người làm làng thì tùy chức to chức nhỏ mà khi cúng xong người ta sẽ kiến lại nhiều xôi hay ít xôi. Có người được kiến cả mâm đầy lại thêm một khúc thịt to tướng nữa. Nhưng nhà tôi không có ai làm làng cả, vậy thì mâm xôi của nhà tôi chắc là tiêu luôn rồi.

Chị tôi nói không sai. Dưới nhà khách, bọn làng xúm nhau ăn thật, không thiếu mặt một ông hương nào. Tôi thấy nào Cả Bột, hương chủ Báo, chủ trâu của thằng Cò, hương thân Quyền có các lò đường ở xóm Chợ, trại cura nơi ba tôi và anh Hai Tấn thường đi cura mướn, hương quản Chinh... Còn nhiều người mặc áo dài khăn đóng nữa mà tôi không quen biết, hoặc biết mặt mà không biết làm hương gì. Đó là những người tôi thường thấy trong xã, còn nhiều người trên tổng trên huyện hay ở tỉnh, ở Sài Gòn được mời về dự tiệc nữa. Xã tôi có nhiều người làm lớn lằng. Như ông Phủ Ngôn, ông Đốc Các là từ học trò nghèo xã tôi học lên rồi làm quan. Hôm qua họ mướn xe hơi về làng, đi tới đâu bóp kèn inh ỏi tới đó. Cũng có người đi lính mã tà cho Tây làm đến chức Bếp, chức Cai như Bếp Nhạc, Cai Huỳnh mặc quần áo ka-ki vàng đang ngồi đó. Ba Ưu đi lính Pháp, sau chiến tranh Đức - Pháp trở về được làm thầy ký ở Sở mật thám Sài Gòn và em nó là Bảy Tăng làm mật thám cũng về đó. Hai anh em đều mang kính đen, mặc quần áo theo lối “xá xầu” của người Hoa kiều bằng lãnh lằng như da rắn lục.

Đó là những người “cha mẹ dân” của xã tôi. Cái nhà khách của đình làng tôi thường ngày thấy rộng mênh mông mà hôm nay chật ních những bọn người “nặng chiều nào biết che chiều đó” ấy. Khăn đóng áo dài đen, chen lẫn với “xá xầu” Hoa kiều, ka-ki vàng. Chử Nho pha lẫn với tiếng Tây bồi, tiếng Việt. Chúng nó đang dựa thế Tây để ăn xôi, ăn thịt, uống rượu của đồng bào góp cúng thần nghĩa quân. Rượu vào lời ra, kẻ thì khoe chức phận, khoe tiền của, lên mặt ta đây. Người thì khúm núm, co ro, vuột ve, nịnh hót. Rồi chúng còn xoi mói, ganh tị, tranh giành địa vị với nhau.

Trên sông Đồng Nai thỉnh thoảng có một con trâu chết sinh trôi lênh bênh trên mặt nước. Bầy quạ, kên kên từ rừng xanh bay về xúm nhau rỉa thịt, cũng say sưa và ồn ào như đám lễ cúng đình này vậy.

Nhà bếp nằm cách nhà khách chừng một trăm thước cũng lợp ngói nhưng lâu ngày đã dột nát và đóng khói đen xì. Khói bếp bay mù mịt. Tiếng dao thót, tiếng đĩa bát chạm nhau hòa với tiếng bửa củi, tiếng nước sôi ùng ục trên lò, tiếng gà heo bị cắt tiết, tiếng cười nói thành một bản nhạc rất vui tai. Những người nào “được lãnh” bốn phần nấu dọn cho “bê trên” ăn thì ở trong bếp. Anh Hai Tấn nổi tiếng về tài làm đồ nhậu trong xã nên cúng đình kỳ nào cũng có mặt ở đó. Anh chỉ huy cả nhà bếp như một tay thợ cả. Vào đây cha tôi cũng phải nghe lệnh anh. Bửa củi, xách nước, chụm lửa, cạo heo, làm gà, xắt thịt, chiên xào, nấu nướng, dọn mâm, đến rửa chén, rửa nồi đều có con mắt anh dòm ngó vào, có tay anh chỉ vẽ thêm, có tiếng anh động viên hay đùa cợt cho vui.

- Bưng cái mâm này để trên... đầu... ông cả.

Giọng anh nghiêm như lệnh của ông tướng. Vậy là người ta cười vang như pháo nổ trong nhà bếp.

Bỗng từ trên nhà khách có tiếng hương quân Chinh la lớn:

- Bắt nó, bắt nó, bắt cột đầu nó lại.

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, rồi nhìn về phía nhà khách. Ở trong nhà khách mọi người đều bỏ đĩa và nhìn về phía nhà thờ. Từng đám con nít ngoài sân chạy dồn về phía nhà thờ. Tôi cũng cầm đầu chạy theo. Trước bàn thờ thần có một người đang múa võ. Tôi mừng rỡ tưởng là cha tôi. Nhưng tới gần té ra là anh Tám Phát. Anh Tám Phát làm nghề chèo thuyền mướn ở xóm Chợ. Mỗi năm thuyền đi buôn bán đường, mắm, kẹo suốt ba bốn tháng mùa lúa ở Sóc Trăng, Rạch Giá, Cần Thơ. Trong lúc chủ thuyền lo buôn bán thì anh dạy võ kiếm ăn. Anh vừa là một tay chèo khỏe, vừa là người bảo vệ

cho thuyền khỏi bị cướp dọc đường. Nhưng khi về đến nhà thì anh không có nghề làm ăn nào khác, chỉ ăn chơi, cờ bạc, rượu chè cho đến chuyển đi sau. Anh thương cha tôi lắm vì anh là học trò cũ của cha tôi. Ông bảo gì anh cũng nghe, nhất là đã bỏ được cái tật cờ bạc. Nhưng mỗi khi anh có uống vào một chút rượu thì anh hay chửi làng, chửi lính, chửi Tây công khai và còn dọa đánh người này người khác. Có lần cha tôi bị bắt về tội dạy võ lén, anh đã đến dọa hương quản Chinh:

- Thầy tôi mà có bề gì thì giữa ông với tôi phải có một người đi xứ khác mà ở. Không phải một mình tôi, mà mấy anh em tôi đã thề như vậy. Ông nịnh Tây vừa vừa để mà còn sống với vợ con chứ...

Nhờ vậy mà lần đó cha tôi được tha về yên ổn. Không biết anh Tám Phát ra đây hồi nào mà bây giờ múa võ giữa đình như vậy. Cây đao bằng gỗ sơn cán đỏ lưỡi trắng của thần đang quay tít trong tay anh như chong chóng, sánh loáng như đao thật. Hương quản Chinh ra lệnh bắt trói mấy lần mà anh vẫn múa say sưa như không nghe tiếng gì ngoài lưỡi đao quay. Người anh cao to như cây cột đình mà lúc múa võ nhanh nhẹn như sóc. Mấy anh học trò lễ hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. Tụi trẻ con nhìn không chớp mắt còn reo lớn: “Hay, hay quá!”. Trong nhà khách, đám “kên kên” - người làm việc cho làng cho Tây đang ăn nhậu, bị phá đám bực tức la ó. Cai tổng hét hương quản Chinh:

- Thằng phá miếu, phá chùa nào đó? Sao mày không bắt nó lại.

Hương quản Chinh thì biết rõ là Tám Phát rồi. Nó phải cầu cứu tới tụi lính mã tà và mật thám có mặt:

- Nhờ các thầy giúp sức, tôi không làm nổi nó đâu.

Không ngờ mấy thầy mật thám của nó cũng từ chối:

- Tụi này đi dự cúng đình chứ có phận sự gì đâu mà mang súng theo. Chỗ này là phận sự của làng.

Hương quân Chinh đâm ra lúng túng, nó chạy mấy bước về phía nhà thờ la hoảng.

- Mấy người, mấy người sao đứng đó, áp lại, xông vào bắt nó.

Miệng la nhưng chân hương quân lại chạy thụt lùi ra phía sau nhà khách. Không ai nhúc nhích cả. Ban hương chức kéo nhau chạy lên nhà thờ cũng chỉ mất la mảy lét đứng ngó. Đường đao của Tám Phát cứ mỗi lúc càng nhanh, càng mạnh lên. Nhát cuối cùng anh chém vào cây cột đình nghe một cái rộp. Nhà thờ rung rinh. Cây đao gỗ gãy làm hai, bị anh vứt luôn xuống đất. Hay tay chống nạnh, chiếc áo bà ba đen đứt mất cái nút để lộ ra bộ ngực nở nang vun tròn chắc như mâm xôi. Đưa mắt nhìn qua đám hương chức, quan quyền, anh bình tĩnh nói:

- Tôi múa đao cho thần xem, có tội gì mà la bắt tôi. Tay không đây, đứa nào muốn bắt thì vô. Tao nói trước, đứa nào đụng tới tao thì sẽ gãy làm hai như cây đao này. Giờ tao đứng đây chờ thằng nào khi nãy đòi bắt cột đầu tao tới lạy xin lỗi thì tao mới ra khỏi chỗ này.

Cả đình xôn xao bối rối. Trong đám hương chức có mấy người len lén rút về. Hương quân Chinh mặt tái mét đứng núp sau một cây cột, bộ râu xuôi xuống như đuôi chó cụp lại khi bị cọp rượt.

Cha tôi từ dưới nhà bếp mới lên, chen giữa đám đông bước vào. Đầu quần chiếc khăn lông cũ, mặt còn dính đầy lọ. Ông gỡ cái khăn xuống lau qua mặt, rồi vắt khăn lên vai, ông chấp tay lại nói với đám hương chức:

- Thừa Ban hương chức, thừa các quan lớn, quan nhỏ. Em tôi nó thêm tập võ như người ta ghiền rượu vậy. Hôm nay nhân dịp cúng đình, nó múa đao cho thần và quý ngài xem. Thiết tưởng chuyện đó đánh thưởng rượu chớ đâu có lỗi gì. Nhưng vì nóng giận nên nó lỡ đại có nói vài lời xúc phạm đến bề trên. Nếu Ban hương chức không cố chấp mà tha thứ thì tôi xin dẫn em tôi về. Nói rồi không đợi trả lời, cha tôi quay lại nói với anh Tám Phát:

- Thôi xuống nhà bếp chơi với anh một chút rồi về, em Tám.

Tám Phát mỉm cười, bước theo cha tôi đi ngang qua nhà khách rồi xuống nhà bếp. Đám hương chức - bày kên kên, lúc này ăn uống hả hê bao nhiêu, bây giờ nhìn theo mấy người dân “bất tri, cứng đầu” một cách hần học, bức tức bấy nhiêu.

Xem cúng đình mãi đến khuya tôi mới về tới nhà. Chỉ có mình mẹ tôi còn thức. Vào nhà, tôi vội khoe với mẹ:

- Con đem về được nửa mâm xôi và một khúc thịt lớn lắm.

Mẹ tôi ngạc nhiên hỏi:

- Ở đâu? Mày làm sao mà có?

- Con đi ngoài bụi chuối. Con sợ tía còn thức, tía rầy nên vô trước.

- Để đó coi chừng chó ăn mất, con ra lấy đem cất đi rồi sẽ hay.

Đem cất thịt và xôi xong, tôi đến nằm bên mẹ. Tôi nói khe khẽ sợ cha tôi nghe nhưng cũng cố kìm mình kể chậm chậm cho có vẻ quan trọng.

- Má biết không ở trên đình của làng mình có một ông thần rất tốt và dễ thương lắm. Ông là ông Thần Nông. Ông không ngồi trong nhà thờ chung với các ông thần khác, mà chỉ thích ở ngoài đồng không sợ gió mưa gì hết. Vì vậy người ta phải dọn nhang đèn xôi thịt trên một tảng đá ngoài sân để cúng ông. Ông lại thương trẻ con nhà nghèo nên khi cúng xong thì mấy ông làng ông xã không được ăn xôi thịt của ông, phải để dành cho trẻ con thôi. Nhưng không phải đứa nào cũng được ông cho ăn đâu. Ông chỉ cho đứa nào giỏi võ và gan dạ nhất thôi. Nghĩa là ông biểu mạnh đứa nào đứa nấy giựt. Đứa nào giỏi, giựt được nhiều thì ăn nhiều, đứa nào giựt được ít thì ăn ít, không được thì nhịn, kỳ sau ông lại cho nữa. Sau ba hồi mõ khuya thì ông cho phép giựt cả mâm xôi và khúc thịt trên bàn thờ ông. Người ta nói là mấy năm trước đây năm nào cũng có đứa bị lỗ đầu, chảy máu mũi hay trặc chân, trặc tay vì đánh lộn để giựt mâm xôi Thần Nông. Không có đứa nào lấy

được nguyên mâm cả. Vì mạnh đũa nào đũa nấy giựt nên mỗi đũa chỉ được một nắm xôi, còn bao nhiêu rớt hết xuống đất. Kỳ này có tụi thằng Liễn, thằng Cò bày mưu con bung được nguyên mâm cúng hay lắm.

- Tụi bây làm sao mà lấy được? - Mẹ tôi hỏi.

- Tụi nó biểu phải hùn nhau lại. Bốn năm đũa đồng mưu mới lấy được nguyên mâm xôi và khúc thịt rồi đem về chia. Con rủ thêm thằng Dứng con chú Sú bán rượu nữa là đủ bốn đũa. Ba đũa kia đánh giải vây và chặn tụi nó cho con bung nguyên mâm xôi và khúc thịt chạy. Thấy tụi con đông, tụi nó sợ và chịu thua hết. Lẽ ra con chỉ được phần tư mâm xôi và phần tư khúc thịt thôi, nhưng thằng Dứng sợ mang về bị đòn, và vì ở nhà nó cũng có rồi nên nó cho con phần của nó. Vậy là ba khối cần làm lòng cho hương quân mình cũng có xôi ăn phải không má. Ông Thần Nông biểu rằng xôi của ông phải chiên lại ăn mới ngon, phải vậy không má.

- Ờ phải rồi, vì xôi để ngoài trời sương gió lại dơ vì giành giựt nhau nữa nên không chiên lại thì ăn đau bụng chết. Thôi con ngủ đi, mai má chiên lại cho mà ăn. Nhưng mà sau này thì còn đừng đi giựt xôi Thần Nông nữa. Mình làm mình ăn mới ngon con à.

*

Một hôm tôi đi học về tới nhà thì thấy chị Sáu tôi khóc hu hu như nhà có người chết. Mẹ tôi gánh hàng đi bán chưa về. Hai đứa em tôi cũng nín lấy áo chị tôi mà khóc. Hỏi riết chị tôi mới nín được mà nói:

- Tía bị bắt rồi, người ta giải tía về quận hồi chiều. Hai tay tía bị còn lại...

Tôi ngơ ngác không hiểu vì sao, muốn hỏi chị tôi nữa nhưng chị tôi đã lại khóc làm cho tôi phát bực mình. Cho tụi tôi ăn cơm xong, đợi hai đứa em ngủ hết, chị tôi mới giảng giải cho tôi biết vì sao người ta bắt cha tôi.

Nhà tôi đột nát không còn một chỗ lành. Trong nhà nhìn lên nóc thấy nhiều mo cau hơn là tranh. Trời mưa phải chui xuống ván, xuống bàn thờ mà trú.

Cha tôi tính lộp lại mấy lần mà không có tiền mua tranh. Mùa này tính lên rừng cắt tranh về lộp thì chủ đất là hương hào Hăng lại đuổi. Nó bảo phải dỡ nhà đi để nó cất trại đóng hòm. Nó cũng là chủ trại cưa, cha tôi cũng từng cưa mướn cho nó từ trước tới giờ. Cha tôi than nghèo chưa thể dỡ nhà đi chỗ khác được vì kèo đã mục, cột đã đứt chân hết rồi. Để vậy lộp lại ở dỡ được một hai mùa, chớ dỡ ra thì chỉ còn có chum lửa. Nhưng hương hào Hăng không chịu cho ở thêm một mùa nào nữa hết, bắt cha tôi phải dỡ nhà đi ngay. Hăn còn dọa nếu để chậm người ta sẽ chất hòm đầy nhà. Không có tiền mua kèo cột, cha tôi phải trốn lên tận trên rừng Sông Bé, Hàng Dài để đốn gỗ, tre, cắt tranh, bứt mây về để làm nhà mới. Vật lộn với rừng rú, sông nước cả nửa tháng trời cha tôi mới đưa được một mớ gỗ, tre và tranh về tới bến nhà. Ông cẩn thận thả bè về ban đêm rồi lặn lội giấu gỗ dưới sông, giấu tranh trên bờ để trốn thuế. Tính chờ cho tranh cũ bớt đi rồi sẽ dùng. Hương hào Hăng biết được, đi báo cho đồn kiểm lâm ở Tân Uyên để lập công. Đồn cho lính kiểm lâm lên lục lọi mò tìm được một mớ tranh và gỗ, bán rẻ lại cho Năm Hăng (hương hào Hăng thứ năm mà) và rồi bắt cha tôi giải về Tân Uyên.

Kể cho tôi nghe tỏ tường rồi chị tôi lại khóc, kêu trời kêu đất oán trách xóm giềng “ăn ở thất nhân thất đức”. Chắc là chị nói ai đó đã đi mét với Năm Hăng chuyện cha tôi giấu gỗ, giấu tranh.

Đến khuya mẹ tôi mới về tới nhà. Thấy mẹ tôi, chị Sáu lại òa lên khóc làm tôi đã ngủ giật mình thức dậy. Chị tôi tính kể lể nhiều lắm, nhưng mẹ tôi nói: - Thôi, ngủ đi con, má biết hết rồi, má đã lo rồi, ít bữa nữa tía mày về thôi. Rồi tôi nghe mẹ tôi nói nhỏ nhỏ với chị Sáu. Tôi nằm nhắm mắt giả vờ ngủ nhưng nghe không sót một tiếng:

- Anh Hai Tán gặp má ngoài đường rồi. Hai thím cháu nói chuyện lâu lắm. Hai Tán nói còn có mười ngày nữa là tới lễ hội đua ghe bơi. Lễ năm nay

làng mình phải tham gia lễ đua ghe dưới tỉnh. Anh em sẽ đòi phải có ba mày cầm lái họ mới chịu bơi. Họ sẽ đòi thả tía mày về. Má tin thế nào cũng được, vì cả tổng Chánh Mỹ Hạ này chỉ có ghe xã mình là đua giỏi nhất.

Tôi nghe tới đó khoái quá, quên là đang giả đồ ngủ, la to:

- Mê quá, mê quá, sắp được coi đua bơi rồi...

Mẹ tôi rầy:

- Thằng quý, chưa chịu ngủ hả? Mày không được nói với ai hết nghe không! Má đánh chết đa!

Mẹ tôi đoán thiệt tài. Hai hôm sau thì cha tôi được tha về. Ông còn đòi Ban hương chức xử vụ đuối nhà trước ông mới chịu nhận đi lái thuyền đua. Bọn hương chức phải buộc hương hào Hăng đình việc đuối nhà tôi đến tháng giêng năm sau. Thế là cũng đủ thời giờ cho cha tôi đi kiếm lại đủ số gỗ tranh bù vào số bị lấy mất và đi mượn đất khác để cất nhà mới.

Hôm nay là lần tập bơi cuối cùng cho đồng bào trong xã xem trước khi đi xuống tỉnh. Thuyền đua của xã tôi đẹp lắm. Mẹ tôi nói thuyền này được đóng từ gỗ của những chiếc thuyền chiến ngày xưa của ông bà mình chìm giấu hay bị chìm ở dưới sông Đồng Nai. Vì vậy mà thuyền này linh thiêng lắm. Mỗi lần từ trên đình đẩy xuống sông phải có nhang đèn cúng vái nghĩa quân thì chuyến đi đua ấy mới an toàn, nếu có thua cũng đi tới nơi về tới chốn. Mũi thuyền và lái thuyền được chạm trổ giống như đầu rồng và đuôi rồng. Hai chục người bơi ngồi thành hai hàng mặc áo may ô đỏ, quần cụt đen. Mỗi người cầm một cây dầm sơn trắng. Nhìn chiếc thuyền lướt sóng băng băng người ta dễ tưởng thấy một con rồng đỏ đang cánh trắng đang bay trên mặt sông. Tám Phát và Năm Chà là hai tay bơi giỏi nhất xã ngồi trước mũi thuyền. Anh Hai Tán mặc áo vàng, quần cụt trắng, tay cầm phèn la đứng giữa thuyền làm đốc chiến. Cha tôi mặc áo dài xanh, thắt lưng bằng lụa đỏ, cầm xà bát đứng sau lái. Chưa lúc nào tôi thấy ông đẹp và oai nghiêm

như hôm nay. Hầu hết các tay bơi dưới thuyền đều là học trò cũ của ông. Từ này bị cấm học võ tới giờ, ít có lần nào tụ họp được đông đủ như vậy. Nhìn những bộ ngực nở nang, những bắp thịt trên vai, trên tay của họ nổi lên cuộn cuộn, ai cũng tin tưởng được rằng thuyền này không thể thua trong cuộc đua sắp tới được.

- Hề bơi, hổ bơi...

Sau mỗi tiếng hô như vậy là một tiếng phèn gõ nhịp đều đều. Hai mươi cây dầm sơn trắng chém xuống nước rồi rút lên một lượt. Hai mươi cái đầu người cúi chồm tới trước rồi ngửa ra sau đều như trong một cái máy. Chiếc thuyền lướt tới trước như muốn cất cánh bay. Mặt nước bị con thuyền rẽ làm hai như một cây tre xanh bị chẻ bởi một lưỡi rựa bén ngọt. Người đốc chiến vừa hô vừa gõ phèn la, vừa làm điệu bộ cũng khom xuống nước lên như người bơi vậy. Mắt đắm đắm nhìn về phía trước, người lái thuyền điều khiển cây xà bắt to một cách gọn gàng trong tay. Hai đầu của chiếc thắt lưng bằng lụa đỏ của ông bay về phía sau dài như đuôi phượng. Nước sông reo mừng vỗ sóng lách tách vào bờ. Hai bên sông người xem trầm trồ khen ngợi, hò reo mỗi khi thuyền qua ngang một xóm nào, hoặc lúc thuyền quanh gấp mà không bị lật chìm. Trẻ con trong làng từng đám chạy lên chạy xuống trên bờ sông như đua với con thuyền.

Sau hai vòng bơi tập từ bến đò Bà Miêu xuống bến đò dưới, con thuyền ngừng lại để làm lễ xuất hành và từ giã để lên đường. Một bàn nhang đèn và trái cây được dọn trên bãi cát tại bến đò trước nhà tôi. Lão Cả Bột đóng khăn đen, mặc áo dài chấp tay trước bàn thờ lạy ba lạy. Ba hồi trống vừa dứt, cha tôi đồng dục hô:

- Anh em!

Một tiếng “dạ” vang rền mặt sông như từ đời xưa còn vọng lại làm nổi da gà cả những người đứng xem.

- Phên này đi “quyết chiến” đem danh dự về cho làng ta, nghe không!

- Dạ!

Tiếng dạ của toán thuyền trả lời, ngân dài mãi trong tai tôi. Mẹ tôi nói ngày xưa mỗi lần nghĩa quân xuất trận cũng làm lễ như vậy, chỉ có khác là không kêu “Anh em!” mà người hô lệnh kêu “nghĩa quân”. Nhìn cảnh xuất phát của chiếc thuyền đua hôm nay, tôi cứ tưởng như thấy một chiếc thuyền của nghĩa quân xưa đang xuất trận. Dù chiếc thuyền đua đã đi khuất tự lâu rồi mà lòng tôi cứ hồi hộp, xôn xao như mặt sông gợn sóng.

*

Giờ đua thuyền đã đến. Dân trong thị xã Biên Hòa như dồn hết ra hai bên bờ sông Đồng Nai. Các cuộc chơi khác như liêm chảo, nhảy bao, leo cột chỉ còn lơ thơ một ít người xem.

Sông ở đây rộng và đẹp hơn khúc sông ngang qua nhà tôi nhiều. Bề ngang mặt sông rộng gần năm trăm thước. Đầu trên và đầu dưới có hai cái cù lao như hai chiếc tàu khổng lồ đậu giữa sông. Đó là Cồn Gáo và cù lao Hiệp Hòa. Sông rộng cầu to, nhà cao phố lớn, thuyền bè xe cộ dập diu, người đông như kiến cỏ. Biên Hòa là thị xã của tỉnh tôi đó, cách làng tôi có gần mười hai cây số, mà hơn mười tuổi tôi mới được tới lần đầu. Nhưng mọi điều mới lạ đều không hấp dẫn tôi bằng cuộc đua thuyền sắp tới.

Dân thì ngồi dưới thuyền, bè, hay đứng hai bên bờ sông mà xem. Trẻ con đứa nào trèo được như tôi thì leo lên cây ngồi hay đeo trên cột đèn. Có mấy đứa trẻ còn được cha mẹ anh chị cõng trên vai. Những người được mời thì được vào trong khu Tòa Bó có lính gác cửa và có hàng rào sắt chung quanh. Trong khu này cũng đông lắm: đại diện hương chức, hội tề các làng các tổng, công chức, nhà binh, v.v... Các quan chức ăn mặc chỉnh tề đi xem hội nhưng cũng chỉ đứng xúm xít trên bãi cỏ gần bờ sông mà xem. Chắc là lão hương cả và hương quản xã tôi cũng ở trong đám đó. Kia rồi, tôi đã nhìn ra

chúng đang đang đứng gần cái đầu cầu gỗ bắc từ bờ ra cái nhà sàn trên sông. Đó là cái nhà mát của thằng Tây chủ tỉnh, nhằm ngày lễ được dùng làm khán đài chính để xem đua thuyền. Chừng vài chục “ông Tây”, “bà đầm” và cả “Tây con” nữa, có lẽ là khách mời từ Sài Gòn qua, đang ngồi quanh mấy bàn tiệc đầy rượu thịt và trái cây. Nhìn đám Tây mắt xanh mũi lõ này no nê phê phờn mới thấy đám hương chức hội tề đang khúm núm trên bờ giống như bầy chó chực xương.

Có 20 chiếc thuyền đại diện cho các tổng các xã ven sông tham dự cuộc đua. Mỗi chiếc thuyền đua được sơn một màu khác nhau rất đẹp. Chiếc sơn màu xanh là của xã Tân Trạch ở cù lao, có tiếng bơi giỏi từ trước tới nay. Thuyền trắng hình con phượng là của cù lao Hiệp Hòa. Thuyền vàng, hình con lân là của xã Tân Ba. Thuyền trắng hình con cá là của xã Long Điền chuyên nghề chài lưới. Thuyền sơn màu tam sắc là của thị xã Biên Hòa. Đội thuyền này cũng mặc ba màu áo: ở trước mũi mặc màu xanh, ở giữa màu trắng và phía sau lái các tay bơi mặc màu đỏ. Trông xa như một lá cờ Pháp đang nổi trên sông. Thuyền này đáng sợ nhất vì tập hợp toàn lính làm các tay bơi. Chúng được nghỉ một tháng để tập bơi, nếu về nhất còn được nghỉ một tuần xả hơi nữa. Những kỳ đua trước mấy thuyền muốn qua mặt chúng đều bị chúng đánh bằng dầm đến chảy máu đầu, máu mũi. Có thuyền còn bị chúng nhận chìm giữa sông để chúng qua mặt. Mấy con thuyền khác thì ít được đề ý hơn. Con rồng đỏ cánh trắng của xã tôi nằm giữa có vẻ hiên ngang nhất. Hàng ngàn người đang hồi hộp chờ xem, mà các “ông Tây bà đầm” còn đang nói chuyện đùa giỡn chưa cho lệnh bắt đầu. Tôi bị lính đuổi phải tuột khỏi cây này leo lên cây khác ba lần mà thuyền đua vẫn chưa được bơi. Cuối cùng mới thấy một tên đội mã tà hai tay bưng một cái hộp như cái khay đựng trầu đến dâng trước thằng Tây chủ tỉnh. Thằng Tây đứng dậy mở hộp, lấy ra một khẩu súng nhỏ như súng lục và bước lên một bước ra ngoài. Nó

giơ súng lên trời và đếm:

- Une, deux,... trois![2]

Tiếng súng lệnh vừa nổ “đoàng” thì đoàn thuyền tranh nhau phóng tới như tên bắn. Chỉ còn một chiếc đứng yên tại chỗ như không nghe tiếng súng lệnh. Trời đất, đó lại đúng là con rồng đỏ cánh trắng của xã tôi. Dân hai bên bờ la ó:

- Làng nào đó? Bỏ cuộc rồi! Chịu thua rồi!

Bọn Tây cũng la:

- Forfait! Forfait![3]

Tôi thất vọng đến đỏ mồm hôi trán. Nhìn thấy tụi Cả Bột, Quân Chinh cúi đầu xuống. Chắc chúng muốn chui xuống đất mà trốn.

Bỗng tiếng của cha tôi đồng đặc thét lên vang dội khắp hai bờ sông:

- Anh em!

- Dạ!

- Phèn này “quyết chiến” đem danh dự về cho làng mình nghe hông!

- Dạ!

Tiếp liền theo là tiếng phèn la của anh Hai Tán. Con rồng đỏ uốn mình. Hai cánh trắng của nó như hai con dao khổng lồ chém xuống nước rồi khoát nước tung bay đuổi theo đoàn thuyền trước mặt. Tiếng hoan hô như sấm dậy hai bên bờ sông. Hàng ngàn cặp mắt chăm chú theo dõi chiếc thuyền đỏ lặn lòng ấy. Nó đã đuổi kịp rồi vượt qua một, hai rồi ba chiếc thuyền của đám đua. Bị Cồn Gáo che khuất nên tôi không thấy được nữa, chỉ phập phồng chờ đợi. Qua khỏi Cồn Gáo, chiếc thuyền đỏ chỉ còn thua năm chiếc lợi hại nhất là Tân Trạch xanh, Hiệp Hòa trắng, Tân Ba vàng, thuyền tam sắc của thị xã và một chiếc nào đó nữa. Nhưng con rồng đỏ mỗi lúc một bay nhanh trông thấy. Cả Bột, Quân Chinh mừng rỡ ra mặt. Người xem bắt đầu xôn xao đoán coi thuyền nào về trước và đánh cá.

- Ghe đỏ sẽ về nhứt.
- Làm vì nhứt nổi. Ghe xanh lẹ như gió kìa.
- Nước bơi của ghe vàng bền hơn.
- Nhưng không ghe nào dám qua mặt ghe tam sắc đâu, cá mòi ăn một tôi cũng dám cá nè.

Một thằng lính mã tà đứng dưới gốc cây tôi ngồi nói một cách quả quyết như vậy. Trong lúc đó con rồng đỏ đã vượt lên đứng thứ ba rồi. Đến chân cầu Gành, nhờ quanh gấp một cái nó đã bỏ một chiếc nữa ra sau và đang đuổi theo chiếc thuyền tam sắc để về đích của cuộc bơi ở trước khán đài chính. Nhìn thấy chiếc thuyền tam sắc đang dẫn đầu cuộc đua bọn lính mã tà nhảy nhót tung bừng. Dân thị xã cũng mừng lắm phát khăn, phát mũ hò reo. Bọn Tây trong nhà mát cũng reo lên:

- Vive la France![4]

Nhưng người ta thất vọng dần dần. Con rồng đỏ cánh trắng vẫn đuổi gấp theo như bay lên trên mặt nước. Chỉ còn năm chục rồi hai chục thước nữa là bắt kịp thuyền trước. Anh Tám Phát, đúng là anh Tám Phát rồi, đứng hẳn lên mũi thuyền dùng cây dầm để múa đao. Cây dầm trắng trong tay anh quay thành những vòng loang loáng trước mũi thuyền càng làm cho con thuyền của làng tôi thêm vẻ linh thiêng thần thánh. Chỉ còn 19 tay bơi mà con thuyền đỏ cũng bắt kịp thuyền trước. Người ta hồi hộp chờ một cuộc xô xát xảy ra giữa hai con thuyền. Nhưng không, con rồng đỏ vẫn lướt qua khỏi thuyền tam sắc một cách bình yên và về tới đích trước nhất trước sự kinh ngạc và tiếng hoan hô vang dậy của dân chúng hai bên bờ sông. Trong lúc Cả Bọt và Quản Chính được thằng Tây chủ tỉnh đến bắt tay khen ngợi và thưởng cho hai cốc rượu thì dưới thuyền đỏ anh em trong đội thuyền bụm từng bụm nước sông Đồng Nai mà giải khát.

Cha tôi cho tôi theo thuyền trở về xã. Ngồi trên thuyền, tôi nghe anh Hai Tán

nói:

- Nhờ vong hồn nghĩa quân phù hộ, mình không thềm theo súng lệnh của thằng Tây mà vẫn về nhất như thường.

Con thuyền chiến thắng bơi ngược con sông dài trở về làng tôi nơi rừng thẳm

*

- Bớ dò! Dò ơi! Hú... ú... u...

Tôi đang ngủ say sưa bỗng nghe tiếng gọi dò văng vẳng bên kia sông. Mơ màng tôi nghĩ: “Kê, mệt quá, ngủ thêm chút nữa rồi qua rước người ta cũng được”. Để cho người ta khỏi gọi phá giấc ngủ, tôi cố gắng ngóc đầu lên, mắt vẫn nhắm nghiền, ú ớ trả lời cho bên kia sông:

- Nghe rồi! Tôi còn mắc ăn cơm.

Một loạt tiếng cười phá lên như một tràng pháo nổ kể bên tai tôi. Tôi giật mình mở choàng mắt. Cả lớp học đang nhìn tôi, cười sặc sụa, có đứa cười lăn cười bò dưới gạch như đang lên cơn không kìm chế được. Tôi cũng tồn tên cười, đưa tay lên đầu gãi gãi. Nhưng tôi không cười được lâu. Thầy giáo Hứa đứng ngay sau lưng tôi đã kéo vành tai tôi đau điếng. Ông dùng bàn tay xách tai tôi mà kéo tôi đứng dậy, lôi ra khỏi bàn, đẩy tôi đứng trước bảng đen, dẫn tôi ngã xuống gạch rồi mới chịu buông tai tôi ra. Tôi lấy tay rờ lên lỗ tai bị kéo, cảm tưởng như nó bị rút rời theo mấy ngón tay như càng cua kẹp của thầy. Biết mình đã bị bắt quả tang ngủ gật trong lớp, tôi lẳng lặng co hai tay lên lót dưới mặt, nằm úp xuống gạch chờ đòn.

Đúng là con không đẻ, không thương. Năm roi của thầy giáo Hứa như năm đòn côn của người thù người oán. Tôi chỉ có một cách trả thù là không thềm khóc. Hai tay xoa hai bên hông đau rát, tôi đứng dậy thật lẹ làng và nói tỉnh khô:

- Xin thầy cho phép tôi về chỗ.

- Quỳ xuống đó.

Tôi quỳ, hai tay khoanh trên ngực quay mặt xuống lớp như mọi lần khác. Hơn ba chục cặp mắt của học trò lớp nhỡ trường Mỹ Lộc đang nhìn tôi. Nhiều đứa vẫn còn bụm miệng cười như chưa bao giờ được coi một vở hài kịch hay như vậy. Sau này tôi mới biết là khi đang dạy toán, thầy Hứa thấy tôi kê đầu lên bàn ngủ ngon lành. Biết nhà tôi chèo đò ngang, thầy nhẹ nhàng đến sau lưng tôi, ghé tai lên tiếng gọi đò. Đó là tiếng gọi đò hồi nãy tôi nghe được. Tôi ngỡ đang ngủ ở nhà và có người gọi đò thật bèn trả lời còn bận ăn cơm. Và rồi màn kịch kết thúc là tôi bị quỳ trên bâng này. Người có vẻ thích chí nhất là trò Cương, học trò giỏi nhất lớp, con của Xã Đắc ở xóm tôi. Nhà của Cương lợp ngói, có nhiều ruộng, nhiều trâu. Quần áo của nó lúc nào cũng lành lặn và sạch sẽ chứ không rách hay dính sinh lầy như quần áo tôi. Nó thuộc dòng họ có vai vế trong vùng. Bác nó làm Hội đồng, nó còn có hai ông chú là Phủ Ngôn và Đội Các. Thầy Hứa rất ưu ái nó, không biết vì nó học giỏi hay vì dòng họ nó có nhiều ông lớn. Thầy thường giao cho nó trông chừng học trò nào ngủ gật thì báo cho thầy. Đôi lúc nó còn được thay thầy cầm thước kẻ bằng cầm lai khẻ tay đứa nào tới lớp mà mặc đồ rách, bẩn, hay không thuộc bài. Một lần tôi cũng bị nó thay mặt thầy đánh ba roi về tội đánh nhau với thằng Lộ, con của Hội đồng Giác, bác ruột nó. Nhưng nó không dám đánh tôi đau vì nó biết tôi sẽ không tha cho nó khi ra đò hay về tới xóm. Nhưng tôi sợ nhất là cái cười của mấy đứa con gái lớp tôi. Chỉ có ba đứa đó là Huệ con thầy giáo Hứa, Sứ con thầy phó Kê ở xóm Đền và Lan ở Tân Hóa. Sứ và Huệ thì lần nào tôi bị đò cũng cười tôi như tụi con trai khác. Hai đứa ngồi ngay bàn đầu nên thấy rõ những lỗ rách của quần áo tôi, vì vậy tôi ngán cái cười có vẻ khinh bỉ của chúng nó hơn ai hết. Chỉ có Lan là ít cười tôi nhất. Mỗi lúc bị đò tôi thấy cặp mắt của Lan nhìn tôi đầy vẻ thương cảm y hệt như mắt mẹ hay mắt chị tôi khi tôi bị

cha tôi đánh đòn. Một lần bị phạt, bị làm nhục như thế này, tôi vẫn lấy cặp mắt của Lan làm chỗ nương tựa, an ủi cho mình.

Thầy Hứa tiếp tục giảng bài tự bao giờ tôi cũng không hay. Đầu óc tôi cứ mông lung bao nhiêu ý nghĩ. Không biết sao thầy tôi ác thế. Áo rách một chút cũng đánh, đuổi về thay, mất cả một buổi, một ngày học. Có đứa không có áo lành thay nữa phải ở nhà đi chăn trâu luôn như thằng Liễn, thằng Cò. Không thuộc bài cũng đánh, ngủ gục cũng đánh... Hình như hũ gạo của thầy là chiếc roi mây và cây thước báng, không xài nó hàng ngày là thầy không sống được. Mỗi lần đánh phạt học trò thầy cũng nheo một con mắt, méo cái miệng làm như thầy cũng đau lắm nhưng thầy cứ đánh hoài, xách tai hoài. Đặc biệt thầy Hứa không bao giờ kêu tên tôi mà biết nhà tôi chèo đò ông cứ chế nhạo bằng cách mỗi lần gọi tôi lên bảng là kêu: “Bớ đò!” làm tụi bạn trong lớp cười rúc rích. Chắc tại nhà tôi không có trâu có ruộng, không có người làm quan, lại không có gà thiến, gạo mới tới biếu thầy nên tôi không thể học giỏi như tụi thằng Cương con Sứ được. Có lần tôi bị phạt vì mặc áo rách đi học, về nhà tôi nói mẹ tôi cho tôi nghỉ học thì bà nói:

- Phủ Ngôn, Đốc Các ngày trước cũng là học trò nghèo như con. Nhờ ráng học mà làm nên. Anh Thọ con cũng nhờ bắt chước họ mà học giỏi, sắp được làm thầy giáo cho má nhờ rồi đó. Chừng đó nó có lương, nhà mình cũng đỡ nghèo, áo con đỡ rách.

Không biết Phủ Ngôn, Đốc Các và anh Thọ học thầy giáo nào chớ thầy giáo Hứa ghét học trò nghèo lắm, khó mà theo học được. Thầy như là người của Tây vậy. Thà trốn học đợi anh Thọ về làm thầy rồi học luôn. Anh Thọ tôi dứt khoát không phải người của Tây rồi vì anh có dự đám tang cụ Phan Chu Trinh nào đó mà. Kỳ đó anh tôi cũng bị đuổi học, nhưng nhiều người bị đuổi quá, các trường bỏ học, bãi khóa nên lại được cho đi học lại. Chỉ khi mấy người trong ban hương chức đến nói và hăm dọa cha tôi phải dạy dỗ con cái

chu đáo, không được chống lại Tây thì ở nhà mới biết. Tôi mà trốn học thể nào về nhà cũng bị đòn. Nhưng thà bị đòn ở nhà dù sao cũng ít nhục hơn ở trường. Hôm qua chị Sáu tôi bệnh, tôi phải thay chị chèo đò suốt một ngày chủ nhật nên mệt đừ. Năm roi lần dứt mà hình như tôi cũng chưa hết buồn ngủ. Mãi suy nghĩ như vậy, cặp mắt tôi lại nhắm nghiền từ lúc nào không biết. “Trót!”. Một roi nữa lại quất vào mông làm tôi giật bắn mình. Cả lớp lại cười ầm nên một lần nữa. Thầy Hứa ra lệnh:

- Trở về chỗ!

Tôi đứng dậy ngó thầy Hứa và mấy đứa đang há miệng cười một cách bức tức. Nhưng liếc thấy cặp mắt buồn buồn của Lan, tôi như người sắp chết đuối vớ được mảnh ván trôi, yên trí trở về chỗ ngồi. Vừa lúc đó tiếng trống bãi học trưa cũng được đánh lên như một khúc nhạc báo giờ giải phóng.

*

Trốn học thì rất dễ. Quần áo nào cũng được, khỏi phải coi rách hay lành. Nghe trống tựu trường thì ôm sách vở ra đường đá đỏ đi lững thững về phía trường. Đi chậm thôi, làm như mắc tìm một vật gì ở dọc đường. Đợi tụi học trò chăm học vượt qua mặt mình hết. Ngó trước trông sau nếu không thấy ai để ý thì tạt nhanh vào đám mía hay bụi cây bên đường. Khúc đường thuận tiện nhất là ngang cầu Rạch Ró cách trường khoảng chừng một cây số. Chui nhanh xuống gầm cầu là thoát. Đứng vội giấu sách vở, phải thận trọng một chút: cứ tuột cái quần xuống, ôm sách vở ngồi chồm hồm dưới gầm cầu như người đau kiết vậy. Người đi bộ, xe ngựa chở khách, xe bò chở đường, chở bưởi qua cầu đi chợ Tân Uyên. Bụi, đất, cứt ngựa, nước đái bò có thể lọt qua kẽ ván cầu mà rơi lên đầu mình. Mặc kệ nọ, cứ ngồi im như thầy chùa ngồi hương vậy. Nghe ba tiếng trống vô học là xong. Học trò vào lớp là mình ra khỏi gầm cầu. Tụi nó đang bị thầy Hứa già xét quần áo, sách vở. Có mấy đứa bị đánh đuổi về, còn lại sẽ bị lừa vào lớp như lừa trâu vào chuồng vậy.

Còn mình, chui ra khỏi gầm cầu rồi thì tha hồ muốn đi đâu thì đi như cá dưới suối, như chim trong rừng, như mấy đứa chăn trâu vậy. Trốn học vui lắm. Kiếm một chỗ giấu sách vở rồi cứ đi chơi xả giàn. Chim dòng dọc lốt ổ trên ngọn mía, lủi kiếm một hồi cũng được bao nhiêu là trứng. Trứng chim này cứ nuốt sống cũng nghe béo béo thơm thơm. Tát vũng bắt cá, móc hang bắt cua, rồi nổi lửa giữa đồng nướng ăn. Ngon hết biết. Bù cho những lúc nhìn mấy đám quà bánh bán cho tựu học trò giàu mà chảy nước miếng. Gặp đám ma hay đám cưới nào liệu không có mặt cha mẹ mình ở đó thì tha hồ đứng coi. Trống hồi một nổi lên ở nhà việc, mình có thể tới đó coi người ta bắt ăn trộm, ăn cướp, bắt thuế, bắt xâu, hay xử vợ chồng hàng xóm đánh lộn nữa. Chỗ nào có phát mía nấu đường mà mình đến được thì chỉ ăn đường dính chảo cũng đủ no. Cùng với tụi chăn trâu chơi đánh trống, đánh đu, đánh trận giả, tắm suối, bắn bia bằng giàn thun, lội sông hay hái trái gùi, trái bứa trong rừng. Chơi suốt ngày nhưng phải trông chừng mặt trời, nghe chừng tiếng trống trường. Nghe tiếng trống bãi học thì chạy u về chỗ giấu sách vở mà lấy. Tay chân lấm sinh thì rửa cho sạch rồi mặc áo vào. Nhìn trước ngó sau cho kỹ lưỡng không ai để ý thì phóng nhanh ra đường đá đỏ đi về. Thường là tôi đi trước hay sau đám học trò tan học cỡ ba bốn trăm thước. Ở nhà không ai kiểm soát nổi tôi. Mẹ tôi thì dốt không được học hành. Cha tôi chỉ biết chữ Nho, mỗi lúc ăn cơm mà có uống thêm hai xu rượu thì lại đem ra lèo vợ con:

- Di nhơn nan, di nhơn nan, tổ tổ di nhơn nan...[5]

Cha mẹ lại thường vắng nhà. Chị Sáu tôi cũng không biết chữ lại thương tôi lắm. Dù có biết tôi trốn học cũng chỉ rầy sơ sơ chứ không dám méc với cha mẹ tôi. Tôi mà bị đòn thì chị khóc còn nhiều hơn tôi. Muốn làm cho chị tưởng tôi chăm học, có lúc tôi cũng đem mấy câu tiếng Tây ra đọc:

- La mer se lève, le bane de sable, le banc de poissons...[6]

Nhiều khi tôi còn mang cả mía, đường, cua, cá về cho chị và hai em mà vẫn tìm cách nói dối chị tôi được kia mà.

Còn mình có đến trường hay không đối với thầy giáo Hứa không ăn thua gì. Vắng tôi thì lớp thầy bớt đi một đứa học trò ngỗ nghịch, rách rưới lại học đỡ. Như vậy càng đỡ cho thầy mỗi khi có ông đốc học hay thầy Cai tổng tới kiểm tra. Thầy lại rảnh rang để dạy cho tụi con nhà giàu hay có quà biếu. Nhưng mỗi khi bắt được học trò trốn học thầy cũng đánh dữ lắm. Chắc thầy sợ mang tiếng là dạy học trò không nghiêm.

Trốn thầy, gạt cha mẹ được vài lần là quen, cứ muốn trốn hoài. Mà muốn đi học lại cũng khó. Quần áo đã rách ngày càng rách thêm, học đỡ càng đỡ thêm. Nếu có ăn năn đi học lại thì cũng bị đánh, bị đuổi, bị phạt, làm trò cười cho tụi bạn cùng lớp thôi.

*

Tôi trốn học rất nhiều lần mà rất ít khi bị bắt quả tang. Thầy giáo Hứa có một đứa con trai tên là Huê học trên tôi hai lớp. Anh Huê là con người vọt trước của thầy. Bị mẹ ghẻ ghét bỏ quá nên nhiều lần anh cũng bỏ học trốn đi chơi với tụi chẵn trâu như tôi. Một hôm tôi, Huê và mấy đứa chẵn trâu đang chuẩn bị chơi trò đánh trận giả ở hẻm than cách trường Mỹ Lộc một cánh đồng khô mới gặt. Bểng ruộng mà đi thì tới trường chừng một cây số. Tụi tôi chừng hai chục đứa, đang chia làm hai phe. Một bên làm “nghĩa quân”, một bên làm “Tây”. Hai bên núp vào hai cái hẻm đất sét cách nhau chừng mười thước. Hai bên sẽ “chiến đấu” bằng những viên đạn làm bằng đất sét ướt. Bên nào bị đánh bật ra khỏi hẻm thì phải chịu thua chớ không được ném nhau bằng thứ đạn khác. Ai phạm luật sau này không cho chơi chung nữa. Chúng tôi đã chia làm hai phe đang sửa soạn rút thăm để chọn hẻm thì bỗng thấy phía trường Mỹ Lộc có một toán học trò đang tiến về phía chúng tôi. Huê biết ngay là thầy Hứa đang dắt học trò lớp lớn đi vây bắt anh như mọi

lần trước liền bỏ chức “chỉ huy mặt trận nghĩa quân” mà chạy ngay vào rừng. Tôi được anh em bên “mặt trận Tây” cho qua thay thế anh Huê vì bên “Tây” thừa người. Bỗng chợt nhớ là mình cũng là học trò trốn học. Thầy Hứa mà thấy tôi thì cũng bắt về phạt cho coi. Tôi liền đề nghị với anh em cả hai bên:

- Thôi, tụi mình không chia hai phe nữa mà cùng nhau làm “nghĩa quân” đánh lại đám học trò kia. Tụi nó đang tới đây tính bắt anh Huê, tôi cùng với đứa nào hay chơi với tụi tôi đó. Bây giờ tụi mình kể như tụi nó là “Tây” đi. Tụi mình làm nghĩa quân. Phải chuẩn bị đánh thật gắt tụi nó mới thua vì nó đông hơn mình đó.

Cả đám chần trầu thích chí reo hò ầm ĩ. Nhất là mấy đứa nãy giờ phải ở bên “Tây” vì khỏi phải làm “Tây” nữa mà được làm “nghĩa quân”. Tụi tôi vò thêm đạn đất sét, tìm chỗ ẩn nấp trong hầm đất hay dọc theo bờ ruộng làm thành một hàng ngang quay mặt lại phía đoàn học trò đang tiến tới. Tôi cùng bốn đứa khác lập kế nghi binh giả đồ khoát nước tắm cho trầu và đùa giỡn với nhau. Tôi lấy bùn, đất sét trét thêm lên mặt mũi tay chân, lên cả mình mấy đang ở trần cho lấm lem hết. Thầy giáo Hứa dẫn đầu đoàn học trò. Thầy mang mắt kính, cầm cây ba ton chỉ trở về phía tụi tôi. Tụi “Tây” chừng độ năm chục đứa, đi ào ào trên ruộng khô trơ gốc rạ không thành hàng ngũ gì cả. Chúng nói chuyện râm ran như một bầy kết. Được nghỉ học để đi bắt giùm thầy đứa con trốn học, chắc tụi nó cũng vui lắm. Tôi nghĩ thầm: Rồi tụi bây sẽ biết thế nào là mùi đạn đất sét.

Tới cách tụi tôi chừng hai mươi thước thì đám học trò dừng lại. Thầy Hứa gọi hỏi mấy đứa tôi đang “tắm trầu”:

- Ê, mấy thằng kia, bây có thấy trò Huê ở đâu không?

Mấy thằng chúng tôi giả bộ không nghe, cứ tiếp tục khoát nước tắm cho trầu. Thầy Hứa kéo đám học trò tiến lên mấy bước nữa, vừa đi vừa la lớn:

- Tao hỏi bây có thấy trò Huê ở đâu không? Bây điếc hả?

Chờ đám “Tây” tới gần hơn tôi mới đứng thẳng lên miệng hầm, ở trần, quần cụt ướt, người đầy bùn đất sét. Không để bọn “Tây” kịp nhận ra tôi là ai, tôi đồng dục tuyên chiến:

- Ở đây không có trò Huê nào hết. Chỉ có “nghĩa quân” thôi. Muốn bình yên thì quay trở về ngay, còn bằng bước tới nữa thì đừng có trách... đầu lìa khỏi nón à à...

Tôi còn ráng nhớ thêm một vài câu của mấy gánh hát bộ để ra oai. Nhưng trong đám học trò đã có thằng nhận ra tôi:

- Thằng Ngộ! Thằng Ngộ đó!

- Bắt nó! - Thầy Hứa la lên, chỉ vào tôi.

Bọn “Tây” ồ ạt xông lên, vừa đúng tầm đạn thì bị một trận “mưa đạn” đất sét chặn đứng ngay lại như người đi đêm va phải mũi vào tường. Chúng nó bỏ chạy tán loạn như bầy vịt, nón mũ rớt đầy ruộng, quần áo bê bết đất sét.

Nhiều đứa khóc, vấp gốc rạ ngã lăn, bò càng rồi đứng dậy chạy nữa. Thầy giáo Hứa cũng bị trúng một viên đạn ngay sống mũi. Một tay ôm mũi, một tay xách ba ton chạy xô cả đầu tóc. “Nghĩa quân” khoái trá cười nôn ruột, hăng tiết nhảy ra khỏi hầm đất đuổi theo, vừa la vừa ném.

Thấy chúng tôi đã rời xa hầm đất chỉ còn đuổi bằng tay không, thầy giáo Hứa bèn ra lệnh cho tụi học trò “bên Tây” quay lại đánh với chúng tôi. Một số “thằng Tây” đã nhanh chân chiếm được hầm “vũ khí” đất sét của tụi tôi. Thấy ra được sai lầm thì đã quá muộn rồi. Bị dồn vào thế bí giữa đám ruộng khô, phe “nghĩa quân” phá vòng vây chạy thoát gần hết, còn lại ba đứa tử thủ là tôi và thằng Liễn, thằng Cò thì bị bắt sống. Thầy Hứa dùng cây ba ton đánh chúng tôi túi bụi. Rồi thì đám học trò trối tay chân chúng tôi lại, xô đòn vào khiêng đi như khiêng ba con nai bị người ta săn được Tôi mệt lả, thả cái đầu lòng thông xuống đất, mặc nó lắc lư theo nhịp bước của hai người

khiêng. Thầy Hứa định khiêng tụi tôi lên xóm cầu Rạch Rớ cho đồng bào xem, giao thằng Liễn, thằng Cò cho nhà việc Mỹ Lộc đóng trần lại rồi mới khiêng tôi về trường. Nghĩ tới cảnh về tới trường, tôi xấu hổ chỉ muốn chết quách cho xong. Nhưng may quá nhờ đầu tôi có hai vết thương do thầy đánh đang còn chảy máu nên đến cầu Rạch Rớ, thầy giáo Hứa đổi ý cho thả tôi về nhà xức thuốc. Anh Ba Tôn, nhà ở gần góc cây sộp, nhai lá ổi lấy xác đắp lên đầu tôi hai miếng để cầm máu. Tôi đứng dậy, còn chóng mặt, bước đi nghiêng nghiêng như người say rượu, quay lại nói với thằng Cò, thằng Liễn.

- Đừng sợ, cứ nói là tại tao xúi tui bây đó!

*

Một chiều, vừa nghe tiếng trống tan học, tôi chạy như bay về đám mía mà tôi giấu sách vở ở đó. Tìm mãi hồi lâu không thấy đâu cả. Thật là nguy to. Nhưng không sao, tôi sẽ nói là thầy cho góp sách vở để thầy chấm bài. Khi về đến nhà, vừa bước qua cửa tôi đã thấy mấy cuốn tập của tôi nằm chình ình cùng với một bó ngọn mía to tướng trên bộ ván giữa nhà. Ông Tư Thường, chủ trâu của thằng Liễn, cũng là chủ đám mía đang ngồi đó, mặt hầm hầm giận dữ. Mẹ tôi mặt buồn xo, ngồi trên góc ván phía trong bàn thờ. Câu chuyện vẫn đang tiếp tục. Tư Thường nói:

- Nó ăn bao nhiêu mía đó thì còn gì là đám mía của tôi. Đồ chết thèm chết khát. Mía còn non vậy mà đập xuống ăn, không biết thương xót. Bây giờ thì thím phải đền cả đám cho tôi. Tôi giao cho thím đó, muốn làm sao thì làm. Mẹ tôi nhỏ nhẹ năn nỉ:

- Anh Tư à, tội nghiệp cho tôi. Lấy đâu ra tiền mà đền cho anh bây giờ. Dù anh có không thương mà lên làng kiện thì cũng vậy thôi. Nó có thèm khát lắm thì cũng ăn trộm của cô bác nó một hai cây là cùng chớ bụng đâu mà ăn nhiều dữ vậy. Mà anh bắt được nó trốn học quả tang vì giấu sách vở trong

mía nhà anh chớ có bắt được nó đang ăn trộm mía đâu. Anh suy nghĩ lại mà coi. Làng tổng mà có xử tôi phải thường cho anh đám mía thì cũng là xử oan, xử ép mà thôi. Bà con xóm giềng làm vậy thì méch lòng nhau, chớ có ích gì, phải không anh Tư?

Tôi nghe mẹ tôi nói có lý quá. Nhưng ông Tư Thường vẫn còn hằn học:

- Không đền tiền cho tôi thì tôi kiện ở tù cả nhà đó. Đừng có tưởng cổ lì ra mà xong. Nhưng thôi, tôi không bắt đền thím nữa, nhưng mà nó phải gác đám mía cho tôi. Từ giờ tới lúc phát mía nấu đường nếu có đứa nào ăn trộm một cây mía của tôi thì tôi bắt nó lên nhà việc đóng trăn.

Thấy ông chủ mía đã dịu đi phần nào, mẹ tôi tôi tiếp tục tấn công:

- Anh giận thì nói vậy thôi, chớ anh cũng biết rằng người lớn còn không gác nổi một đám mía, nó thì giữ sao được. Con tôi cũng là cháu của anh, nó còn phải đi học...

Bỗng bà quay sang tôi:

- Còn cái thằng mắc dịch mắc toi đó! Đứng ngó hả? Cúi xuống!

Tôi ngoan ngoãn nằm dài xuống đất. Mẹ tôi đi lấy cây roi mây đưa cho ông Tư Thường:

- Hôm nay anh bắt được nó trốn học quả tang vậy nhờ anh đánh nó giùm tôi năm roi cho nó chừa.

Thấy chắc không đòi hỏi gì hơn được với người đàn bà này, ông Tư Thường cầm lấy chiếc roi mây. Rồi dòn hết tức giận và lòng tiếc của, ông ta quất vào đít tôi.

- Một, hai, ba, bốn, năm, thôi, thôi chớ! - Chị Sáu tôi không biết ở đâu đâu chạy ra đếm từng roi một. Vậy mà ông ta cũng đánh quá hết hai roi, tới lúc chị tôi giật cây roi lại mới chịu thôi.

Tôi tức quá, quên hết cả đau, cúi đầu xuống đập ngón vào mặt ông ta mà nói:

- Bác ăn cướp của tôi hết hai roi quả tang đó, có ba người làm chứng, không

chối được đâu!

Thấy mẹ tôi giờ cây roi lên, tôi vụt chạy mất.

[1] đánh khăng

[2] Một, hai,... ba!

[3] Bỏ cuộc! Bỏ cuộc!

[4] Nước Pháp muôn năm!

[5] Làm người khó, làm người khó, làm người rất khó...

[6] Mặt biển dậy sóng, một bãi cát dài, một đàn cá...

Huỳnh Văn Nghệ

Quê hương rừng thẳm sông dài

Chương 3

NĂM 1931, tôi đã 17 tuổi và đang học trường trung học Pétrus ký Sài Gòn.

Bạn học cùng lớp thường hỏi tôi:

- Sao chủ nhật nào anh cũng đi Sở Thú vậy? Không chán à?

- Không, tôi ghiền Sở Thú mà.

Hầu như lần nào tôi cũng trả lời như vậy. Mỗi lần trả lời tôi đều thấy mình chưa nói hết lời hết ý được với anh em. Lẽ ra thì phải nói rõ là: Sài Gòn vô cùng hấp dẫn tôi. Ba năm theo học ở đây chưa đủ để tôi hiểu hết, biết hết cái thành phố đẹp đẽ và vô cùng phức tạp này. Sở Thú thì tôi không còn lạ gì cả. Nó có vẻ giả tạo, xấu xí và nhỏ hẹp hơn bất kỳ mảnh rừng nào của quê tôi.

Nhưng chủ nhật nào tôi cũng đi bộ ra đó ngồi đọc sách, rồi lại đi bộ về là vì tôi là một học trò nghèo, mồ côi cha, mẹ lại già yếu, đang sống nhờ vào người anh. Tiền tiêu vặt, tiền đi xe còn không có đủ thì tiền đâu mà đi chơi phố như các bạn. Chủ nhật mà ở lại trong ký túc xá cũng buồn, mà bạn bè lại cho là mình keo kiệt hay là học gạo. Mà ra khỏi trường thì tôi thấy không có đi đâu hơn là vào Sở Thú. Những năm đầu tôi cũng cảm thấy thiếu thốn, khó chịu, chớ bây giờ thì tôi đã quen và còn cảm thấy thú vị khi chủ nhật vào Sở Thú đọc sách.

Tôi đâm ra ghiền Sở Thú thật. Giữa Sài Gòn mà có được một mảnh đất mát mẻ và yên tĩnh giống như ở quê nhà cũng hay quá. Ở đó tôi thích những cảnh cây dù bị xén cảnh tia ngọn vẫn ngày đêm vươn lên đón gió trên trời cao. Tôi thương cho những con thú kiên gan dù đã bị nhốt nhiều năm trong lồng sắt vẫn luôn gặm thét đòi trở lại với rừng. Tôi ghét mấy con chim mỗi quên cả trời cao đất rộng dù không bị cột bị chạt nữa mà vẫn không muốn cất cánh bay đi. Nhiều khi coi không hết một trang sách mà trước mắt tôi diễn ra không biết bao nhiêu màn kịch sống của xã hội Sài Gòn. Những đôi giày cao, những cặp gót son thon thả bước. Những chiếc quần lãnh, váy lụa, áo màu dài ngắn lướt qua. Đi xa hàng chục thước mà còn nghe mùi dầu thơm phảng phất. Những chiếc mũ đã mòn rách cả vành bên phải vì luôn luôn bị cầm xuống mỗi khi chủ nhân của nó gặp ai đó để lễ phép làm quen, để xin việc làm, để hỏi thăm một nhà trọ rẻ tiền, để xin vay nợ hay để ghi tên vào danh sách những người thất nghiệp chờ cứu trợ. Một khúc bánh mì thừa từ một bàn tay béo đã vứt xuống có năm bảy bàn tay gầy xanh, quơ quào, giành xé để đưa lên mồm. Tiếng đờn cò của lão mù hát dạo suốt ngày như khóc như than. Lâu lắm mới nghe thấy tiếng đồng xu rơi vào chiếc nón rách. Tiếng tu húýt của cảnh sát húýt lên inh ỏi. Nhưng bạn khỏi bận tâm. Nếu có kẻ móc túi bị bắt thì dùi cui sẽ nện vào đầu nó và nó sẽ bị lôi về bót. Nếu có

một thằng Tây say, hay giả đồ say để ghẹo gái, đánh người thì người bị ghẹo, bị đánh sẽ được “thưởng” vài câu nạt nộ hăm dọa và thằng Tây sẽ “bị” xin lỗi và đưa về nhà khỏi tốn tiền xe.

Sài Gòn hoa lệ chắc cũng giống như góc Sở Thú này thôi. Ngồi ở đây cũng có thể thấy khắp được Sài Gòn rồi khỏi đi đâu coi cho tốn tiền lại thêm mòn đôi giày ba ta độc nhất nữa. Nếu tranh thủ đọc ké được vài trang báo thì còn biết thêm được nhiều chuyện đời và chuyện trên thế giới nữa.

*

Một ngày chủ nhật cuối năm, tôi không coi sách mà ngồi đọc đi đọc lại lá thư của anh tôi gửi tới trong tuần rồi.

“Ngộ em,

Ở làng mình không có gì lạ. Trộm cướp, du côn, cờ bạc vẫn còn như trước và có lẽ còn nhiều hơn. Mỗi tuần đều có ít nhất một lần trống đánh hồi một: bắt râu, bắt thuế, bắt du côn, trộm cướp, đuổi cợ loạn rừng, chữa cháy nhà, cháy xóm, v.v... Dân tình thấp thỏm không ai yên ổn làm ăn. Anh Hai Tán trước bị bắt vì tội nấu rượu lậu và đánh lại người nhà nước, vừa ra khỏi tù về tới nhà thì chết. Người thì bảo anh bị đánh hay bị thuốc ở trong tù. Kẻ thì nói anh bị vết thương cũ do chó cắn tái phát hoành hành. Không biết ai đúng ai sai. Thôi thì từ nay tía mình dưới âm phủ có bạn rồi. Hai thầy trò, người bị rắn độc cắn, người bị chó cắn chết, thật là nghề võ đã hết thời rồi.

Anh Tám Phát hồi đánh lại lính quận về bắt cờ bạc phải ở tù, nay vượt ngục Côn Lôn lâu rồi. Mãi gần đây anh mới về làng và đang trốn trong rừng Mỹ Lộc. Vợ anh cắt tóc ngắn, bỏ nhà vào rừng theo chồng. Nghe đâu anh Tám Phát có súng và cả hai vợ chồng cùng biết bắn. Anh có nói với người trong làng rằng trước kia tía có dặn anh là không nên làm lính, làm làng cho Tây, cũng không nên làm du côn, trộm cướp phá xóm phá làng. Nhưng bây giờ thì anh không nghe y theo lời của tía được, anh phải ăn cướp mới sống tự do

mà chống làng chống lính được. Ảnh còn nói ảnh chỉ cướp của nhà giàu đem cho nhà nghèo, không ăn cướp của bà con cô bác trong làng thì cũng không phải là không nghe lời tía dạy đâu. Anh đang lo rủi hôm nào ảnh tìm về gặp, hỏi ý anh thì anh cũng chưa biết trả lời ra sao. Vô rừng làm ăn cướp mà muốn chống Tây là không đúng rồi. Nhưng làm cách nào cho đúng thì mình cũng chưa biết mà chỉ cho ảnh. Anh biết ở Sài Gòn có nhiều dịp tìm hiểu, em xem có những người đồng chí hướng với mình, có cách nào hay hơn không. Đốn cây lậu trên rừng như tía, nấu rượu lậu như anh Hai Tán, hay cầm súng đi ăn cướp như anh Tám đâu dễ thay đổi được nhà nước Pháp và tụi hội đồng, hương chức. Hay là ra làm lính, làm làng. Đó là hai con đường mà người muốn sống bình thường ngay thẳng, làm ăn tử tế khó lòng theo được. Đã ra làm lính, làm làng là phải sống theo như họ, làm theo như họ vậy thì làm sao mà chống lại sự hà hiếp của tụi có quyền. Nhưng bây giờ người nghèo muốn hết khổ, người giàu lại muốn giàu thêm thì làm sao mà giàu nghèo sống yên ổn bên nhau được.

Ở quê mình bây giờ người ta theo đạo Cao Đài đông lắm. Cả thầy giáo Hạ cũng để tóc, để râu dài, ăn chay và cầu kinh nữa. Tín đồ Cao Đài ở Tân Uyên đang quyên tiền để cất một cái chùa Cao Đài thiệt lớn ở chợ Cây Đào. Có người tới khuyên má mình theo đạo này nhưng má nhất định không chịu theo vì còn mê đạo Phật lắm. Thấy tám hình thờ ông tổ đạo Cao Đài, má nói: “Đạo gì mà lại thờ Tây, làm sao mà tin được”. Nhưng những người khác thì tin lắm, bán nhà bán ruộng lấy tiền cúng chùa Cao Đài. Bác Năm Hỷ ở bên đò trên cúng đến một ngàn đồng để mua chức chủ sự đạo Cao Đài ở làng mình.

Bạn học cũ của em ở trường Mỹ Lộc và trường Tân Uyên giờ cũng làm mỗi đứa một việc. Thằng Bồn, thằng Lộ, thằng Oanh đi lính mã tà. Thằng Lạp, thằng Cương đang xin làm một chức biện trong làng. Con Sứ lấy chồng Hoa

kiều ở Tân Uyên. Nghe nói chồng nó giàu lắm, nhưng già rồi mà lại hút á phiện. Con Huệ, con thầy giáo Hứa thì lấy chồng thầy giáo. Chỉ có con Lan ở Tân Hòa thì chưa lấy chồng. Có thằng Thăng, con cô Tư Như gần nhà mình đi nói mà nó không ưng. Thằng Liễn không ở cho bác Tư Thường nữa mà làm nghề cắt tóc dạo. Nó theo học lớp dạy riêng của anh mỗi tối ở nhà mình cùng với mấy người thất học hay học dở ở làng mình.

Anh đã lần hồi trả hết nợ cho tía má rồi. Thế nào anh cũng ráng hà tiện mua được một miếng đất, cất nhà dựng khói phải ở đậu nữa. Được vậy là má yên lòng. Từ khi anh về đây học trò thi đậu nhiều nên học trò và cha mẹ học trò thương anh lắm. Nhưng đâu có ai hiểu hết nỗi lo lắng của anh. Ngoài sách vở của trường lớp ra còn phải dạy gì cho học trò đây? Nếu không thì học trò của anh rồi cũng như học trò của tía ngày trước. Dù học giỏi mấy rồi cũng không biết làm sao ra sức giúp đời. Nếu chỉ dạy rằng sống cho đúng là không làm làng, làm lính, không làm du côn, trộm cướp như tía dạy học trò và tụi mình ngày trước là không đủ rồi. Nhưng phải làm gì thì anh chưa biết và chưa ai dạy cho anh. Ở Sài Gòn có lẽ có nhiều người biết “cái đó”, nhưng anh chưa tìm gặp được thì đã phải về nơi “khỉ ho cò gáy” này rồi.

Phần em, còn hơn một năm nữa là thi ra trường. Nếu em thi đậu cao, anh sẽ cố gắng cho em học nữa. Nếu thi đậu thấp hoặc thi rớt thì ra đi làm hay thất nghiệp về nhà. Nhưng dù đi học nữa, đi làm hay thất nghiệp thì cũng không giải quyết gì được cho đời em nếu em không tìm ra được “cái đó”. Tức là em phải cố công tìm kiếm ra những người biết cách sống và làm gì trong thời buổi này cho đúng để mà đi theo. Tìm cho em tức là tìm cho anh luôn đó. Anh tin là em sẽ gặp được những người đó.

Anh của em

Thọ

Tái bút: Chị Sáu em vừa sanh một thằng con trai. Chồng nó vẫn làm nghề

đánh xe ngựa. Hai em Lưỡng và Mận vẫn đi học trường Mỹ Lộc. Má nhớ và nhắc em luôn. Có thể hôm nào má sẽ đi Sài Gòn thăm em và để biết Sài Gòn một lần luôn.

Bức thư đã được tôi xếp lại cất kỹ trong túi áo từ lâu mà tâm trí tôi vẫn còn bận hương về làng quê xa xôi. Chuyện ở nhà, ở xã không có gì mới thật. Hầu hết mọi chuyện tôi đã biết trong kỳ bãi trường trước hoặc qua những bức thư của Lan. Người bạn gái cùng học chung trường Mỹ Lộc xưa thường vẫn không cười nhạo tôi mỗi lúc tôi bị đòn, bị phạt, nay thường xuyên gửi thư cho tôi. Nhưng đọc thư Lan tôi lại không để ý đến những chuyện trong làng trong xã mà chỉ lắng nghe tiếng nhịp tim của em đập qua từng câu văn, chữ viết. Bởi vậy giờ đọc thư của anh tôi, tôi không khỏi bàng khuân. Những người tôi kính mến ở làng quê tôi đang chết dần trong nghèo đói, đau thương và tuyệt vọng hoặc đang hoang mang về cuộc sống tương lai mờ mịt đang chờ đón. Nhưng tìm đâu ra người chỉ cho cách đi đúng bây giờ. Anh tôi nói lúc học ở Sài Gòn anh đã nghe nói đến “hội kín”, đến đảng này đảng nọ rồi. Nhưng anh tôi chưa gặp được hội kín hay đảng nào cả. Cuộc bãi thực chống chế độ ăn uống cực khổ trong ký túc trường tôi vừa qua cũng đạt được thắng lợi. Cuối cùng nhà trường phải làm theo yêu cầu của ban đại diện học sinh cải thiện bữa ăn cho học sinh. Nhưng tôi cũng không thấy Đảng đâu cả. Hay là Đảng không có trong trường? Vậy tôi tìm Đảng ở đâu bây giờ. Hay Đảng huyền bí như ông thần nghĩa quân ở xã tôi chỉ nghe nói chứ không bao giờ thấy mặt. Không đúng, có Đảng thật. Vì có nước Nga Cộng sản hùng cường lại có những người Cộng sản thỉnh thoảng vẫn bị bắt, bị tù, tên họ nêu rõ ràng trên báo chí Sài Gòn. Vậy là đời tôi và anh tôi thế nào cũng gặp Đảng chứ không như cha mẹ tôi tin tưởng chờ mong nghĩa quân suốt đời mà không bao giờ gặp. Mẹ tôi yêu nước thù Tây mà chỉ biết cầu trời khẩn Phật. Cậu Mười Rậm của tôi tham gia Thiên Địa Hội bị bắt, bị giết chết. Chuyện

dạy võ, học võ trong làng trong xã bị cấm. Những người không chịu theo Tây, chống lại nhà nước ngày càng khổ cực, chết dần chết mòn. Tất cả những chuyện ấy làm cho mẹ tôi thấy không còn lối thoát nào khác hơn là cầu tới Trời Phật, Thánh Thần và những vong hồn nghĩa quân mà bà cúng vái mỗi đêm rằm. Mẹ tôi thương tôi lắm, hơn cả những đứa con khác trong nhà, hơn cả hai đứa em gái tôi. Có lẽ vì bà phải cực khổ với tôi nhiều hơn. Mẹ tôi sanh tôi ra bị ốm nặng hết mấy tháng trời vì tôi ra ngược, hai chân ra trước, cái đầu ra sau. Lớn lên tôi là một đứa trẻ khó dạy, trốn học nổi tiếng trong trường. Lớn thêm chút nữa cầm đầu đám con nít trong làng phá làng phá xóm, phá miếu, phá đình. Mỗi lúc các trò chơi của tôi càng gây ra phiền muộn cho mẹ hơn. Mẹ tôi khóc nhiều hơn mỗi khi tôi bị đòn. Vậy mà từ ngày anh tôi về làng dạy học, rồi cái chết của cha tôi với nước mắt của mẹ tôi bỗng làm tôi khôn lớn, một cách bất ngờ. Tôi trở thành đứa học trò giỏi nhất tổng Chánh Mỹ Hạ. Trong đám trẻ tắm sông Đồng Nai, tôi là đứa bơi giỏi nhất và chèo đò không thua gì chị Sáu tôi. Tôi càng lớn mẹ tôi càng thương tôi. Mẹ tôi nói tướng mạo tôi ngày càng giống cậu Mười Rậm. Nhưng mẹ tôi lại sợ tôi giống cậu cả số phận rồi lại cũng bỏ nhà đi hoang chống Tây rồi bị giết mất xác. Lúc tôi sắp qua Sài Gòn học, mẹ nói nhỏ với tôi:

- Anh Năm mày nói ở Sài Gòn có nhiều hội kín lắm. Con đừng theo họ mà chết như cậu Mười con hồi đó ghen.

Bà có biết đâu rằng cái “hội kín” mà bà dặn tôi đừng theo lại là cái mà tôi và anh tôi “tìm kiếm mấy năm nay mà chưa gặp”. Họ ở đâu? Họ là ai? Tôi đứng dậy rào bước về nhà, lòng vẫn băn khoăn tự hỏi.

Mấy ngọn cây yên lặng ngả bóng chào tôi, không một tiếng trả lời. Tiếng đòn cò của lão mù hát dạo vẫn còn rên than mãi nơi cửa ra vào dù không còn tiếng bước chân nào dừng lại, không còn tiếng đồng xu nào rơi vào chiếc

nón rách nữa hết. Như mọi lần, tôi bước tới bên ông lão, đưa tận tay ông một đồng xu và bảo:

- Thôi, tôi rồi, đi về đi ông, không cảnh sát tới đuổi lại mất công chạy.

- Cảm ơn thầy.

Hai bàn tay ông lão run run xếp đờn, xách nón, chống gậy ra về. Ông lão nói với tôi giọng run run:

- Tôi rất tiếc vì mù lòa không thấy được mặt thầy. Mấy lần hỏi tên, thầy cũng không nói. Từ hơn một năm nay, chủ nhật nào tôi cũng có ý chờ thầy. Đồng xu của thầy cho tôi thật quý hơn vàng ngọc trên đời. Bữa nào thầy không tới là tôi đợi riết cho tới khi bị lính đuổi mới về. Bữa nay tôi mới nói thiệt với thầy: xu của thầy cho tôi không có xài tới, dù có đói cũng chịu. Tôi xỏ xâu lại, thêm một xu này nữa là được ba chục xu rồi...

Ông móc từ trong túi áo bành tô rách ra đưa cho tôi xem một xâu xu vừa cũ vừa mới rồi nói tiếp:

- Đi đâu tôi cũng mang nó theo bên mình để nó an ủi tôi trong cái tuổi già khốn khổ này. Khi nào chết tôi sẽ mang nó theo.

Ông chợt nhìn lại, không nói nữa, chỉ lẳng lặng bước. Tôi rung rung nước mắt, đi bên ông già mù lòa, tôi càng nghĩ ngợi mông lung. Vậy là mình đã đoán trúng, ông này không phải là một người ăn xin tầm thường, mà là một nghệ sĩ thật sự. Đồng xu của tôi chỉ khác những đồng xu khác ở chỗ nó được đưa tận tay, mang theo cả sự biết ơn của người nghe đối với người đàn hát, chứ không bị vứt như mẩu bánh thừa bố thí cho kẻ ăn xin. “Cách cho giá trị hơn vật cho” - câu châm ngôn ấy thật đúng. Nhưng ngoài cách cho đồng xu ấy, tôi không làm gì được để kéo ông lão ra khỏi cảnh khổ này. Phải tìm cho được hội kín.

Đi tới ngã tư, tôi từ giã ông già mù.

- Giờ tôi phải về kéo trẽ, thôi ông về ngủ đi. Còn số tiền đó, ông nên xài đi

rủi mất thì uống.

Ông già nắm lấy tay tôi, lắc lắc:

- Thầy đừng lo, tụi móc túi không móc nổi mấy chục đồng xu đó đâu. Tôi quyết giữ cho tới chết mà. Thôi, thầy về.

Rồi ông gượng nở nụ cười tiễn chân tôi.

*

Vào tháng 9 năm 1932, trong trường tôi bỗng xảy ra một sự kiện quan trọng. Hôm đó sau khi ăn sáng xong, học sinh về lớp ngồi ôn bài dưới sự giám sát của giám thị Giá. Ngoài các giáo sư người Việt, người Pháp dạy từng môn một, mỗi lớp có một thầy giám thị theo dõi sinh hoạt của học trò ngoài giờ lên lớp. Giám thị Giá rất khắt khe với chúng tôi. Anh em tụi tôi xin gì, chưa nghe rõ thầy cũng đã lắc đầu nói: “Non!”. Nhưng với học trò Tây thì thầy gật đầu lia lịa như một cái máy gật: “Oui, oui”. Tụi tôi tặng cho thầy một cái tên là “Sậy to”. Mới nghe tưởng vì thầy ốm lại cao như cây sậy, nhưng thực ra nói lái lại là “sợ Tây”. Mấy đứa học trò Việt có lòng tự trọng một chút đều cảm thấy xấu hổ mỗi khi thấy thầy khúm núm, co ro trước mặt Tây. Mỗi lần ông Tổng giám thị người Pháp Lubi từ xa huýt gió hay ngoắc tay gọi một cái là thầy chạy tới nhanh như có lửa cháy nhà. Chỉ còn thiếu cái đuôi ngoắc sau lưng nữa là giống y như con chó mừng chủ.

Hôm nay giám thị Giá rất khó chịu nhưng không thể nói “Non” được với chúng tôi. Cứ năm ba phút lại có người đưa tay xin:

- Thưa thầy cho phép tôi “đi ngoài”.

Lúc đầu giám thị Giá rất khó chịu, sau thầy đâm ra lo sợ: không hiểu lũ học trò quỷ vật này có bị đi tiêu chảy hàng loạt như mấy lần trước không?

Người nào đi xong trở vào cũng lén thầy Giá nói nhỏ hay viết giấy cho người bên cạnh: “Vô cầu tiêu mà coi?”. Người nào xin phép mà thấy thầy chậm gật đầu thì dùng ngay đến cách ôm bụng kêu đau. Vậy là thầy phải

chịu thua cho đi ngay. Thầy Giá bắt đầu nghi ngờ: Lũ học trò định mượn cớ để rủ nhau bãi thực phản đối chế độ ăn uống của nhà trường như năm trước chẳng? Nhưng đã trễ rồi. Hầu hết học sinh lớp tôi đều đã đi vô cầu tiêu và trở ra. Bệnh truyền nhiễm lan nhanh. Học sinh lớp khác cũng lũ lượt kéo nhau xin đi ngoài và kéo đến cầu xí nườm nượp như người ta đi chùa ngày rằm.

Các giám thị lúng túng hốt hoảng báo cáo lên ban giám đốc nhà trường. Cuộc điều tra bắt đầu. Một số học sinh được đưa lên bệnh xá để lấy phân xét nghiệm. Nhưng lên đến nơi thì không ai “đi ngoài” nữa. Nhà bếp thì lấy thức ăn thừa buổi sáng gửi đi xét nghiệm không thấy có gì khả nghi. Nhà trường ra lệnh cho các thầy giám thị đề phòng một cuộc bãi thực mới của học sinh và sẵn sàng đối phó.

Mãi đến chiều, ông phó giám đốc Buler và thầy Giá mới thân hành vào tận cầu tiêu điều tra và tìm ra được nguyên nhân của căn bệnh lạ lùng. Mặt bên trong của cánh cửa cầu tiêu vốn đã được sơn đỏ có một dấu hiệu búa liềm vẽ bằng phấn trắng. Dưới dấu hiệu to bằng cái nón có một hàng chữ: “Đảng Cộng sản Đông Dương”. Người vẽ chắc là một tay họa sĩ vì vẽ liền một nét không có dấu bôi đi chữa lại chỗ nào, mà giống hệt. Cái ngăn cầu tiêu này lại thuộc phần sử dụng của lớp tôi bởi vậy thầy Giá vô cùng tức giận.

Năm học sinh bị bắt lên ban giám đốc để điều tra gồm có Trương, Giỏi, Hưng, Hón và tôi. Chỉ có ba người ở lớp tôi, còn Trương và Giỏi ở lớp khác. Riêng Trương lại là học sinh ngoại trú, chưa hề biết đến cái cầu tiêu của lớp tôi lần nào.

Mật thám từ bót Catinat vào điều tra chúng tôi tại chỗ. Chúng tôi bị lấy dấu tay, xét tuồng chữ, lấy khẩu cung, lục soát tủ quần áo, sách vở và bị hăm dọa. Có đứa còn được hứa cấp cho bằng tốt nghiệp không phải thi nếu chỉ cho nhà trường biết được thủ phạm hay tự thú nhận. Cuộc điều tra tiến hành

hai ngày nhưng không tìm ra thủ phạm. Chúng tôi bị đưa ra hội đồng kỷ luật của nhà trường để định tội.

*

Hội đồng kỷ luật trường tôi lúc ấy có sáu người. Đứng đầu là ông giám đốc Valencot mà chúng tôi thường gọi lén là thằng Cót. Ông ta có cái bụng bự như cái trống đình. Hai chân ông ta mang cái bụng không nổi nên luôn luôn phải có cây ba ton chống đằng trước khi bước đi và chống đằng sau khi đứng nói. Cản cổ ngắn và dường như tụt xuống dưới sức nặng của cái đầu ông. Cả chòm râu chống xuống ngực cong vòng cũng không nâng cái đầu cao lên được mấy. Cao lớn bệ vệ nhưng ông ta lại là người hay vắng tục. Miệng ông ta lúc nào cũng sẵn các câu chửi dành cho những người dưới quyền: “Bête!”, “Salop!”, “Cochon!”. Nhìn ông ta ngồi xe kéo là có thể hình dung được sức nặng của chế độ thực dân đè lên dân chúng như thế nào. Cái bụng của ông ta như úp ngược xuống yên xe làm cho chiếc xe oằn xuống. Anh phu nào lực lưỡng cũng phải ráng níu cần xe xuống mà lúi đi một cách khó nhọc. Anh phu nào gầy yếu đuối rách mà kéo cho ông ta thì coi chừng còn bị mắng chửi vì đi không nổi, chậm chạp. Ngồi trên xe ông ta còn hay lấy cây ba ton thọc vào chiếc nón rách của người kéo mà giục: “Nhanh lên Nhanh lên!”.

Người thứ hai là ông phó giám đốc Buler mà chúng tôi gọi lén là thầy Lê “con gà giò” thì còn trẻ và đẹp trai hơn ông Cót nhiều. Ông ta thuộc hạng “mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao” nhất trường. Không thể nhớ nổi thầy Lê có bao nhiêu bộ quần áo và giày nón. Mỗi ngày một bộ khác nhau, có ngày còn thay quần áo hai ba lần. Đó là chưa kể quần áo dự lễ, ăn tiệc, đi nhà thờ, v.v... bộ nào cũng láng lẩy. Ở cái xứ sở thuộc địa Nam Kỳ bình quân mỗi người dân chưa đủ một bộ đồ bà ba đen để mặc thì thầy Lê thật sự là “đại diện độc quyền” cho nền văn minh của nước Pháp. Làm phó giám đốc nhưng Buler quán xuyến hầu hết công việc của nhà trường. Các thầy

giám thị còn sợ ông ta hơn cả giám đốc vì “con gà giò” này đang độ tuổi bới móc để lập công.

Thứ ba là nữ giáo sư luân lý Revertéga mà học trò tặng cho biệt hiệu là “bà Ga” hay “Gà mái”. Mập, vẻ lạch bạch như con vịt xiêm, có hai trái dừa mang trước ngực và một cái thúng úp sau đít làm cho người thêm nặng nề. Lúc nào bà ta cũng phải dựa vào vai vào tay của các ông giáo sư mới đi được. Bà ta luôn ca ngợi nền “tự do - bình đẳng - bác ái” của mẫu quốc. Học trò lớn trong trường thì thầm với nhau là bà Ga giống như một cái ga xe lửa, ai muốn ghé qua cũng được. Hay bà ta cho như thế là “tự do”, là “bác ái”? Người thứ tư trong hội đồng là tổng giám thị Lubi. Chỉ huy tất cả các giám thị người Việt. Dù rằng nói tiếng Pháp cũng không đúng mẹo luật, hầu như chỉ viết mỗi chữ tên mình nhưng ông tổng giám thị vẫn lãnh lương gấp ba lần một giáo sư người Việt có bằng cử nhân. Nghe nói ông ta trước làm công nhân, sau đi lính trong Thế chiến thứ nhất 1914-1918, thì có nhiều công lao và được lên làm cai. Sang đây ông ta chỉ còn biết có tiền, rượu, và gái, chắc không còn nhớ gì tới quãng đời làm thợ xua. Người lúc nào cũng nồng nặc mùi rượu, thấy nữ sinh là cà rà tới như cây đinh sắt gặp nam châm. Học sinh gái ở trường sợ thầy tổng giám thị như sợ quỷ vậy.

Hội đồng kỷ luật có hai người Việt là giám thị Giá và Phước là đại diện của học sinh. Phước cùng học năm thứ tư như tôi, nhờ có cha và anh làm Sở mật thám Sài Gòn nên nó được làm đại diện cho học sinh toàn trường. Riêng Phước cũng biết cách lập công với nhà trường. Năm trước nó đã gỡ được một tờ truyền đơn Cộng sản dán trong một buồng tắm đem nạp thẳng cho Ban giám đốc. Sau đó không tìm được “thủ phạm”, nhưng ba học sinh bị tình nghi cũng bị đuổi học và Phước thì được vào Hội đồng kỷ luật của nhà trường. Dư luận trong học sinh và cha mẹ học sinh còn chưa hết xôn xao về vụ xử bất công ấy thì nay lại xảy ra vụ cờ búa liềm này.

*

Lần này chỉ có một mình Lương Văn Tương, học sinh ngoại trú năm thứ tư bị đuổi khỏi trường vì tội “có thành tích bất hảo và bị tình nghi có tuyên truyền Cộng sản” như Hội đồng kỷ luật tuyên bố.

Tương là con của người vợ nhỏ của một viên đốc phủ sứ vừa là điền chủ ở Rạch Giá. Tương rất ghét Tây và những người nịnh Tây. Trong lớp mỗi khi có giáo sư người Pháp nào nặng lời với anh thì anh phản đối ngay. Có lần trong giờ sử ký anh đòi đánh giáo sư người Pháp vì ông này đã chửi một học sinh là “Sale race!”. Từ đó về sau, mỗi khi bị gọi lên trả bài trong giờ sử ký thì Tương nói thẳng với vị giáo sư nọ:

- Xin giáo sư cho tôi một con “zéro” trước còn hơn là gọi tôi lên trả bài. Bài của giáo sư tôi không bao giờ học đâu.

Ở trong lớp Tương lại có một học trò nịnh Tây nổi tiếng. Đó là Tạo, người ở huyện Trảng Bàng, Tây Ninh, là con nuôi của một Cai tổng. Tạo chăm học lắm, rùi ro mà bị điểm kém là khóc thút thít như trẻ con đòi bánh. Có lần “bà Ga” thấy tội nghiệp phải cho thêm nó một điểm nữa. Thời gian học của nhà trường không đủ cho Tạo học. Nó học ngày học đêm, giờ ăn, giờ nghỉ cũng lén học. Nó không còn có thì giờ kết bạn với ai ngoài sách vở. Học vậy mà càng học gạo, Tạo lại càng hay bị điểm xấu. Tạo quay ra nịnh, nịnh học trò Tây, nịnh học trò Việt nào học giỏi, nịnh giám thị, nịnh giáo sư. Nhưng khó chịu nhất là khi thấy nó nịnh đầm. Bà “Ga”, giáo sư luận lý mà bước vào thì dù ngồi tận cuối nó cũng bật dậy chào trước nhất. Mỗi lần bà giáo sư này cần mượn một thứ gì như cây bút chì, thước kẻ thì lập tức Tạo quơ ngay món ấy của mình hay của anh em rồi lật đật chạy lên dâng bằng hai tay, rồi lại lật đật trở về chỗ với vẻ mặt hớn hờ như người chiến thắng. Thấy mỗi lần như vậy Tạo phải tốn nhiều công chạy từ cuối lớp lên một cách hấp tấp, bà “Ga” bèn đổi cho Tạo lên ngồi bàn đầu. Từ đó về sau, Tạo được độc quyền

phục vụ giáo sư, được chỉ huy toàn tốp đứng dậy chào giáo sư mỗi khi giáo sư lên lớp giảng hay đi kiểm tra lớp học.

Học sinh trong lớp không ai ưa Tạo, và còn cảm thấy nhục nhã vì những hành động thái quá của nó. Nhưng ai khuyên nó bỏ thói nịnh nọt đó đều bị nó từ chối, thậm chí nó còn hăm dọa sẽ báo với giám thị. Một hôm Tương rủ tạo ra phố chơi. Biết Tương có nhiều tiền, ăn xài rộng rãi nên Tạo nhận lời ngay. Hai người rủ nhau đi về phía Bàn Cờ. Tới một quãng vắng vẻ trên đám đất hoang của Chú Hỏa thì Tương dừng lại và nói:

- Bây giờ tao nói thật cho mày hay. Hôm nay anh em giao cho tao trừng trị mày về cái tội bợ đỡ làm nhục cả lớp. Nếu mày đồng ý từ nay bỏ thói bợ đỡ nịnh nọt tụi Tây thì tụi mình thành anh em, đi ăn chơi với nhau rồi về. Còn nếu mày không chịu thì tao đánh mày tại đây cho tới chừng nào mày chịu nghe mới thôi. Việc này là chuyện của học trò với nhau, nên học trò tự xử chứ nhà trường không nên mà cũng không được xen vào.

Tạo còn đang lúng túng chưa biết tính sao thì Tương đã cởi áo ngoài vứt xuống cỏ và nói tiếp:

- Mày không chịu cởi áo ra đi, đợi gì nữa.

Thấy Tương gầy yếu hơn mình, Tạo tưởng dễ thắng, bất thành linh nhảy tới đánh Tương trước. Không ngờ Tương đã thủ thế sẵn, Tạo vừa xáp lại thì đầu Tương đã đội mạnh vào bụng nó làm nó té bật ngửa ra cỏ như một trái mít rụng, không thể gượng dậy nổi. Tương thon thả lượm áo mặc vào, rồi đến gần bên Tạo ngồi xuống nói cho nó nghe điều xấu xa của cái tật nịnh Tây, về nỗi bất bình, khinh ghét của anh em với nó. Cuối cùng Tương hỏi:

- Mày chịu bỏ cái tật đó chưa? Mày có bỏ qua chuyện này mà không méc lại với nhà trường không?

Tạo còn đau quá, không nói được chỉ gật đầu. Tương đỡ nó dậy, phỉ bụi đất cho nó rồi dìu nó về trường. Đó là “thành tích bất hảo” của Tương mà Hội

đồng kỷ luật nhắc đến. Nhà trường muốn đuổi Trương từ lâu nhưng chưa có dịp. Nay nhân sự việc tình nghi mà không có bằng cứ này Hội đồng nhà trường mừng lắm, lấy cớ để đuổi học Trương luôn. Hôm nhận được lệnh rời khỏi trường, Trương mỉm cười xách nón bước ra khỏi lớp vui vẻ như người được đi dạo phố vậy.

*

Tôi cũng như Giới, Hưng, Hớn thì chỉ bị phạt một tháng không được ra khỏi trường vì tội: “Tình nghi có tuyên truyền Cộng sản”. Hưng và Hớn bị nghi ngờ vì là người xin “đi ngoài” trước nhất trong lớp tôi. Giới là học sinh nội trú của lớp khác nhưng hôm ấy lại “đi” bên cầu xí lớp tôi nên cũng bị nghi. Riêng tôi thì đi cầu sau nhiều anh em khác nhưng lại đi đến ba lần trong một buổi sáng. Bị phạt oan, mấy anh em chúng tôi rất bức tức, mà cũng rất lo ngại. Mãn khóa học thế nào cũng bị các giáo sư thành kiến, cuối năm sẽ bị rớt về điểm hạnh kiểm, gia đình biết được thì sẽ buồn phiền, và bốn ngày chủ nhật không được đi chơi.

Riêng tôi, lúc đầu rất lo bị đuổi học. Tôi là học sinh hưởng học bổng, nếu bị đuổi thì mẹ tôi phải trả lại cho trường toàn bộ chi phí học tập của tôi trong gần bốn năm qua ở trường này. Mẹ tôi làm sao có tiền mà trả, rồi sẽ mang nợ suốt đời thôi. Vì vậy mà bị phạt một tháng không được ra khỏi trường đối với tôi lại là một điều thú vị. Tôi đã được xem dấu hiệu của Đảng đến ba lần. Lần nào xem cũng lâu, đứng nhìn mãi từng nét vẽ, nét chữ, say sưa như đọc bức thư tình đầu tiên. Vậy là Đảng đã có ở trong trường này, thế nào tôi cũng gặp được Đảng. Rồi tôi sẽ thành Cộng sản, sẽ làm những việc bí mật, phi thường. Tôi cứ suy nghĩ như vậy mà tin tưởng rồi mơ ước liên miên. Nhà trường làm rùm beng lên chuyện này làm cho ai cũng biết rằng trong trường này có Đảng và có người bị tình nghi là tuyên truyền Cộng sản. Học sinh trong trường bắt đầu nhìn chúng tôi, những người bị phạt, bằng còn mắt

khác trước có vẻ tò mò, tin yêu, hay mến phục hơn. Nhiều người, tìm cơ hội bấp xúc làm quen với chúng tôi, an ủi chúng tôi và tỏ vẻ oán trách nhà trường. Chủ nhật nào mấy anh em đi phố cũng mang quà bánh về cho tụi tôi ăn như người ta thăm người thân ở tù vậy. Thật là cảm động. Nhưng đôi lúc tôi lại thấy xấu hổ trước sự thương mến, tin tưởng của anh em mà mình thật chưa xứng đáng. Mình đâu đã là Cộng sản đâu. Làm sao gặp được, nét vẽ đơn sơ trên cánh cửa không để lại một địa chỉ nào của người vẽ mặc dù tôi đã coi đi coi lại mấy lần. Trong năm người bị tình nghi có ai là đảng viên, thằng Tương là đáng nghi nhất vì nó chống Tây ra mặt. Nhưng biết đâu nó chỉ là người yêu nước như mình nhưng tính công tử y con nhà giàu lại có quyền thế không cần học, cũng không sợ ai. Hưng, Hón và Giới thì cũng như tôi, là học sinh nghèo sợ thi rớt và sợ bị đuổi lắm. Mấy tuần bị phạt, tôi để ý thấy các anh chăm học và ngoan ngoãn hơn trước, có lúc còn tỏ ra phiến trách người nào vẽ cái dấu hiệu tai hại đó làm cho họ bị vạ lây. Vậy chắc họ không là đảng viên rồi. Tôi tỏ ra coi thường hình phạt của Hội đồng kỷ luật, mong thái độ đó làm cho tôi dễ gặp Đảng hơn.

Tôi đã lầm to. Chẳng có đảng viên nào tìm đến gặp tôi hết mà chỉ có thằng Phước chú ý theo dõi tôi nhiều hơn các bạn khác. Hôm nào nó cũng lân la đến hỏi chuyện tôi, tỏ vẻ thông cảm cho nỗi oan ức của tôi và gợi cho tôi lòng thù oán kẻ nào vẽ lên dấu hiệu Cộng sản trong trường này. Trong những câu chuyện qua lại với Phước tôi biết nó là một học trò kém nhiều môn, đặc biệt là môn vẽ. Điều này giải tỏa mối nghi ngờ của tôi với nó. Năm trước, nhiều anh em cho rằng không phải Đảng đã cho người dán truyền đơn trong trường vì chỉ thấy có một tờ mà thằng Phước đem nộp. Họ cho là nó đã lấy tờ truyền đơn từ Sở mật thám Catinat về nộp để lập công với Ban giám hiệu và trả thù những người nó ghét. Lần này dấu hiệu vẽ tươi màu phấn mới, nét vẽ cứng cáp dứt khoát, không hề bôi xóa. Một người vẽ kém

thì không thể vẽ nổi như vậy. Nhất định trong trường tôi có Đảng. Ý nghĩ ấy an ủi tôi rất nhiều, tôi tin tưởng là rồi mình sẽ gặp được Đảng trong nay mai.

*

Một tháng trôi qua nhanh quá. Ngày mai là chủ nhật tự do của tôi rồi. Tôi dự định ngày mai chỉ làm hai việc. Một là đi tìm Trương làm quen với nó, xem nó có phải là Cộng sản không? Nếu đúng tôi sẽ nhờ nó xin cho tôi vào Đảng. Tôi tin tưởng thế nào cũng được, vì cùng là bạn học một khóa, một trường, cùng yêu nước thù Tây, cùng chịu chung kỷ luật trong vụ này nữa. Thế nào nó cũng nói giúp tôi. Nghe đâu Trương đã xin vào học ở trường Huỳnh Khương Ninh, và cũng ở ngoại trú. Trường này không có giáo sư người Pháp, chắc là nó học được và sẽ học giỏi nữa là khác. Hay là ở những trường không có người Pháp như vậy dễ tìm thấy Đảng hơn ở trường tôi? Trương mà chưa là Cộng sản thế nào nó cũng gặp Đảng ở đó. Biết đâu nhờ vậy mà nó gặp Đảng trước mình?

Việc thứ hai mà tôi tính làm là đi Sở Thú. Một tháng nay không tới đây, không biết ông già mù hát dạo ra sao rồi? Đã bốn buổi chiều chủ nhật ông lão chờ mình mà không gặp. Thật là tội nghiệp. Một tháng trời nay không biết ông lão nghĩ sao. Lúc chờ đợi tôi không hiểu có bị dùi cui của cảnh sát đánh lên đầu lên cổ không? Lão đã già yếu lắm, sắp chết nay mai với một cuộc đời cay cực như vậy. Lão đang tin yêu tôi mà tôi lại không đến được với lão để mà an ủi được đôi phần. Lão mà chết đi trước khi tôi tìm được đảng thì tôi làm sao giúp cho lão một niềm hy vọng vào tương lai ở lúc cuối đời. Mà người Cộng sản ra sao mình còn chưa biết làm sao tìm cho được. Không biết người Cộng sản có gì khác mình, chớ chắc là yêu nước thù Tây như mình rồi vì tội Tây ghét và sợ Cộng sản lắm mà.

Đang suy nghĩ mông lung, tôi nghe thầy Giá kêu:

- Các trò Ngô, Hưng, Hón...

Chúng tôi đứng dậy tại chỗ trong lớp học. Thầy Giá nói tiếp:

- Lẽ ra ngày mai các trò được phép đi ra ngoài rồi nhưng vì có người nhà đến, nhà trường buộc phải ở lại tiếp. Chủ nhật sau nữa mới được ra phố.

Chúng tôi ngồi xuống vừa buồn, vừa hồi hộp.

Đêm thứ bảy dài như một thế kỷ. Tôi không ngủ được. Suốt gần bốn năm ở trong trường tôi chưa hề có người nhà đến thăm lần nào. Chắc má tôi sẽ sung sướng khi thấy tôi được học trong một cái trường to và đẹp nhất nước. Những dãy nhà đồ sộ ba bốn tầng mát mẻ sáng sủa. Cái sân gạch rộng bằng sân đá bóng để học trò chơi trong mát, cái nhà ăn chứa cả nghìn người ăn một lúc, nhà tắm nhà tiêu mọi cái đều sạch sẽ, sáng sủa. Chuông điện reo lên hàng giờ, quần áo chần mừng có người giặt ủi cẩn thận. Tôi sẽ dẫn mẹ tôi đi dạo Sài Gòn cho bà biết chốn phồn hoa. Thành phố “ngựa xe như nước, áo quần như nêm”, suốt ngày đêm sôi trào sức sống của con người. Những chuyến xe lửa đưa nhau rúc còi chuyển bánh đi về khắp nơi trong nước. Những chiếc tàu thủy khổng lồ buông neo ở bến Khánh Hội đợi ngày vượt biển đi bốn phương. Đêm xuân Sài Gòn điện sáng như sao sa. Tôi sẽ dẫn mẹ tôi đi Sở Thú coi các loài hoa thơm thú lạ mà mẹ tôi chưa thấy bao giờ. Tôi cũng sẽ chỉ cho mẹ tôi cách cho ông lão mù hát dạo một xu như tôi đã làm để lão thêm tin tưởng vào tình nhân ái ở cuộc đời này. Tôi sẽ nói với mẹ tôi mọi cái hay cái tốt mà khoa học, văn minh đem đến chứ không phải cầu gì Trời Phật hay Thánh Thần gì cả. Tôi sẽ không đả động gì đến những cái xấu xa, dơ bẩn, bẽ trái của cuộc đời. Tôi sẽ khoe với mẹ rằng tôi là một trong số học sinh giỏi của lớp và hứa với mẹ là sẽ thi đậu tốt nghiệp dễ dàng không cần phải vái ông bà hay hồi lộ ban chấm thi gì cả. Một chuyến đi Sài Gòn thăm con như vậy sẽ làm cho mẹ tôi vui vẻ nhường nào.

Nhưng theo lời thầy Giá thì không biết có phải mẹ tôi đến thăm không? Mà cả ba đứa bị phạt cùng có người nhà đến. Đến làm gì? Chắc là có chuyện lôi

thôi chớ không phải thăm viếng gì đâu. Mẹ tôi mà đến thăm tôi lúc này thiệt rủi cho bà không biết chừng nào. Con trai bà đang bị nhà trường khép vào cái tội mà có lẽ chính bà cũng không hình dung ra được: “Tình nghi có tuyên truyền Cộng sản”. Chắc mẹ tôi sẽ đau khổ khi thấy bao nhiêu hy vọng đặt vào tôi đều tan thành mây khói. Tôi cứ mong chính là anh tôi đến thì hay biết mấy. Vì với anh tôi, tôi sẽ nói thật và anh tôi cũng sẽ không lấy làm lạ, cũng sẽ không buồn.

Chúng tôi chờ mãi tới bốn giờ chiều chủ nhật mới có giấy gọi lên đi gặp người nhà. Giấy không mời lên phòng khách như thường lệ mà mời lên phòng làm việc của Ban giám hiệu. Đúng là có chuyện rồi. Dọc đường chúng tôi gặp cả Giỏi cũng được mời đi gặp người nhà như chúng tôi. Giỏi còn ráng nói đùa cho đỡ lo:

- Chắc bữa nay nhà trường bắt tội mình uống thuốc đắng cho tiết nọc cái bệnh “tuyên truyền” đây. Phải uống cho “dứt căn” mới xong.

Tội tôi cùng cười ồ. Thầy Giá đi xa xa phía trước nghe tội tôi cười liền ngoảnh lại nhìn làm cho câu chuyện chấm dứt ở đó.

Vừa bước vào phòng tôi nhận ngay ra mẹ tôi đang ngồi đó. Vậy là hy vọng người nhà đến thăm là anh tôi đã tiêu tan.

Giám đốc Cót ngồi bật ngửa, đưa bụng ra trên ghế nệm, miệng vừa ngâm ông điều vừa nói:

- Đó các người coi, nhà nước Pháp phải tốn bao nhiêu tiền của để cất trường mướn thầy cho con các người học. Vậy mà còn không biết ơn nước Pháp, còn theo Cộng sản đặng chống lại nước Pháp. Đó là tại các người không biết dạy con. Vậy lần này các người phải đánh dạy chúng nó mỗi đứa năm roi thì quan lớn mới tha. Lần sau còn tái phạm thì quan lớn đuổi và bắt chúng nó bỏ tù còn các người thì phải đền tiền ăn học của chúng nó cho nhà nước, nghe chưa?

Thầy Giá thông ngôn lại lời của Cót cho cha mẹ chúng tôi nghe. Thấy mọi người đều ngơ ngác nhìn, Cót dịu giọng nói tiếp:

- Không, chúng nó chưa phải là Cộng sản đâu, các người đừng sợ. Chúng nó mới bị “tình nghi có tuyên truyền Cộng sản” thôi. Nhưng muốn trừ Cộng sản thì phải trừ từ trong trứng nước. Vì vậy mà quan lớn gọi gấp các người lên để cùng với nhà trường trị tội chúng nó ngay.

Rồi ông ta quay lại bảo thầy Giá lấy bốn cái roi mây dựng hắt ở góc phòng đưa cho cha mẹ chúng tôi mỗi người một chiếc.

Cha của Giỏi, một nông dân vùng Chợ Lớn, ra lệnh cho Giỏi cúi xuống trước nhất. Ông đánh Giỏi túi bụi hàng chục roi mà cũng chưa hả giận. Giỏi vừa la khóc vừa phân trần:

- Không, không phải tôi, tôi không vẽ cái đó, tôi không phải là Cộng sản.

Ông già vừa đánh vừa la, không thèm nghe con:

- Chừa chừa, chừa chừa, hả, hả. Mày muốn giết tao, muốn giết cả nhà hả, hả???

Mãi tới khi Giỏi đau quá phải nói “chừa” ông mới chịu thôi. Giỏi bị trận đòn này chắc phải rêm mình lắm.

Cha của Hưng thì là một công chức, mặc âu phục chỉnh tề, ngồi trên ghế, đánh từng roi một. Sau mỗi roi là ông kể lẽ không biết bao nhiêu tội lỗi của Hưng từ thuở nào tới giờ. Cuối cùng ông kết luận:

- Mày mà bị đuổi khỏi trường, thì lương của tao không đủ trả nợ cho nhà nước, lấy gì mà nuôi em mày, hả?

Tôi và Hón thì có mẹ đến thăm. Mẹ Hón đáng vẻ hiền lành, từ Tân An lên, không hiểu đầu đuôi ra sao. Thấy người ta biểu phải đánh đòn con, lại thấy những người khác cũng đánh con họ thì bà cũng cầm roi đánh năm cái chiếu lệ mà không biết nói gì với con cả. Hón oan ức cũng chỉ biết khóc mà phải dúi quần đứng lên.

Mẹ tôi rung rung nước mắt:

- Con không thương má sao Ngô? Má đã dặn con rồi mà. Má nói ở Sài Gòn là có nhiều cái đó lắm phải cố gắng mà tránh đi, học cho xong đã. Mà mà có bề gì thì tao xấu hổ với bà con hàng xóm, làm sao sống nổi?

Bà biết năm roi đối với tôi đau ăn thua gì nên chỉ muốn đánh sâu vào tình cảm. Thấy bà cứ ngồi khóc mãi, trong khi mấy học trò kia bị đòn sắp xong tôi nói khẽ với mẹ:

- Má đừng lo, anh em con đông lắm, không sao đâu. Má cứ đánh cho nó xong đi, không mấy thằng Tây nó để ý.

Mẹ tôi đánh năm roi. Tôi giả đồ như đau lắm nhắm mắt suốt soa, ôm hông đứng dậy.

Chiếc đồng hồ treo trên tường vừa đổ năm tiếng chuông kết thúc vở bi hài kịch. Ông Cót đã chống ba ton đi ra khỏi phòng. Thầy Giá cũng vừa đi vừa nói:

- Cho các trò năm phút nói chuyện với cha mẹ rồi trở về nhanh chuẩn bị ăn cơm chiều, không được trễ.

Năm phút thì nói được chuyện gì nữa. Cha mẹ chúng tôi chỉ kịp trao quà bánh cho con, an ủi vài câu rồi khăn gói ra về. Mẹ tôi cho tôi năm trái bưởi:

- Bưởi thanh của anh mày trồng mới có trái hàm niên đó. Cho anh em mày nó ăn với cho nó biết bưởi Biên Hòa.

Mẹ tôi sắp bước ra, tôi bỗng sực nhớ tới ông già mù hát dạo. Tôi liền nói nhỏ với mẹ tôi:

- Má ơi, con có chuyện này quan trọng lắm, má phải làm giùm con mới được. Đêm rồi con nằm chiêm bao thấy một ông thần nghĩa quân râu đỏ, tóc đỏ, chân mày đỏ, cầm một cây đao to. Ông bảo con: “Ngày mai mày phải đến cho ông già đui hát dạo râu trắng, tóc trắng ngồi gần cửa chính của Sở Thú một đồng xu. Phải đưa tận tay chớ đừng quăng xuống đó. Xong rồi thì

làm thỉnh đi về, thì tao sẽ phù hộ cho mày tai qua nạn khỏi”. Nói rồi ông biến mất. Con giật mình thức dậy. Nhưng cả ngày hôm nay con không được ra khỏi trường. May quá có má đến. Vậy giờ má ra đi xe kéo, phải đi xe kéo mới kịp ra cửa chính Sở Thú, tìm ông già đui hát dạo như ông thần đã chỉ rồi đưa tận tay ông ta một đồng xu nhen má. Thôi má đi mau kéo trẻ. Nếu kiếm không gặp thì má cũng đừng buồn, chắc ông thần cũng hiểu tại tụi Tây chớ không phải tại má con mình đâu, rồi bữa khác con sẽ ra tìm. Thôi má đi cho mau đi.

Mẹ tôi lật đật xách nón, xách giỏ đi ra khỏi cổng trường. Tôi đứng nhìn theo mà thương mẹ quá, bây giờ nước mắt mới rung rung.

Huỳnh Văn Nghệ

Quê hương rừng thẳm sông dài

Chương 4

TÔI vào nhà thương Chợ Rẫy được hai hôm thì muốn bỏ nhà thương mà trở về trường cho rồi. Buồn ghê quá. Xung quanh toàn là những con bệnh nặng. Họ rên la suốt ngày suốt đêm như muốn làm cho người khác cũng phải chán đời theo căn bệnh của họ. Đây là khoa Tai Mũi Họng của nhà thương này. Tất cả gom lại chừng độ ba chục cái giường sắt kê sát sao nhau như cá mòi xếp trong hộp. Mỗi lần muốn lên giường thì phải đi ngang như cua mới lên được. Nằm trên giường có thể nghe được nhịp thở của hai người nằm hai giường bên. Già, trẻ, trai gái đều nằm chung đấy cả. Ai cần thay quần áo thì

đội ban đêm hay phải đi vào cầu tiêu mà thay. Bệnh này nằm xen lẫn với bệnh khác. Người sắp chết có thể nằm gần một người sắp khỏi. Tôi bị viêm xương mũi, được xếp nằm gần một anh bị mắc xương cá và một chị bị thối tai. Anh bị mắc xương cá tên là Chúc, nghe nói là con một công chức cao cấp nào đó ở Sài Gòn, không hiểu sao không vô nhà thương khác mà lại vô đây. Anh hơn tôi chừng 5 tuổi nhưng to béo hơn nhiều. Lúc tôi chưa vào anh phải kéo sát giường tôi vào giường anh mới đủ chỗ cho anh. Vì vậy khi người ta xếp tôi nằm gần là anh khó chịu lắm. Lúc nào anh cũng gởi qua giường tôi khi thì cánh tay, khi thì cái chân. Thậm chí khi ngủ anh có thể “để quên” chân trên bụng tôi mà vẫn ngủ ngon lành. Nhưng tôi ghét Chúc nhất là anh rên la to quá. Lúc đau anh có thể rống lên át hết mọi tiếng rên la khác ở trong phòng. Lúc nào suy nghĩ quá, sợ chết, anh lại khóc thút thít như một đứa trẻ lên ba.

Bệnh nhân bị thối tai là một chị phụ nữ tên là Quyên. Chị hiền như cục đất, trông vẻ thật thà, chất phác, dễ thương. Nghe nói mấy ngày trước chị hay bị anh Chúc la ó, dọa nạt. Anh ta nói mùi thối tai của chị làm anh ta ghê tởm. Thấy tôi vào nằm ở giữa, chị tỏ vẻ vui mừng như có được tấm bình phong che chở vậy. Còn tôi thì phải chịu hai cái bệnh của hai người thật là khó chịu quá. Nhưng biết làm sao được, đã vào đến đây coi như gởi số mạng mình cho nhà thương rồi. Mỗi ngày hai bữa cơm như cơm tù, một lần làm thuốc qua loa. Rồi thì mặc cho con bệnh “sống” được bằng cách nào thì sống. Nhà xác cách khoa Tai Mũi Họng này không xa. Chỉ ngăn bởi một bức tường và một cái cửa luôn luôn đóng kín. Bởi vậy bệnh nhân nào nghèo qua đó cũng dễ, khỏi tốn tiền xe. Bệnh nhân giàu, có tiền thì không nằm ở đây. Chỗ của họ trả tiền có phòng riêng tiện nghi đầy đủ, ăn uống thuốc men và cả sự chăm sóc cũng thừa thãi. Ở chỗ đó đúng nghĩa “nhà thương” chứ còn chỗ tôi nằm thì coi bộ giống “nhà ghét” hơn. Vậy mà số người tới nhà thương ngày

nào cũng đông như người đi chợ. Người ta chờ đợi được vô khám bệnh trước cổng mỗi sáng đông như đi biểu tình. Ở Sài Gòn mà nhà thương và trường học cũng không đủ lo cho dân, nói chi đến người dân quê. Ở quê mà bệnh thì ít có dịp nào lên tới nhà thương lắm. Bệnh nặng lắm, phải có tiền mới dám đưa đi. Đôi khi đưa chưa tới nhà thương tỉnh thì người bệnh đã chết rồi.

Riêng khoa Tai Mũi Họng mỗi ngày có đến ba bốn chục người đến khám bệnh. Bác sĩ Trí phụ trách khoa này cũng chỉ khám qua loa hàng loạt rồi ghi toa cho mỗi người là cũng đủ hết giờ làm việc rồi. Ông ta còn phải dành thời gian làm việc ở phòng khám riêng, ở đó mới chính là chỗ làm việc của ông, nơi ông tìm mọi cách “cắt cổ”, “mổ bụng” những người không thèm đến nhà thương vì chê dơ bẩn hay những kẻ khốn nạn bệnh nặng đã bị nhà thương từ chối cứu chữa.

Tôi đang suy nghĩ làm sao có thể thoát khỏi cảnh khó chịu trong nhà thương này mà vẫn có thể được chữa bệnh. Hay là xin bác sĩ cho uống thuốc thôi để về trường ở. Nhưng sang này thứ tư có một việc làm tôi từ bỏ ý định ấy. Đó là sự xuất hiện của chị Phụng, là một cô gái khoảng chừng mười chín hai mươi, có cùng một bệnh với tôi, được đưa đến phòng này điều trị. Điều đáng để ý là cô gái này mới vào nằm nhưng có rất nhiều người bạn đến thăm. Hết người này đến người khác lần lượt đến chuyện trò, chăm nom săn sóc chị. Lúc mới tới chị chỉ mặc một bộ đồ bà ba đen và có một cái khăn rằn mang theo vừa để quàng vừa làm khăn lau mặt. Sau có một ngày mà chị có đầy đủ hết các vật dụng cá nhân, chưa kể đến bánh trái do những người bạn mang tới cho. Chắc hẳn chị là người nghèo mới nằm chữa bệnh ở đây. Nhưng sao chị được nhiều người chăm sóc vậy. Trong số người đến thăm chị có rất nhiều thanh niên mà đối với người nào chị cũng thân mật, ân cần, niềm nở. Qua các câu chuyện nghe được tôi biết chị vừa mới ở tù ra và điều này kích

thích tôi mạnh mẽ. Một người con gái hiền lành, ốm yếu, lại đoan trang như thế thì mắc tội gì mà lại bị tù. Tôi không tin lắm nhưng sự thật này do chính những người con trai đến thăm chị nói chuyện với nhau mà tôi nghe lỏm được. Vậy thì... hay là chị tham gia “hội kín” nào chăng? Nảy ra suy nghĩ này, tôi bán tín bán nghi. Xưa nay tôi vẫn nghĩ đàn bà con gái như mẹ tôi, chị tôi hay như những người khác thì làm gì làm nổi những việc lớn; mà chắc có muốn cũng không dám tham gia vô hội kín đâu. Hay là chị Phụng là con gái của một người Cộng sản nào đó, không bắt bỏ tù được cha thì bắt con ở thế. Nhưng nếu vậy thì làm sao chị lại có nhiều bạn bè thế? Cách quan tâm của bạn bè chị làm tôi thấy giống những người đồng hội, đồng thuyền. Có lúc tôi muốn làm quen và hỏi thẳng chị Phụng nhưng lại không dám. Khổ nỗi tôi không biết bắt đầu làm quen như thế nào. Xưa nay tôi vốn ít quan hệ với phụ nữ. Nay đối với Lan, người con gái học chung trường cũ mà tôi bắt đầu yêu tha thiết, tôi cũng chỉ dám viết thư nói chuyện vu vơ, chứ gặp mặt chắc là lúng túng lắm. Tôi đâm ra muốn nán lại chữa bệnh ở đây để tìm hiểu sự thật chị Phụng là ai? May ra kỳ này tôi toại nguyện, tìm gặp được Cộng sản.

Một buổi sáng, theo thông lệ chúng tôi đang đứng trước phòng khám cho bệnh nhân nội trú để chờ khám bệnh. Bữa nay không phải ông bác sĩ Trí mà là một ông khác. Đó là bác sĩ Nhân, ông này thường khám thay mỗi khi bác sĩ Trí đi vắng hay bận việc. Anh Chúc to con chen lấn định vô khám trước thì ông bác sĩ bảo:

- Anh chờ chút nữa tôi coi cho, để tôi khám cho “em gái Cộng sản” trước.

Nói rồi ông gọi to:

- “Em gái Cộng sản” đâu?

Mọi người còn đang ngơ ngác thì tôi thấy chị Phụng từ từ đi tới trước mặt bác sĩ. Ông Nhân ngó chị một chút rồi nói:

- Mời vào!

Tôi cảm thấy mình sượng run lên. Vậy là đúng rồi. Chị Phụng đúng là Cộng sản rồi. Nhưng tôi hơi thất vọng. Người Cộng sản này không giống như tôi vẫn tưởng tượng. Tôi cứ nghĩ Cộng sản phải là một thanh niên vạm vỡ, lại mang vẻ bí mật như các nhân vật trong tiểu thuyết trinh thám chứ. Ở đây cô gái ốm yếu bệnh tật này “đuối rồi không đặng” thì đánh Tây sao được?

Nhưng đúng là chị đã nhận mình là “em gái Cộng sản” mà. Nếu không sao ông bác sĩ kêu như vậy chị lại bước tới. Tự nhiên tôi muốn được làm ông bác sĩ, cầm cây đèn soi rọi vào mũi vào miệng chị để nhìn kỹ hơn, biết đâu bên trong chị có gì khác người chăng?

Nhưng nỗi vui mừng vẫn át hết mọi băn khoăn của tôi. Vậy là bao lâu tìm kiếm tưởng vô vọng nay tôi sắp gặp được Cộng sản rồi. Mấy ngày trước tôi chán nhà thương này và oán ghét bệnh tình của mình bao nhiêu thì bây giờ tôi lại thấy yêu thích nhà thương và muốn cho bệnh mình lâu lâu mới hết. Tôi sẽ tìm dịp làm quen với chị Phụng và nhất định sẽ xin vào Đảng. Hôm ấy tôi nói với bác sĩ Nhân:

- Bệnh của tôi chắc bị trở nặng rồi. Đêm rồi tôi ngủ không được, nhức đầu quá. Sáng ra hỉ mũi thấy chảy đầy máu.

Bác sĩ mang đèn soi đi soi lại mãi, rồi nói:

- Xương mũi của anh sắp lành rồi. Chừng vài hôm nữa là anh về được thôi. Còn bệnh nhức đầu thì tôi không trị được. Nếu cần tôi giới thiệu anh qua khoa khác.

Tôi vội vàng từ chối:

- Dạ thôi, tôi xin trị cho thiệt hết bệnh viêm xương mũi rồi xin về trường học. Còn bệnh nhức đầu - tôi hơi lúng túng - có lẽ cũng chưa nặng lắm. Chắc để thi xong tôi về nhà uống thuốc nam cũng được. Nhưng xin bác sĩ để chờ cái xương mũi của tôi thiệt lành hãy cho về. Sợ tới lúc thi mà bệnh tình

rescute [1] thì xui xẻo cho tôi lắm.

- Nhiều lắm thì trong vòng một tuần nữa là cùng. Khi đó là anh lành hẳn đó. Cứ yên tâm.

Một tuần nữa, chắc cũng đủ nữa để tôi thực hiện ước mong “nói chuyện được với Cộng sản” để xin vào Đảng. Nhưng rồi đã hai ngày qua mà tôi chưa có cách nào nói chuyện được với chị Phụng. Thấy lúc nào chị cũng mắc một chuyện gì đó: làm thuốc, ăn uống, nói chuyện với người nằm bên. Sau giờ cơm chiều bệnh nhân được đi dạo trong vườn của nhà thương.

Nhưng chiều nào chị cũng có khách tới thăm đến tận giờ ngủ mới về.

Nguy quá! Nếu cả tuần lễ cũng trôi qua như thế này thì không biết bao giờ tôi mới có dịp gặp Đảng. Từ hôm chị Phụng được bác sĩ Nhân kêu là “em gái Cộng sản” một cách nửa đùa nửa thật, trong phòng này người ta luôn để ý đến chị và hay xầm xì bàn tán về Cộng sản. Ngay tới chị Quyên đau tai nằm bên tôi, hiền lành chất phác vậy mà một buổi trưa cũng khều khều tôi mà hỏi:

- Anh có biết làm Cộng sản là làm gì không anh?

Bị hỏi bất ngờ, tôi rất lúng túng. Nhưng muốn tỏ ra cho chị thấy là tôi không đến nỗi dốt, nên tôi lên giọng nói đại:

- Ờ ờ... làm Cộng sản là đánh lại Tây với tội nhà giàu hiếp đáp dân nghèo.

Đuổi được tội Tây rồi là dân mình hết khổ, hết nhục. Nhưng vì vậy mà Tây ghét mấy người làm Cộng sản lắm nên tìm bắt bỏ tù như chị Phụng vậy.

Nghe tôi lên giọng dạy đời, anh Chúc hình như không thể chịu nổi bèn lên tiếng. Anh cố tình nói lớn cho mọi người xung quanh cùng nghe:

- Vua quan mình ngày xưa binh hùng tướng mạnh như vậy mà còn phải chịu thua Tây. Mấy ông Đề Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học còn không làm gì nổi nước Đại Pháp thì Cộng sản mà làm gì được. Ôi! Xi. Biết đâu Cộng sản cũng chỉ là mấy người làm biếng làm nhác, không lo làm ăn, chỉ

muốn giựt tiền, giựt nhà, giựt ruộng đất của người giàu sang để chia nhau mà hưởng. Không phải Tây không mà người mình, những người giàu sang, đảng hoàng cũng ghét Cộng sản như ghét ăn cướp vậy.

- Vậy thầy có giàu không mà thầy ghét Cộng sản dữ vậy? - Tôi quay qua hỏi Chúc - Hay là thầy bị Tây nó lừa rồi. Theo tôi xưa nay mình không đuổi được Tây là vì không có ai giúp sức. Nước mình nhỏ, thằng Tây ỷ lớn đến chiếm nước mình. Bây giờ Cộng sản có nước Nga Cộng sản bênh vực giúp đỡ không để cho nước lớn ăn hiếp nước nhỏ nữa. Tây ghét rồi nói xấu Cộng sản mà mình nghe nó thì chỉ còn cách làm mướn cho nó suốt đời.

Mấy câu sau cùng tôi cố ý nói to để cho chị Phụng nằm cách tôi cả mấy giường cũng nghe thấy.

Thấy chúng tôi to tiếng với nhau vì một câu hỏi của mình, chị Quyên đâm lo sợ, quay mặt đi nằm im thín thít.

Anh Chúc không chịu thua tôi, còn cố cãi.

- Làm mướn cho một nhà nước Đại Pháp văn minh nhất thế giới với làm Cộng sản để bị tù bị biết thì cái nào hơn?

Nghe tới đây tôi không chịu nổi nữa, đang nằm tôi ngồi bật dậy như một cái lò xo. Tôi tính vung tay đâm vào mặt Chúc mấy cái cho bõ ghét. Không ngờ nhanh như chớp, Chúc đã lăn xuống khỏi giường đứng thủ thế.

- Mày tính làm gì tao hả thằng học trò Cộng sản kia?

Chúc vừa nói vừa thở hổn hển.

- Tao đánh chết cha mày chớ làm gì? Đồ hèn, đồ phản quốc?

Tôi nhào tới định nhảy xổ vào Chúc thì chị Quyên ở giường bên đã nhanh tay níu tôi lại. Cả phòng bệnh nhao nhao lên:

- Sao vậy? Gì vậy? Đánh nhau hả?

- Muốn đánh nhau thì ra sân mà đánh, để cho người ta ngủ trưa chớ!

Một ông già nằm gần giường chị Phụng mà chúng tôi thường kêu là ông Ba

Già lên tiếng:

- Mấy chú không biết thì đừng cãi nhau rồi sinh sự vô ích. Tại sao không hỏi cô Phụng đây, cô là Cộng sản có bằng cấp rồi đây nè.

Bị lôi vào chuyện một cách bất ngờ, chị Phụng vẫn nằm trên giường như người sắp ngủ, chị nói từ tốn:

- Làm Cộng sản nghĩa là chống lại mọi sự bất công áp bức, bóc lột bất kỳ từ đâu đến để xây dựng một xã hội không có người này ăn hiếp người kia, một thế giới không có nước này ăn hiếp nước nọ, như một cái thiên đường vậy.

Vì vậy mà những người nghèo khổ đều muốn làm Cộng sản. Khi đã làm Cộng sản, người ta không sợ tù, sợ chết nữa.

Chị bỗng ngồi dậy, nhìn thẳng về phía chúng tôi mà nói tiếp:

- Bà con cô bác nghĩ coi, đã bảy chục năm nay người Pháp chiếm nước mình, coi dân mình là nô lệ, chà đạp lên non sông, khinh rẻ nòi giống mình. Người Pháp nói họ văn minh, nhận họ có thương dân mình mà cho mình văn minh không, hay cứ muốn đứng trên đầu trên cổ người Việt mình để dễ bề bóc lột, áp bức. Bao nhiêu lần các phong trào yêu nước nổi lên đều bị dập tắt. Nhưng chúng không thể dập tắt được lòng yêu nước của người mình. Sứ mạng của Cộng sản nước mình là “phản đế phản phong” nghĩa là làm cho dân mình thoát khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp và không bị bọn vua quan, nhà giàu áp bức nữa. Đảng Cộng sản không giống các đảng khác là đảng của những người nghèo khổ. Đảng quyết sống chết cho người nghèo khổ, người vô sản. Thực dân phong kiến càng áp bức, càng bóc lột thì người nghèo khổ, người vô sản càng ngày càng đông và ngày càng căm thù áp bức. Đảng Cộng sản vì thế mà sẽ ngày càng lớn mạnh. Sẽ đến lúc đầy đủ sức mạnh để lật đổ chúng nó xuống. Đó là chuyện không thể tránh khỏi. Đảng Cộng sản của mình lại có các đảng Cộng sản ở nước khác, người vô sản ở nơi khác giúp đỡ nên nhất định sẽ làm cách mạng thành công.

Chị Phụng còn muốn nói thêm nữa. Nhưng ông Ba Già bỗng nói nhỏ điều gì với chị. Tôi thấy chị gật đầu, rồi ngó ra sân; chị vừa đổi giọng vừa nằm xuống giường:

- Nhưng bây giờ là giờ ngủ rồi, các anh cãi với nhau làm gì. Có gì không hiểu thì thùng thảng tìm hiểu đã. Sau này tranh luận coi ai đúng ai sai thì hay hơn.

Anh y tá trực bước vào phòng chỉ còn nghe thấy mấy lời sau cùng đó của chị. Đứng nhìn khắp phòng chỉ thấy có tôi là còn ngồi ngay như tượng Phật còn thì ai nấy đều nằm im trên giường, anh bước đến gần tôi:

- Anh chưa ngủ hả?

Tôi giật mình vừa sửa gối nằm xuống vừa lúng túng trả lời:

- Thưa thầy... tôi không sao cả, chỉ hơi nghệt mũi, ngồi lên thấy dễ thở hơn.

Anh ta sắp qua đi thì Chúc đã mở miệng nói:

- Không phải nó nghệt mũi đâu, nó khùng rồi đó. Nó tính tuyên truyền Cộng sản mà tôi không cho, nó đòi đánh chết cha tôi đó, có bà con ở đây làm chứng nè.

Tôi tức giận đến mức không còn muốn đánh chính gì hết, mà chỉ muốn đánh cho nó một trận cho chừa thói hèn nhát và vu cáo đi. Anh y tá nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên. Thấy tôi làm thinh, tưởng tôi nhận lỗi rồi, anh ta nói:

- Đây là nhà thương, anh vào đây để trị bệnh chứ đâu phải đi làm quốc sự và đi đánh lộn đâu? Nếu anh còn như vậy làm phá trật tự ở đây thì nhà thương không chứa nổi anh nữa đâu. Người ta “làm Cộng sản có bằng cấp” như chị Phụng kia mà còn không tuyên truyền Cộng sản, anh là học trò mà tuyên truyền cái gì?

Có tiếng cười khúc khích trong phòng. Chị Quyên cũng không nhịn được cười. Chị nói với anh y tá:

- Thầy nói đúng đó - Chị cố ý nói to cho nhiều người cùng nghe. - Anh Ngô

này có tuyên truyền gì đâu, ảnh sợ thi rớt nên ôn bài. Anh Chúc ngủ không được thì đôi đánh anh Ngộ trước chớ anh Ngộ nhỏ con hơn mà dám gây sự với anh Chúc hồi nào. Tôi làm chứng cho anh Ngộ đó.

Thật tôi không ngờ một người chất phác như chị Quyên mà lúc này lại kiểng ra lời đối đáp như vậy được. Tôi quay lại ngó chị một cách biết ơn trong lúc Chúc thì lồng lộn lên như vừa bị thọc một dao vào hông. Nó ngồi xồm dậy trên giường la lên:

- Trời đất quỷ thần ơi! Tôi bệnh sắp chết như vậy làm sao đi gây sự, đi đánh người ta. Hai tuần lễ nằm đây rồi mà có cái xương cá không gỡ ra được, toàn là uống sữa với nước cháo thì sức đâu mà đánh người hả. Nói ngược vậy mà sao không bị súng hầu sung họng cho tôi làm phước.

Cả phòng cười ô lên làm cho Chúc càng bức tức. Không biết làm gì, hai tay ôm cổ ho sù sụ như để chứng minh rằng anh ta đang bệnh nặng lắm. Anh y tá nhìn khắp một lượt trong phòng như muốn tìm kiếm một người làm chứng nữa. Ông Ba Già nằm gần chị Phụng tận đầu phòng kia hiểu ý, nói một cách thông thả:

- Tôi thấy thầy Chúc đứng dậy cung tay trước, vậy mà khi có người của nhà thương thầy lại ý thể cậy thần vu cáo cho chú em kia là gây sự. Như vậy là không tốt. May thầy y tá đây là người biết điều, còn nghe bà con phân trần phải trái, chứ nếu gặp Tây hay người nào khác thì thế nào chú em kia cũng bị đủ điều khó dễ cho coi.

Anh y tá bỏ ra khỏi phòng mặc cho Chúc âm ức ôm cổ rên hừ hừ. Tôi nghe mát ruột như vừa uống một trái dừa xiêm vậy.

Bài diễn thuyết ngắn ngủi của chị Phụng làm cho tôi không sao ngủ được. Chị nói hay quá. Tôi đã ngồi nghe như người mộ đạo mê kinh. Chị Phụng và ngay cả chị Quyên nữa đã chữa cho tôi hết bệnh coi thường phụ nữ rồi. Đàn ông con trai như thằng Tạo, thằng Phước hay anh Chúc đây thì cũng chỉ là

kẻ hèn nhát. Máu của Trung Trắc, Trung Nhị vẫn còn đang chảy trong chị Phụng, chị Quyên, trong bao người phụ nữ khác. Lần đầu tiên nghe nói về Cộng sản tôi thấy ngọt tai và lòng mát như đang đi đường trưa nắng được vào bóng mát uống nước suối trong. Nhưng ngòi nhớ lại từng lời từng chữ không phải là dễ. Nào là “vô sản”, nào là “thực dân”, nào “phản đế phản phong”. Vậy là khi nghe tôi đã “nuốt chửng” luôn mấy tiếng đó mà vẫn cảm thấy thấm thía thế nào là Cộng sản. Nghĩ lại mới thấy là không đơn giản như mình hiểu: Cộng sản là đánh Tây. Tôi càng muốn được gặp riêng chị Phụng để xin vào Đảng.

Tôi có ý định dù chiều nay chị Phụng có khách tôi cũng xin nói chuyện riêng với chị. May sao, cơm chiều xong chưa thấy ai tới thăm, chị Phụng bước ra vườn đi dạo vài ba vòng rồi đến ngồi một mình trên chiếc băng gỗ. Không dễ lữ địp may, tôi bước vội đến, ngồi xuống bên chị. Vừa ngồi xuống băng là tôi nghe lòng can đảm của mình bỗng tan biến đâu hết rồi. Nói hay không? Bắt đầu thế nào đây? Nếu chị không nhận lời thì sao. Chưa xin thì còn hy vọng xin mà không được thì thất vọng chết mất còn gì. Những ý nghĩ ấy cứ lẩn quẩn trong đầu tôi. Tay tôi cứ lượm từng hòn sỏi trên sân lên rồi lại ném xuống. Đầu tôi hết ngẩng lên lại cúi xuống với bao nhiêu bản khoăn do dự. Bỗng nhiên tôi nghe chị Phụng hỏi:

- Anh đã giảng hòa với anh Chúc chưa?

Tôi như thoát ra khỏi sự lúng túng, ngẩng đầu dậy nhìn chị Phụng, cặp mắt chị nhìn thẳng vào tôi lên từ giống như mắt chị Sáu tôi vậy. Qua cách nhìn và câu hỏi của chị, tôi chắc rằng chị trách tôi sao gây sự với Chúc một cách vô ích như vậy. Tôi không trả lời ngay vào câu hỏi ấy vì sợ mất thì giờ. Tôi sợ chưa kịp nói nguyện vọng của mình mà có ai đến thăm chị thì mất dịp may này. Tôi nói thẳng luôn:

- Chị ơi, cho tôi vào đảng Cộng sản với, nhen chị.

Tim đập thành thịch, tôi chờ đợi câu trả lời của chị Phụng. Một phút im lặng đến nghẹt thở. Tôi ngạc nhiên chị Phụng vẫn nhìn tôi mà mỉm cười. Tôi bắt đầu hối hận vì lời yêu cầu đột ngột của mình. Tại sao tôi lại không biết đặt vấn đề một cách khéo léo hơn? Bắt đầu theo kiểu “vòng vo tam quốc”, hay bắt đầu từ chuyện anh Chúc cũng được vậy. Tôi đã nóng nảy quá hóa ra vụng về. Bây giờ thì chỉ còn chờ chị lắc đầu hay gật đầu nữa là xong. Sao bây giờ tôi bỗng sợ chị trả lời dứt khoát quá. Tôi lại muốn kéo dài hơn thời gian hy vọng khi sắp tới gần sự thật rồi. Dường như cũng hiểu được tâm lý kỳ quặc đó của tôi, chị Phụng không trả lời ngay mà nói sang chuyện khác.

- Anh sắp thi ra trường phải không? Đau bệnh như thế này thì học hành gì được mà thi. Thi rớt hay thi đậu lúc này cũng không dễ gì tìm được việc làm đâu. Anh định sẽ làm gì?

- Làm Cộng sản - Tôi lại vọt miệng nói. Nói xong tôi mỉm cười nhìn chị Phụng - Ở trong trường tôi cũng có Cộng sản nhưng không biết là ai. Tụi tôi chỉ được xem một dấu hiệu búa liềm trên cánh cửa. Có coi thôi mà một anh học sinh bị đuổi học, còn thêm bốn đứa khác bị phạt nhốt một tháng trong trường lại thêm bị đòn nữa.

Nói đến đây như có đà, tôi kể hết cho chị Phụng nghe hết cả mọi chuyện trong trường từ ngày tôi vào học đến nay. Chuyện các giáo sư, các thầy giám thị, chuyện Ban giám đốc, chuyện học trò trong trường. Tôi ghét ai, tôi thương ai, tại sao mà thương tại sao mà ghét. Hết chuyện trong trường, tôi nói đến chuyện gia đình, đến cha tôi, đến mẹ tôi, đến chị và em tôi. Chuyện anh tôi đang mong mỏi được gặp Đảng. Thấy chị chăm chú nghe tôi kể luôn về quê tôi. Tôi đã kể từng khúc sông, dòng suối, từng cánh rừng, từng miếng ruộng. Tôi kể lịch sử của từng cái miếu, cái đình. Tôi kể cả chuyện cha tôi và bao người mưu đồ tập võ để cứu nước mà cuối cùng thất bại, bị cầm đoán, lại còn thêm hậu quả du côn, trộm cướp nữa.

Từ nhỏ đến giờ chưa bao giờ tôi nói nhiều như tối hôm ấy, cũng chưa thấy ai chịu khó nghe tôi nói như chị Phụng. Đèn điện đã sáng trưng từ lúc nào, sương đêm bắt đầu rơi. Trong vườn cũng đã vắng người mà tôi còn biết bao nhiêu chuyện muốn kể cho chị Phụng nghe. Nếu kẻo báo giờ ngủ không vang lên thì có lẽ tôi còn kể cho chị nghe cả những chuyện về thời thơ ấu của tôi, chuyện tôi đi học ở trường Mỹ Lộc, cả chuyện tôi đã bắt đầu yêu Lan, người bạn gái có cặp mắt buồn buồn của tôi. Đứng lên để đi về phòng, chị Phụng còn dặn tôi:

- Nhưng anh nhớ tìm cách giảng hòa với anh Chúc sớm đi là tốt hơn. Không nên gây sự với người ta làm gì. Còn biết bao nhiêu người chưa hiểu “chủ nghĩa Cộng sản”, nếu cứ gây sự với những người ấy thì chỉ gây thù gây oán chứ không làm Cộng sản được đâu.

*

Suốt ba buổi tôi liền như vậy. Lần nào bước tới ngồi gần chị Phụng ngoài vườn hoa của nhà thương, câu mở đầu của tôi cũng vẫn là:

- Chị ơi, cho tôi vào đảng Cộng sản với, nhen chị.

Nhưng chưa lần nào chị Phụng trả lời ngay vào câu hỏi của tôi. Lần nào chị cũng cười rồi nói sang chuyện khác, cố giải thích cho tôi hiểu Cộng sản là gì. Tôi bắt đầu hiểu lảng máng thế nào là giai cấp, đấu tranh giai cấp, về giai cấp công nhân trong “trận cuối cùng”. Chị nói với tôi về nước Pháp, về chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, về đảng Cộng sản Pháp là bạn của người Việt Nam mình. Tôi bắt đầu hiểu ra, rằng không phải mọi người Pháp đều là kẻ thù của dân mình và ở đất nước “tự do bình đẳng bác ái” đó cũng có áp bức, bóc lột, cũng phải đấu tranh chống cường quyền bạo lực như ở đây. Tôi hỏi chị những từ khó hiểu mà tôi mới được nghe đến lần đầu hôm xảy ra vụ cãi nhau giữa tôi và anh Chúc, như “phản đế phản phong”, “vô sản” hay những câu hỏi khó hiểu mà chị mới nói như: “cách mạng dân tộc dân chủ”,

v.v... Cũng có nhiều điều tôi hỏi mà chị Phụng không giải thích được hết, hoặc tôi nghe cũng không hiểu được rõ ràng. Nhưng tôi thích nhất là lúc chị nói đến Các Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin và ca ngợi các ông như những vị Thánh, vị cứu tinh của nhân loại. Nhưng chị lại nói làm Cộng sản, giải phóng dân tộc là làm đồng chí với các ông Các Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin ấy. “Trời ơi, sướng quá, làm Cộng sản đánh Tây cứu nước đã sướng rồi, lại còn được làm đồng chí với cả những vị Thánh ấy nữa”. Đêm tôi cứ thao thức trằn trọc, mơ tưởng đến cái xã hội không còn người bóc lột người mà chị Phụng thường nói là mục đích của chủ nghĩa Cộng sản.

Càng nghe chị nói, tôi càng muốn được là Cộng sản. Theo tôi là cứ xin được vào Đảng rồi sẽ tìm hiểu thêm sau vì cũng có nhiều điều tôi thấy rắc rối chưa hiểu hết. Chớ mà cứ ở ngoài Đảng như tôi bây nay thì có hiểu được gì đâu. Nhưng đã mấy ngày rồi mà chị Phụng cũng không nói gì đến chuyện tôi có được vào Đảng hay không cả. Lần nào nghe keng báo giờ ngủ, chị cũng nói với tôi:

- Thôi, ngày mai sẽ nói tiếp. Anh nhớ giảng hòa với anh Chúc đi nghen. Tôi thấy trong vụ này anh cần phải nhận lỗi trước đó.

Tôi bắt đầu bực mình mỗi khi nghe câu nói ấy. Không hiểu sao chị Phụng lại để ý đến câu chuyện quá nhỏ nhặt như vậy. Cái xương mũi của tôi đang lành bệnh một cách đáng sợ. Tôi sắp phải rời nhà thương nay mai, mà việc quan trọng nhất đối với tôi chưa giải quyết được, vậy mà còn phải lo xin lỗi một người mà tôi cho là hèn nhát, đánh khinh bỉ. Nhưng nghe lời chị Phụng tôi cũng tìm cách “làm lành” với anh Chúc từ hai hôm nay. Tôi giành với chị Quyên để đi lấy cơm, máy nước hay rửa chén cho anh ta. Một đêm, thấy nó kêu đau âm ỉ, tôi chạy đi gọi y tá trực đến chăm sóc, tiêm thuốc cho. Vậy mà đối với tôi, anh ta vẫn “mặt lạnh như tiền”, có lúc còn nhìn tôi một cách hiềm thù, bực tức. Mở miệng làm thân xin lỗi anh ta quả thực là một chuyện

khó khăn vô cùng đối với tôi.

Sáng hôm đó, sau khi khám bệnh, bác sĩ Trí tuyên bố cho tôi được về vì bệnh tôi đã lành hẳn. Không còn cách nào để xin ở lại thêm nữa, tôi đành phải im lặng lén nhìn chị Phụng với vẻ trách móc và luyến tiếc, tôi đâm ra ân hận vì mấy ngày qua mãi mê nghe chị nói mà không đốc thúc chị trả lời thẳng vào yêu cầu của tôi. Bây giờ đã quá trễ rồi. Nội trong ngày hôm nay tôi phải quay về trường làm sao gặp được chị lần cuối cùng được.

Tôi giả đồ đi xin địa chỉ một số người để biết địa chỉ của chị Phụng mong tới đó kiếm chị sau này. Nhưng chị nói:

- Tôi mới ở tù ra, còn chưa biết khi lành bệnh sẽ đi đâu. Nhưng thôi, tôi biết địa chỉ của anh rồi, khi nào có địa chỉ ổn định tôi sẽ viết thư báo cho anh biết, nếu cần.

Nghe chị nói vậy, tôi thất vọng quá, tự trách mình sao mấy bữa nay không hỏi thăm chị trước mà chỉ lo nói về mình. Vậy là hy vọng được thành đảng viên của tôi còn mong manh quá. Vậy mà tôi cứ tưởng đơn giản là mình xin vô là được trả lời ngay là có được hay không. Phải mà được đồng ý, tôi sẽ trở về trường với một cái “bằng cấp” bí mật là đảng viên Cộng sản. Còn giá trị gấp mấy lần cái bằng Thành Chung mà chưa chắc gì tôi đạt được trong kỳ thi sắp tới. Tôi sẽ viết thư cho anh Năm tôi để ảnh mừng. Tôi sẽ vô Sở Thú kiếm ông già mù mà nói nhỏ với ông lão là: “Tôi là Cộng sản, tôi sẽ mang lại đời sống ấm no cho mọi người nghèo khổ”. Rồi tôi sẽ làm thơ, viết bài ca cho ông lão ca thay vào những tích xưa như “Lục Vân Tiên” hay “Thạch Sanh chém chằn” mà ông vẫn hát mỗi ngày. Những ao ước ấy giờ, tan như bong bóng xà phòng. Tôi buồn quá.

Ăn cơm trưa xong tôi đang chuẩn bị thu xếp quần áo, đồ đạc để về trường thì bỗng thấy anh Sáu tôi tới. Anh tên là Chon, là chồng chị Sáu tôi. Anh là một trong những học trò giỏi của tía tôi ngày xưa được mẹ tôi nhận về làm rể.

Anh làm nghề đánh xe ngựa trong tỉnh Biên Hòa. Anh đã ở với chị tôi được hai năm, có được một đứa con trai. Ban đầu tưởng anh đến thăm tôi, nhưng té ra không phải. Thì ra anh cũng đang bệnh nặng. Anh nói từng tiếng một rất khó nhọc, một hồi sau mới hiểu hết đầu đuôi. Thì cách đây một tuần, anh ăn thịt gà trong bữa cúng thôi nôi [2] cho con trai bị mắc xương sâu trong cuống họng. Ở nhà đã chạy chữa đủ cách mà vẫn không khỏi. Cần cổ anh sưng to lên mãi, ăn uống không được và bắt đầu “làm biếng” nói, tức là nói cũng khó khăn. Thấy bệnh tình của anh nguy ngập quá, tôi lật đặt hỏi:

- Anh có giấy nằm nhà thương chưa? Nếu có rồi thì nằm ngay cái giường của tôi đây. Tôi hết bệnh, được ra rồi. Chỉ có cái giường này còn trống thôi. Anh không nằm liền, chiều có người khác đến thì nguy, chắc phải nằm đất.

- Không - Anh Sáu tôi vội khoát tay bảo - Không nằm nhà thương đâu. Tây nó mổ thì chết!

- Vậy chớ anh vô đây làm chi? Bệnh vậy mà không lo, còn đi thăm tôi làm gì hả trời?

- Không phải đi thăm cậu đâu - Anh cười gượng - Đi kiểm cậu để nhờ cậu chữa bệnh mà...

Tôi ngạc nhiên hết sức. Ngó anh Chơn một hồi lâu tưởng chừng như chưa thấy anh bao giờ. Như hiểu ý tôi, anh nói tiếp :

- Thật mà. Má nói hồi nhỏ cậu sanh ngược nên cậu có cái “phép chữa bệnh mắc xương”. Hễ người nào để ngược lấy tay mặt vuốt cổ người mắc xương ba lần thì xương gì cũng phải xuống hết. Cậu cứ vuốt giùm tôi đi. Nè, nè, vuốt đi.

Anh Chơn cởi chiếc khăn lông đang quấn cổ ra, ngược mặt lên trần nhà, đưa cái cần cổ ra trước mặt tôi. Bà con trong phòng đang chuẩn bị ngủ trưa thấy vậy xúm lại coi. Anh Chước cũng bật dậy, mở mắt thao láo nhìn tôi. Xấu hổ quá tôi chỉ muốn chui xuống đất mà trốn:

- Trời ơi! Đòi này mà còn tin dị đoan Tôi không làm thầy thuốc được đâu. Tôi đau mà cũng phải vô nhà thương nhờ bác sĩ chữa đến hai tuần mới hết đây nè, tôi còn chữa cho ai được?

- Nhưng má nói thiệt như thế mà, cậu cứ làm thử coi, nè, nè, vượt đi - Anh Nhơn nài nỉ tôi.

Ông Ba Già từ đầu phòng đằng kia cũng nói với lại:

- Đúng vậy đó cậu em à. Nếu quả thật cậu em sanh ngược thì chữa bệnh mắc xương cho người ta làm phước. Bên xóm tôi ở Phú Nhuận cũng có một người như vậy mà bệnh mắc xương làm phước được nhiều lắm rồi.

Mọi người xung quanh nghe ông Ba Già nói vậy xúm lại bảo tôi:

- Hay quá, vậy chắc thế nào cũng hết, vượt đi anh, vượt đi.

Bị thúc giục quá, không biết từ chối bằng cách nào nữa, tôi đành phải đánh liều đưa bàn tay phải lên vượt cổ anh Chơn từ trên xuống dưới ba lần. Anh Chơn vẫn ngồi yên, mặt ngẩng lên trần nhà, cặp mắt lim dim như đang cầu Trời Phật phù hộ. Chừng một phút trôi qua, cả phòng yên lặng chờ đợi kết quả. Tôi không còn cách nào khác, nên cũng đành ngồi đó chịu trận như người có tội chờ tòa kêu án. Bỗng nhiên anh Chơn mở mắt đưa tay xin tôi một cốc nước. Cầm ly nước, anh uống từng ngụm nhỏ. Cặp mắt anh sáng lên dần dần, vẻ mặt anh bỗng sáng bừng lên, vui sướng. Anh reo lên:

- Hết thật rồi, hết thật rồi, nó xuống rồi, nó xuống mất rồi. Cậu... cậu Tám ơi, cậu hay quá!

Anh ôm chặt lấy tôi cười sung sướng trong lúc mọi người xung quanh cùng reo hò mừng rỡ. Chị Quyên trao cho anh Chơn một trái chuối sứ:

- Anh ăn thử trái chuối này coi?

Như người nhịn đói lâu ngày, anh Chơn ăn trái chuối sứ một cách ngon lành làm cho tôi càng ngạc nhiên về cái “tài chữa bệnh” của mình. Tôi sắp đứng dậy để từ giã mọi người thì anh Chúc níu áo tôi lại.

- Anh làm phước cứu tôi với. Xương cá không độc bằng xương gà đâu, nhưng bác sĩ Trí không chữa được. Để cho ông mổ họng ra thì chắc tôi chết mất. Thôi chuyện cũ xin anh bỏ qua, rồi tôi sẽ mang ơn anh suốt đời, anh tội nghiệp vợ con tôi nữa anh ơi.

Tôi cảm động muốn rơi nước mắt. Nhưng vì tôi cũng không tin rằng mình có thể gặp may mắn lần nữa nên có hơi chần chừ, mà cũng không dám từ chối. Ở trong phòng mọi người tưởng tôi còn giận Chúc nên xúm lại khuyên:

- Thôi, chuyện giữa hai người đâu có gì đâu. Anh Chúc đã nói vậy thì anh cũng đừng để bụng nữa. Cả nhà anh đang khóc hết nước mắt lo anh phải mổ đó. Mà anh có phải tốn công tốn của gì đâu. Cứu được mạng người, thật là anh có phước lớn lắm mới được trời cho cái phép lạ ấy đó.

Tôi phải thanh minh với mọi người:

- Tôi không tin là tôi có phép gì hết. Nếu rủi làm cho anh mà không kết quả như lần rồi thì sợ anh Chúc hiểu lầm rằng tôi không hết lòng hết dạ với anh vì chuyện cũ giữa tụi tôi. Nhưng thật ra hôm trước là do tôi nóng nảy mà có lỗi với anh trước chớ có phải tại anh đâu. Thôi thì nay tôi cũng xin vái trời cho anh hết bệnh.

Anh Chúc nghe nói vậy nước mắt cũng rung rung. Rồi anh ngửa mặt lên trần nhà, đưa cổ cho tôi vuốt. Khi tôi vuốt xong Chúc cũng bắt chước anh Sáu tôi lim dim ngửa mặt một hồi rồi bùng ly nước uống từng ngụm nhỏ. Vừa uống được ba ngụm, anh đã reo mừng rồi uống cạn ly nước:

- Bớt rồi, bớt lắm rồi. Hết rồi, hết thật rồi. Trời ơi, sướng quá. Cho tôi xin trái chuối đi chị Quyên ơi!

Anh ăn trái chuối còn nhanh hơn anh Sáu tôi. Cả phòng ủa đến nằm lấy tay tôi khen ngợi. Nhiều người còn nhờ tôi vuốt cho mấy cái ở mũi, ở tai, hay xin địa chỉ của tôi. Thấy chỉ còn một cách rút lui là yên ổn nên tôi kiên quyết

từ giã mọi người để ra về.

Khi bắt tay tôi, chị Phụng vừa cười vừa hỏi:

- Anh có phép thật à?

- Tôi có biết đâu. Nhưng chắc là không, chỉ là may chó nháp phải ruồi thôi.

Có thể là do xương đã đến lúc bị thuốc ngấm mục rồi. Tôi không vượt thì nay mai họ cũng sẽ khỏi. Phải tôi mà có phép thật thì nhất định tôi không để chị phải bị mổ mũi đâu. Thôi chúc chị ở lại mau mạnh.

Rồi tôi xuống giọng nói nhỏ chỉ đủ một mình chị nghe:

- Nhưng chị cố gắng giúp tôi chuyện đó nghe chị.

Tôi nắm chặt tay chị Phụng và nhìn thẳng vào mắt chị, đợi cho tới khi chị gật đầu tôi mới buông tay chị ra và quay gót ra về.

Ra khỏi cổng nhà thương, lòng tôi phơi phới như đang bước chân vào một thế giới mới lạ, đẹp đẽ và hùng vĩ vô cùng.

Theo lời tác giả: Chị Phụng, người đầu tiên tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản cho ông sau này đã liên lạc lại với ông. Đến năm 1937 chị Phụng là người giới thiệu ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương (lần thứ nhất). Sau do quá trình hoạt động khó khăn, ông bị đứt liên lạc với Đảng. Thời gian này được ông ghi lại trong hồi ký “Những ngày sóng gió”. Tới năm 1945 ông mới tìm bắt được liên lạc với Đảng và được kết nạp lại (lần 2) vào tháng 7/1945.

Thời gian tác giả viết những dòng tự truyện này (1954-1964), khi đó ông sống trên đất Bắc và ông có ghi chú là lúc đó chị Phụng đang công tác cùng chồng là đồng chí Lai (Kiệt), tại Thương vụ Việt Nam tại Matxcova.

Chương 4

TÔI vào nhà thương Chợ Rẫy được hai hôm thì muốn bỏ nhà thương mà trở về trường cho rồi. Buồn ghê quá. Xung quanh toàn là những con bệnh nặng. Họ rên la suốt ngày suốt đêm như muốn làm cho người khác cũng phải chán đời theo căn bệnh của họ. Đây là khoa Tai Mũi Họng của nhà thương này. Tất cả gom lại chừng độ ba chục cái giường sắt kê sát sao nhau như cá mòi xếp trong hộp. Mỗi lần muốn lên giường thì phải đi ngang như cua mới lên được. Nằm trên giường có thể nghe được nhịp thở của hai người nằm hai giường bên. Già, trẻ, trai gái đều nằm chung đấy cả. Ai cần thay quần áo thì đợi ban đêm hay phải đi vào cầu tiêu mà thay. Bệnh này nằm xen lẫn với bệnh khác. Người sắp chết có thể nằm gần một người sắp khỏi. Tôi bị viêm xương mũi, được xếp nằm gần một anh bị mắc xương cá và một chị bị thối tai. Anh bị mắc xương cá tên là Chúc, nghe nói là con một công chức cao cấp nào đó ở Sài Gòn, không hiểu sao không vô nhà thương khác mà lại vô đây. Anh hơn tôi chừng 5 tuổi nhưng to béo hơn nhiều. Lúc tôi chưa vào anh phải kéo sát giường tôi vào giường anh mới đủ chỗ cho anh. Vì vậy khi người ta xếp tôi nằm gần là anh khó chịu lắm. Lúc nào anh cũng gởi qua giường tôi khi thì cánh tay, khi thì cái chân. Thậm chí khi ngủ anh có thể “để quên” chân trên bụng tôi mà vẫn ngủ ngon lành. Nhưng tôi ghét Chúc nhất là anh rên la to quá. Lúc đau anh có thể rống lên át hết mọi tiếng rên la khác ở trong phòng. Lúc nào suy nghĩ quá, sợ chết, anh lại khóc thút thít như một đứa trẻ lên ba.

Bệnh nhân bị thối tai là một chị phụ nữ tên là Quyên. Chị hiền như cục đất, trông vẻ thật thà, chất phác, dễ thương. Nghe nói mấy ngày trước chị hay bị anh Chúc la ó, dọa nạt. Anh ta nói mùi thối tai của chị làm anh ta ghê tởm. Thấy tôi vào nằm ở giữa, chị tỏ vẻ vui mừng như có được tấm bình phong che chở vậy. Còn tôi thì phải chịu hai cái bệnh của hai người thật là khó chịu quá. Nhưng biết làm sao được, đã vào đến đây coi như gởi số mạng mình

cho nhà thương rồi. Mỗi ngày hai bữa cơm như cơm tù, một lần làm thuốc qua loa. Rồi thì mặc cho con bệnh “sống” được bằng cách nào thì sống. Nhà xác cách khoa Tai Mũi Họng này không xa. Chỉ ngăn bởi một bức tường và một cái cửa luôn luôn đóng kín. Bởi vậy bệnh nhân nào nghèo qua đó cũng dễ, khỏi tốn tiền xe. Bệnh nhân giàu, có tiền thì không nằm ở đây. Chỗ của họ trả tiền có phòng riêng tiện nghi đầy đủ, ăn uống thuốc men và cả sự chăm sóc cũng thừa thãi. Ở chỗ đó đúng nghĩa “nhà thương” chứ còn chỗ tôi nằm thì coi bộ giống “nhà ghét” hơn. Vậy mà số người tới nhà thương ngày nào cũng đông như người đi chợ. Người ta chờ đợi được vô khám bệnh trước cổng mỗi sáng đông như đi biểu tình. Ở Sài Gòn mà nhà thương và trường học cũng không đủ lo cho dân, nói chi đến người dân quê. Ở quê mà bệnh thì ít có dịp nào lên tới nhà thương lắm. Bệnh nặng lắm, phải có tiền mới dám đưa đi. Đôi khi đưa chưa tới nhà thương tỉnh thì người bệnh đã chết rồi.

Riêng khoa Tai Mũi Họng mỗi ngày có đến ba bốn chục người đến khám bệnh. Bác sĩ Trí phụ trách khoa này cũng chỉ khám qua loa hàng loạt rồi ghi toa cho mỗi người là cũng đủ hết giờ làm việc rồi. Ông ta còn phải dành thời gian làm việc ở phòng khám riêng, ở đó mới chính là chỗ làm việc của ông, nơi ông tìm mọi cách “cắt cổ”, “mổ bụng” những người không thèm đến nhà thương vì chê dơ bẩn hay những kẻ khốn nạn bệnh nặng đã bị nhà thương từ chối cứu chữa.

Tôi đang suy nghĩ làm sao có thể thoát khỏi cảnh khó chịu trong nhà thương này mà vẫn có thể được chữa bệnh. Hay là xin bác sĩ cho uống thuốc thôi để về trường ở. Nhưng sang này thứ tư có một việc làm tôi từ bỏ ý định ấy. Đó là sự xuất hiện của chị Phụng, là một cô gái khoảng chừng mười chín hai mươi, có cùng một bệnh với tôi, được đưa đến phòng này điều trị. Điều đáng để ý là cô gái này mới vào nằm nhưng có rất nhiều người bạn đến thăm. Hết

người này đến người khác lần lượt đến chuyện trò, chăm nom săn sóc chị. Lúc mới tới chị chỉ mặc một bộ đồ bà ba đen và có một cái khăn rằn mang theo vừa để quàng vừa làm khăn lau mặt. Sau có một ngày mà chị có đầy đủ hết các vật dụng cá nhân, chưa kể đến bánh trái do những người bạn mang tới cho. Chắc hẳn chị là người nghèo mới nằm chữa bệnh ở đây. Nhưng sao chị được nhiều người chăm sóc vậy. Trong số người đến thăm chị có rất nhiều thanh niên mà đối với người nào chị cũng thân mật, ân cần, niềm nở. Qua các câu chuyện nghe được tôi biết chị vừa mới ở tù ra và điều này kích thích tôi mạnh mẽ. Một người con gái hiền lành, ốm yếu, lại đoan trang như thế thì mắc tội gì mà lại bị tù. Tôi không tin lắm nhưng sự thật này do chính những người con trai đến thăm chị nói chuyện với nhau mà tôi nghe lỏm được. Vậy thì... hay là chị tham gia “hội kín” nào chăng? Nảy ra suy nghĩ này, tôi bán tín bán nghi. Xưa nay tôi vẫn nghĩ đàn bà con gái như mẹ tôi, chị tôi hay như những người khác thì làm gì làm nổi những việc lớn; mà chắc có muốn cũng không dám tham gia vô hội kín đâu. Hay là chị Phụng là con gái của một người Cộng sản nào đó, không bắt bỏ tù được cha thì bắt con ở thế. Nhưng nếu vậy thì làm sao chị lại có nhiều bạn bè thế? Cách quan tâm của bạn bè chị làm tôi thấy giống những người đồng hội, đồng thuyền. Có lúc tôi muốn làm quen và hỏi thẳng chị Phụng nhưng lại không dám. Khổ nỗi tôi không biết bắt đầu làm quen như thế nào. Xưa nay tôi vốn ít quan hệ với phụ nữ. Nay đối với Lan, người con gái học chung trường cũ mà tôi bắt đầu yêu tha thiết, tôi cũng chỉ dám viết thư nói chuyện vu vơ, chứ gặp mặt chắc là lúng túng lắm. Tôi đâm ra muốn nán lại chữa bệnh ở đây để tìm hiểu sự thật chị Phụng là ai? May ra kỳ này tôi toại nguyện, tìm gặp được Cộng sản.

Một buổi sáng, theo thông lệ chúng tôi đang đứng trước phòng khám cho bệnh nhân nội trú để chờ khám bệnh. Bữa nay không phải ông bác sĩ Trí mà

là một ông khác. Đó là bác sĩ Nhân, ông này thường khám thay mỗi khi bác sĩ Trí đi vắng hay bận việc. Anh Chúc to con chen lấn định vô khám trước thì ông bác sĩ bảo:

- Anh chờ chút nữa tôi coi cho, để tôi khám cho “em gái Cộng sản” trước.

Nói rồi ông gọi to:

- “Em gái Cộng sản” đâu?

Mọi người còn đang ngơ ngác thì tôi thấy chị Phụng từ từ đi tới trước mặt bác sĩ. Ông Nhân ngó chị một chút rồi nói:

- Mời vào!

Tôi cảm thấy mình sượng run lên. Vậy là đúng rồi. Chị Phụng đúng là Cộng sản rồi. Nhưng tôi hơi thất vọng. Người Cộng sản này không giống như tôi vẫn tưởng tượng. Tôi cứ nghĩ Cộng sản phải là một thanh niên vạm vỡ, lại mang vẻ bí mật như các nhân vật trong tiểu thuyết trinh thám chứ. Ở đây cô gái ốm yếu bệnh tật này “đuối rồi không đặng” thì đánh Tây sao được?

Nhưng đúng là chị đã nhận mình là “em gái Cộng sản” mà. Nếu không sao ông bác sĩ kêu như vậy chị lại bước tới. Tự nhiên tôi muốn được làm ông bác sĩ, cầm cây đèn soi rọi vào mũi vào miệng chị để nhìn kỹ hơn, biết đâu bên trong chị có gì khác người chẳng?

Nhưng nỗi vui mừng vẫn át hết mọi băn khoăn của tôi. Vậy là bao lâu tìm kiếm tưởng vô vọng nay tôi sắp gặp được Cộng sản rồi. Mấy ngày trước tôi chán nhà thương này và oán ghét bệnh tình của mình bao nhiêu thì bây giờ tôi lại thấy yêu thích nhà thương và muốn cho bệnh mình lâu lâu mới hết.

Tôi sẽ tìm dịp làm quen với chị Phụng và nhất định sẽ xin vào Đảng. Hôm ấy tôi nói với bác sĩ Nhân:

- Bệnh của tôi chắc bị trở nặng rồi. Đêm rồi tôi ngủ không được, nhức đầu quá. Sáng ra hỉ mũi thấy chảy đầy máu.

Bác sĩ mang đèn soi đi soi lại mãi, rồi nói:

- Xương mũi của anh sắp lành rồi. Chừng vài hôm nữa là anh về được thôi. Còn bệnh nhưc đầu thì tôi không trị được. Nếu cần tôi giới thiệu anh qua khoa khác.

Tôi vội vàng từ chối:

- Dạ thôi, tôi xin trị cho thiệt hết bệnh viêm xương mũi rồi xin về trường học. Còn bệnh nhưc đầu - tôi hơi lúng túng - có lẽ cũng chưa nặng lắm. Chắc để thi xong tôi về nhà uống thuốc nam cũng được. Nhưng xin bác sĩ để chờ cái xương mũi của tôi thiệt lành hãy cho về. Sợ tới lúc thi mà bệnh tình rescute[1] thì xui xẻo cho tôi lắm.

- Nhiều lắm thì trong vòng một tuần nữa là cùng. Khi đó là anh lành hẳn đó. Cứ yên tâm.

Một tuần nữa, chắc cũng đủ nữa để tôi thực hiện ước mong “nói chuyện được với Cộng sản” để xin vào Đảng. Nhưng rồi đã hai ngày qua mà tôi chưa có cách nào nói chuyện được với chị Phụng. Thấy lúc nào chị cũng mắc một chuyện gì đó: làm thuốc, ăn uống, nói chuyện với người nằm bên. Sau giờ cơm chiều bệnh nhân được đi dạo trong vườn của nhà thương.

Nhưng chiều nào chị cũng có khách tới thăm đến tận giờ ngủ mới về.

Nguy quá! Nếu cả tuần lễ cũng trôi qua như thế này thì không biết bao giờ tôi mới có dịp gặp Đảng. Từ hôm chị Phụng được bác sĩ Nhân kêu là “em gái Cộng sản” một cách nửa đùa nửa thật, trong phòng này người ta luôn để ý đến chị và hay xâm xì bàn tán về Cộng sản. Ngay tới chị Quyên đau tai nằm bên tôi, hiền lành chất phác vậy mà một buổi trưa cũng khều khều tôi mà hỏi:

- Anh có biết làm Cộng sản là làm gì không anh?

Bị hỏi bất ngờ, tôi rất lúng túng. Nhưng muốn tỏ ra cho chị thấy là tôi không đến nỗi dốt, nên tôi lên giọng nói đại:

- Ở ờ... làm Cộng sản là đánh lại Tây với tụi nhà giàu hiếp đáp dân nghèo.

Đuổi được tụi Tây rồi là dân mình hết khổ, hết nhục. Nhưng vì vậy mà Tây ghét mấy người làm Cộng sản lắm nên tìm bắt bỏ tù như chị Phụng vậy.

Nghe tôi lên giọng dạy đời, anh Chúc hình như không thể chịu nổi bèn lên tiếng. Anh cố tình nói lớn cho mọi người xung quanh cùng nghe:

- Vua quan mình ngày xưa binh hùng tướng mạnh như vậy mà còn phải chịu thua Tây. Mấy ông Đề Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học còn không làm gì nổi nước Đại Pháp thì Cộng sản mà làm gì được. Ôi! Xi. Biết đâu Cộng sản cũng chỉ là mấy người làm biếng làm nhác, không lo làm ăn, chỉ muốn giật tiền, giật nhà, giật ruộng đất của người giàu sang để chia nhau mà hưởng. Không phải Tây không mà người mình, những người giàu sang, đảng hoàng cũng ghét Cộng sản như ghét ăn cướp vậy.

- Vậy thầy có giàu không mà thầy ghét Cộng sản dữ vậy? - Tôi quay qua hỏi Chúc - Hay là thầy bị Tây nó lừa rồi. Theo tôi xưa nay mình không đuổi được Tây là vì không có ai giúp sức. Nước mình nhỏ, thằng Tây ỷ lớn đến chiếm nước mình. Bây giờ Cộng sản có nước Nga Cộng sản bênh vực giúp đỡ không để cho nước lớn ăn hiếp nước nhỏ nữa. Tây ghét rồi nói xấu Cộng sản mà mình nghe nó thì chỉ còn cách làm mưu cho nó suốt đời.

Mấy câu sau cùng tôi cố ý nói to để cho chị Phụng nằm cách tôi cả mấy giường cũng nghe thấy.

Thấy chúng tôi to tiếng với nhau vì một câu hỏi của mình, chị Quyên đâm lo sợ, quay mặt đi nằm im thín thít.

Anh Chúc không chịu thua tôi, còn cố cãi.

- Làm mưu cho một nhà nước Đại Pháp văn minh nhất thế giới với làm Cộng sản để bị tù bị biết thì cái nào hơn?

Nghe tới đây tôi không chịu nổi nữa, đang nằm tôi ngồi bật dậy như một cái lò xo. Tôi tính vung tay đâm vào mặt Chúc mấy cái cho bỏ ghét. Không ngờ nhanh như chớp, Chúc đã lăn xuống khỏi giường đứng thủ thế.

- Mày tính làm gì tao hả thằng học trò Cộng sản kia?

Chức vừa nói vừa thở hổn hển.

- Tao đánh chết cha mày chứ làm gì? Đồ hèn, đồ phản quốc?

Tôi nhào tới định nhảy xổ vào Chức thì chị Quyên ở giường bên đã nhanh tay níu tôi lại. Cả phòng bệnh nhao nhao lên:

- Sao vậy? Gì vậy? Đánh nhau hả?

- Muốn đánh nhau thì ra sân mà đánh, để cho người ta ngủ trưa chứ!

Một ông già nằm gần giường chị Phụng mà chúng tôi thường kêu là ông Ba Già lên tiếng:

- Mấy chú không biết thì đừng cãi nhau rồi sinh sự vô ích. Tại sao không hỏi cô Phụng đây, cô là Cộng sản có bằng cấp rồi đây nè.

Bị lôi vào chuyện một cách bất ngờ, chị Phụng vẫn nằm trên giường như người sắp ngủ, chị nói từ tốn:

- Làm Cộng sản nghĩa là chống lại mọi sự bất công áp bức, bóc lột bất kỳ từ đâu đến để xây dựng một xã hội không có người này ăn hiếp người kia, một thế giới không có nước này ăn hiếp nước nọ, như một cái thiên đường vậy.

Vì vậy mà những người nghèo khổ đều muốn làm Cộng sản. Khi đã làm Cộng sản, người ta không sợ tù, sợ chết nữa.

Chị bỗng ngồi dậy, nhìn thẳng về phía chúng tôi mà nói tiếp:

- Bà con cô bác nghĩ coi, đã bảy chục năm nay người Pháp chiếm nước mình, coi dân mình là nô lệ, chà đạp lên non sông, khinh rẻ nòi giống mình. Người Pháp nói họ văn minh, nhận họ có thương dân mình mà cho mình văn minh không, hay cứ muốn đứng trên đầu trên cổ người Việt mình để dễ bề bóc lột, áp bức. Bao nhiêu lần các phong trào yêu nước nổi lên đều bị dập tắt. Nhưng chúng không thể dập tắt được lòng yêu nước của người mình. Sứ mạng của Cộng sản nước mình là “phản đế phản phong” nghĩa là làm cho dân mình thoát khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp và không bị bọn vua quan,

nhà giàu áp bức nữa. Đảng Cộng sản không giống các đảng khác là đảng của những người nghèo khổ. Đảng quyết sống chết cho người nghèo khổ, người vô sản. Thực dân phong kiến càng áp bức, càng bóc lột thì người nghèo khổ, người vô sản càng ngày càng đông và ngày càng căm thù áp bức. Đảng Cộng sản vì thế mà sẽ ngày càng lớn mạnh. Sẽ đến lúc đầy đủ sức mạnh để lật đổ chúng nó xuống. Đó là chuyện không thể tránh khỏi. Đảng Cộng sản của mình lại có các đảng Cộng sản ở nước khác, người vô sản ở nơi khác giúp đỡ nên nhất định sẽ làm cách mạng thành công.

Chị Phụng còn muốn nói thêm nữa. Nhưng ông Ba Già bỗng nói nhỏ điều gì với chị. Tôi thấy chị gật đầu, rồi ngó ra sân; chị vừa đổi giọng vừa nằm xuống giường:

- Nhưng bây giờ là giờ ngủ rồi, các anh cãi với nhau làm gì. Có gì không hiểu thì thùng thẳng tìm hiểu đã. Sau này tranh luận coi ai đúng ai sai thì hay hơn.

Anh y tá trực bước vào phòng chỉ còn nghe thấy mấy lời sau cùng đó của chị. Đứng nhìn khắp phòng chỉ thấy có tôi là còn ngồi ngay như tượng Phật còn thì ai nấy đều nằm im trên giường, anh bước đến gần tôi:

- Anh chưa ngủ hả?

Tôi giật mình vừa sửa gối nằm xuống vừa lúng túng trả lời:

- Thưa thầy... tôi không sao cả, chỉ hơi nghẹt mũi, ngồi lên thấy dễ thở hơn.

Anh ta sắp qua đi thì Chúc đã mở miệng nói:

- Không phải nó nghẹt mũi đâu, nó khùng rồi đó. Nó tính tuyên truyền Cộng sản mà tôi không cho, nó đòi đánh chết cha tôi đó, có bà con ở đây làm chứng nè.

Tôi tức giận đến mức không còn muốn đánh chính gì hết, mà chỉ muốn đánh cho nó một trận cho chừa thói hèn nhát và vu cáo đi. Anh y tá nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên. Thấy tôi làm thinh, tưởng tôi nhận lỗi rồi, anh ta nói:

- Đây là nhà thương, anh vào đây để trị bệnh chứ đâu phải đi làm quốc sự và đi đánh lộn đâu? Nếu anh còn như vậy làm phá trật tự ở đây thì nhà thương không chứa nổi anh nữa đâu. Người ta “làm Cộng sản có bằng cấp” như chị Phụng kia mà còn không tuyên truyền Cộng sản, anh là học trò mà tuyên truyền cái gì?

Có tiếng cười khúc khích trong phòng. Chị Quyên cũng không nhịn được cười. Chị nói với anh y tá:

- Thầy nói đúng đó - Chị cố ý nói to cho nhiều người cùng nghe. - Anh Ngô này có tuyên truyền gì đâu, anh sợ thi rớt nên ôn bài. Anh Chúc ngủ không được thì đối đánh anh Ngô trước chứ anh Ngô nhỏ con hơn mà dám gây sự với anh Chúc hồi nào. Tôi làm chứng cho anh Ngô đó.

Thật tôi không ngờ một người chất phác như chị Quyên mà lúc này lại kiếm ra lời đối đáp như vậy được. Tôi quay lại ngó chị một cách biết ơn trong lúc Chúc thì lồng lộn lên như vừa bị thọc một dao vào hông. Nó ngồi xồm dậy trên giường la lên:

- Trời đất quỷ thần ơi! Tôi bệnh sắp chết như vậy làm sao đi gây sự, đi đánh người ta. Hai tuần lễ nằm đây rồi mà có cái xương cá không gỡ ra được, toàn là uống sữa với nước cháo thì sức đâu mà đánh người hả. Nói ngược vậy mà sao không bị súng hầu súng họng cho tôi làm phước.

Cả phòng cười ô lên làm cho Chúc càng bức tức. Không biết làm gì, hai tay ôm cổ ho sù sụ như để chứng minh rằng anh ta đang bệnh nặng lắm. Anh y tá nhìn khắp một lượt trong phòng như muốn tìm kiếm một người làm chứng nữa. Ông Ba Già nằm gần chị Phụng tận đầu phòng kia hiểu ý, nói một cách thông thả:

- Tôi thấy thầy Chúc đứng dậy cung tay trước, vậy mà khi có người của nhà thương thầy lại ý thể cậy thân vu cáo cho chú em kia là gây sự. Như vậy là không tốt. May thầy y tá đây là người biết điều, còn nghe bà con phân trần

phải trái, chứ nếu gặp Tây hay người nào khác thì thế nào chú em kia cũng bị đủ điều khó dễ cho coi.

Anh y tá bỏ ra khỏi phòng mặc cho Chức ầm ức ôm cổ rên hừ hừ. Tôi nghe mát ruột như vừa uống một trái dưa xiêm vậy.

Bài diễn thuyết ngắn ngủi của chị Phụng làm cho tôi không sao ngủ được. Chị nói hay quá. Tôi đã ngồi nghe như người mộ đạo mê kinh. Chị Phụng và ngay cả chị Quyên nữa đã chữa cho tôi hết bệnh coi thường phụ nữ rồi. Đàn ông con trai như thằng Tạo, thằng Phước hay anh Chức đây thì cũng chỉ là kẻ hèn nhát. Máu của Trung Trắc, Trung Nhị vẫn còn đang chảy trong chị Phụng, chị Quyên, trong bao người phụ nữ khác. Lần đầu tiên nghe nói về Cộng sản tôi thấy ngọt tai và lòng mát như đang đi đường trưa nắng được vào bóng mát uống nước suối trong. Nhưng ngồi nhớ lại từng lời từng chữ không phải là dễ. Nào là “vô sản”, nào là “thực dân”, nào “phản đế phản phong”. Vậy là khi nghe tôi đã “nuốt chửng” luôn mấy tiếng đó mà vẫn cảm thấy thấm thía thế nào là Cộng sản. Nghĩ lại mới thấy là không đơn giản như mình hiểu: Cộng sản là đánh Tây. Tôi càng muốn được gặp riêng chị Phụng để xin vào Đảng.

Tôi có ý định dù chiều nay chị Phụng có khách tôi cũng xin nói chuyện riêng với chị. May sao, cơm chiều xong chưa thấy ai tới thăm, chị Phụng bước ra vườn đi dạo vài ba vòng rồi đến ngồi một mình trên chiếc băng gỗ. Không để lỡ dịp may, tôi bước vội đến, ngồi xuống bên chị. Vừa ngồi xuống băng là tôi nghe lòng can đảm của mình bỗng tan biến đâu hết rồi. Nói hay không? Bắt đầu thế nào đây? Nếu chị không nhận lời thì sao. Chưa xin thì còn hy vọng xin mà không được thì thất vọng chết mất còn gì. Những ý nghĩ ấy cứ lẩn quẩn trong đầu tôi. Tay tôi cứ lợm từng hòn sỏi trên sân lên rồi lại ném xuống. Đầu tôi hết ngẩng lên lại cúi xuống với bao nhiêu băn khoăn do dự. Bỗng nhiên tôi nghe chị Phụng hỏi:

- Anh đã giảng hòa với anh Chúc chưa?

Tôi như thoát ra khỏi sự lúng túng, ngẩng đầu dậy nhìn chị Phụng, cặp mắt chị nhìn thẳng vào tôi lên từ giống như mắt chị Sáu tôi vậy. Qua cách nhìn và câu hỏi của chị, tôi chắc rằng chị trách tôi sao gây sự với Chúc một cách vô ích như vậy. Tôi không trả lời ngay vào câu hỏi ấy vì sợ mất thì giờ. Tôi sợ chưa kịp nói nguyện vọng của mình mà có ai đến thăm chị thì mất dịp may này. Tôi nói thẳng luôn:

- Chị ơi, cho tôi vào đảng Cộng sản với, nhen chị.

Tim đập thình thịch, tôi chờ đợi câu trả lời của chị Phụng. Một phút im lặng đến nghẹt thở. Tôi ngạc nhiên chị Phụng vẫn nhìn tôi mà mỉm cười. Tôi bắt đầu hối hận vì lời yêu cầu đột ngột của mình. Tại sao tôi lại không biết đặt vấn đề một cách khéo léo hơn? Bắt đầu theo kiểu “vòng vo tam quốc”, hay bắt đầu từ chuyện anh Chúc cũng được vậy. Tôi đã nóng nảy quá hóa ra vụng về. Bây giờ thì chỉ còn chờ chị lắc đầu hay gật đầu nữa là xong. Sao bây giờ tôi bỗng sợ chị trả lời dứt khoát quá. Tôi lại muốn kéo dài hơn thời gian hy vọng khi sắp tới gần sự thật rồi. Dường như cũng hiểu được tâm lý kỳ quặc đó của tôi, chị Phụng không trả lời ngay mà nói sang chuyện khác.

- Anh sắp thi ra trường phải không? Đau bệnh như thế này thì học hành gì được mà thi. Thi rớt hay thi đậu lúc này cũng không dễ gì tìm được việc làm đâu. Anh định sẽ làm gì?

- Làm Cộng sản - Tôi lại vọt miệng nói. Nói xong tôi mỉm cười nhìn chị Phụng - Ở trong trường tôi cũng có Cộng sản nhưng không biết là ai. Tụi tôi chỉ được xem một dấu hiệu búa liềm trên cánh cửa. Có coi thôi mà một anh học sinh bị đuổi học, còn thêm bốn đứa khác bị phạt nhốt một tháng trong trường lại thêm bị đòn nữa.

Nói đến đây như có đà, tôi kể hết cho chị Phụng nghe hết cả mọi chuyện trong trường từ ngày tôi vào học đến nay. Chuyện các giáo sư, các thầy giám

thị, chuyện Ban giám đốc, chuyện học trò trong trường. Tôi ghét ai, tôi thương ai, tại sao mà thương tại sao mà ghét. Hết chuyện trong trường, tôi nói đến chuyện gia đình, đến cha tôi, đến mẹ tôi, đến chị và em tôi. Chuyện anh tôi đang mong mỏi được gặp Đảng. Thấy chị chăm chú nghe tôi kể luôn về quê tôi. Tôi đã kể từng khúc sông, dòng suối, từng cánh rừng, từng miếng ruộng. Tôi kể lịch sử của từng cái miếu, cái đình. Tôi kể cả chuyện cha tôi và bao người mưu đồ tập võ để cứu nước mà cuối cùng thất bại, bị cầm đoán, lại còn thêm hậu quả du côn, trộm cướp nữa.

Từ nhỏ đến giờ chưa bao giờ tôi nói nhiều như tối hôm ấy, cũng chưa thấy ai chịu khó nghe tôi nói như chị Phụng. Đèn điện đã sáng trưng từ lúc nào, sương đêm bắt đầu rơi. Trong vườn cũng đã vắng người mà tôi còn biết bao nhiêu chuyện muốn kể cho chị Phụng nghe. Nếu kẻo báo giờ ngủ không vang lên thì có lẽ tôi còn kể cho chị nghe cả những chuyện về thời thơ ấu của tôi, chuyện tôi đi học ở trường Mỹ Lộc, cả chuyện tôi đã bắt đầu yêu Lan, người bạn gái có cặp mắt buồn buồn của tôi. Đứng lên để đi về phòng, chị Phụng còn dặn tôi:

- Nhưng anh nhớ tìm cách giảng hòa với anh Chúc sớm đi là tốt hơn. Không nên gây sự với người ta làm gì. Còn biết bao nhiêu người chưa hiểu “chủ nghĩa Cộng sản”, nếu cứ gây sự với những người ấy thì chỉ gây thù gây oán chứ không làm Cộng sản được đâu.

*

Suốt ba buổi tối liền như vậy. Lần nào bước tới ngồi gần chị Phụng ngoài vườn hoa của nhà thương, câu mở đầu của tôi cũng vẫn là:

- Chị ơi, cho tôi vào đảng Cộng sản với, nhen chị.

Nhưng chưa lần nào chị Phụng trả lời ngay vào câu hỏi của tôi. Lần nào chị cũng cười rồi nói sang chuyện khác, cố giải thích cho tôi hiểu Cộng sản là gì. Tôi bắt đầu hiểu lảng máng thế nào là giai cấp, đấu tranh giai cấp, về giai

cấp công nhân trong “trận cuối cùng”. Chị nói với tôi về nước Pháp, về chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, về đảng Cộng sản Pháp là bạn của người Việt Nam mình. Tôi bắt đầu hiểu ra, rằng không phải mọi người Pháp đều là kẻ thù của dân mình và ở đất nước “tự do bình đẳng bác ái” đó cũng có áp bức, bóc lột, cũng phải đấu tranh chống cường quyền bạo lực như ở đây. Tôi hỏi chị những từ khó hiểu mà tôi mới được nghe đến lần đầu hôm xảy ra vụ cãi nhau giữa tôi và anh Chức, như “phản đế phản phong”, “vô sản” hay những câu hỏi khó hiểu mà chị mới nói như: “cách mạng dân tộc dân chủ”, v.v... Cũng có nhiều điều tôi hỏi mà chị Phụng không giải thích được hết, hoặc tôi nghe cũng không hiểu được rõ ràng. Nhưng tôi thích nhất là lúc chị nói đến Các Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin và ca ngợi các ông như những vị Thánh, vị cứu tinh của nhân loại. Nhưng chị lại nói làm Cộng sản, giải phóng dân tộc là làm đồng chí với các ông Các Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin ấy. “Trời ơi, sướng quá, làm Cộng sản đánh Tây cứu nước đã sướng rồi, lại còn được làm đồng chí với cả những vị Thánh ấy nữa”. Đêm tôi cứ thao thức trằn trọc, mơ tưởng đến cái xã hội không còn người bóc lột người mà chị Phụng thường nói là mục đích của chủ nghĩa Cộng sản.

Càng nghe chị nói, tôi càng muốn được là Cộng sản. Theo tôi là cứ xin được vào Đảng rồi sẽ tìm hiểu thêm sau vì cũng có nhiều điều tôi thấy rắc rối chưa hiểu hết. Chớ mà cứ ở ngoài Đảng như tôi bây nay thì có hiểu được gì đâu. Nhưng đã mấy ngày rồi mà chị Phụng cũng không nói gì đến chuyện tôi có được vào Đảng hay không cả. Lần nào nghe kể báo giờ ngủ, chị cũng nói với tôi:

- Thôi, ngày mai sẽ nói tiếp. Anh nhớ giảng hòa với anh Chức đi nghen. Tôi thấy trong vụ này anh cần phải nhận lỗi trước đó.

Tôi bắt đầu bực mình mỗi khi nghe câu nói ấy. Không hiểu sao chị Phụng lại để ý đến câu chuyện quá nhỏ nhặt như vậy. Cái xương mũi của tôi đang lạnh

bệnh một cách đáng sợ. Tôi sắp phải rời nhà thương nay mai, mà việc quan trọng nhất đối với tôi chưa giải quyết được, vậy mà còn phải lo xin lỗi một người mà tôi cho là hèn nhát, đánh khinh bỉ. Nhưng nghe lời chị Phụng tôi cũng tìm cách “làm lành” với anh Chức từ hai hôm nay. Tôi giành với chị Quyên để đi lấy cơm, mấy nước hay rửa chén cho anh ta. Một đêm, thấy nó kêu đau ằm ỉ, tôi chạy đi gọi y tá trực đến chăm sóc, tiêm thuốc cho. Vậy mà đối với tôi, anh ta vẫn “mặt lạnh như tiền”, có lúc còn nhìn tôi một cách hiềm thù, bực tức. Mở miệng làm thân xin lỗi anh ta quả thực là một chuyện khó khăn vô cùng đối với tôi.

Sáng hôm đó, sau khi khám bệnh, bác sĩ Trí tuyên bố cho tôi được về vì bệnh tôi đã lành hẳn. Không còn cách nào để xin ở lại thêm nữa, tôi đành phải im lặng lén nhìn chị Phụng với vẻ trách móc và luyến tiếc, tôi đâm ra ân hận vì mấy ngày qua mãi mê nghe chị nói mà không đốc thúc chị trả lời thẳng vào yêu cầu của tôi. Bây giờ đã quá trễ rồi. Nội trong ngày hôm nay tôi phải quay về trường làm sao gặp được chị lần cuối cùng được.

Tôi giả dò đi xin địa chỉ một số người để biết địa chỉ của chị Phụng mong tới đó kiếm chị sau này. Nhưng chị nói:

- Tôi mới ở tù ra, còn chưa biết khi lành bệnh sẽ đi đâu. Nhưng thôi, tôi biết địa chỉ của anh rồi, khi nào có địa chỉ ổn định tôi sẽ viết thư báo cho anh biết, nếu cần.

Nghe chị nói vậy, tôi thất vọng quá, tự trách mình sao mấy bữa nay không hỏi thăm chị trước mà chỉ lo nói về mình. Vậy là hy vọng được thành đảng viên của tôi còn mong manh quá. Vậy mà tôi cứ tưởng đơn giản là mình xin vô là được trả lời ngay là có được hay không. Phải mà được đồng ý, tôi sẽ trở về trường với một cái “bằng cấp” bí mật là đảng viên Cộng sản. Còn giá trị gấp mấy lần cái bằng Thành Chung mà chưa chắc gì tôi đạt được trong kỳ thi sắp tới. Tôi sẽ viết thư cho anh Năm tôi để ảnh mừng. Tôi sẽ vô Sở Thú

kiếm ông già mù mà nói nhỏ với ông lão là: “Tôi là Cộng sản, tôi sẽ mang lại đời sống ấm no cho mọi người nghèo khổ”. Rồi tôi sẽ làm thơ, viết bài ca cho ông lão ca thay vào những tích xưa như “Lục Vân Tiên” hay “Thạch Sanh chém chằn” mà ông vẫn hát mỗi ngày. Những ao ước ấy giờ, tan như bong bóng xà phòng. Tôi buồn quá.

Ăn cơm trưa xong tôi đang chuẩn bị thu xếp quần áo, đồ đạc để về trường thì bỗng thấy anh Sáu tới. Anh tên là Chon, là chồng chị Sáu tôi. Anh là một trong những học trò giỏi của tía tôi ngày xưa được mẹ tôi nhận về làm rể.

Anh làm nghề đánh xe ngựa trong tỉnh Biên Hòa. Anh đã ở với chị tôi được hai năm, có được một đứa con trai. Ban đầu tưởng anh đến thăm tôi, nhưng té ra không phải. Thì ra anh cũng đang bệnh nặng. Anh nói từng tiếng một rất khó nhọc, một hồi sau mới hiểu hết đầu đuôi. Thì cách đây một tuần, anh ăn thịt gà trong bữa cúng thôi nôi[2] cho con trai bị mắc xương sâu trong cuống họng. Ở nhà đã chạy chữa đủ cách mà vẫn không khỏi. Cần cỏ anh sưng to lên mãi, ăn uống không được và bắt đầu “làm biếng” nói, tức là nói cũng khó khăn. Thấy bệnh tình của anh nguy ngập quá, tôi lật đật hỏi:

- Anh có giấy nằm nhà thương chưa? Nếu có rồi thì nằm ngay cái giường của tôi đây. Tôi hết bệnh, được ra rồi. Chỉ có cái giường này còn trống thôi. Anh không nằm liền, chiều có người khác đến thì nguy, chắc phải nằm đất.

- Không - Anh Sáu tôi vội khoát tay bảo - Không nằm nhà thương đâu. Tây nó mổ thì chết!

- Vậy chớ anh vô đây làm chi? Bệnh vậy mà không lo, còn đi thăm tôi làm gì hả trời?

- Không phải đi thăm cậu đâu - Anh cười gượng - Đi kiếm cậu để nhờ cậu chữa bệnh mà...

Tôi ngạc nhiên hết sức. Ngó anh Chon một hồi lâu tưởng chừng như chưa thấy anh bao giờ. Như hiểu ý tôi, anh nói tiếp :

- Thật mà. Má nói hồi nhỏ cậu sanh ngược nên cậu có cái “phép chữa bệnh mắc xương”. Hễ người nào để ngược lấy tay mặt vuốt cổ người mắc xương ba lần thì xương gì cũng phải xuống hết. Cậu cứ vuốt giùm tôi đi. Nè, nè, vuốt đi.

Anh Chơn cởi chiếc khăn lông đang quấn cổ ra, ngược mặt lên trần nhà, đưa cái cần cổ ra trước mặt tôi. Bà con trong phòng đang chuẩn bị ngủ trưa thấy vậy xúm lại coi. Anh Chúc cũng bật dậy, mở mắt thao láo nhìn tôi. Xấu hổ quá tôi chỉ muốn chui xuống đất mà trốn:

- Trời ơi! Đời này mà còn tin dị đoan Tôi không làm thầy thuốc được đâu. Tôi đau mà cũng phải vô nhà thương nhờ bác sĩ chữa đến hai tuần mới hết đây nè, tôi còn chữa cho ai được?

- Nhưng má nói thiệt như thế mà, cậu cứ làm thử coi, nè, nè, vuốt đi - Anh Nhơn nài nỉ tôi.

Ông Ba Già từ đầu phòng đằng kia cũng nói với lại:

- Đúng vậy đó cậu em à. Nếu quả thật cậu em sanh ngược thì chữa bệnh mắc xương cho người ta làm phước. Bên xóm tôi ở Phú Nhuận cũng có một người như vậy mà bệnh mắc xương làm phước được nhiều lắm rồi.

Mọi người xung quanh nghe ông Ba Già nói vậy xúm lại bảo tôi:

- Hay quá, vậy chắc thế nào cũng hết, vuốt đi anh, vuốt đi.

Bị thúc giục quá, không biết từ chối bằng cách nào nữa, tôi đành phải đánh liều đưa bàn tay phải lên vuốt cổ anh Chơn từ trên xuống dưới ba lần. Anh Chơn vẫn ngồi yên, mặt ngẩng lên trần nhà, cặp mắt lim dim như đang cầu Trời Phật phù hộ. Chừng một phút trôi qua, cả phòng yên lặng chờ đợi kết quả. Tôi không còn cách nào khác, nên cũng đành ngồi đó chịu trận như người có tội chờ tòa kêu án. Bỗng nhiên anh Chơn mở mắt đưa tay xin tôi một cốc nước. Cầm ly nước, anh uống từng ngụm nhỏ. Cặp mắt anh sáng lên dần dần, vẻ mặt anh bỗng sáng bừng lên, vui sướng. Anh reo lên:

- Hết thật rồi, hết thật rồi, nó xuống rồi, nó xuống mất rồi. Cậu... cậu Tám ơi, cậu hay quá!

Anh ôm chặt lấy tôi cười sung sướng trong lúc mọi người xung quanh cùng reo hò mừng rỡ. Chị Quyên trao cho anh Chơn một trái chuối sứ:

- Anh ăn thử trái chuối này coi?

Như người nhịn đói lâu ngày, anh Chơn ăn trái chuối sứ một cách ngon lành làm cho tôi càng ngạc nhiên về cái “tài chữa bệnh” của mình. Tôi sắp đứng dậy để từ giã mọi người thì anh Chúc níu áo tôi lại.

- Anh làm phước cứu tôi với. Xương cá không độc bằng xương gà đâu, nhưng bác sĩ Trí không chữa được. Để cho ông mổ họng ra thì chắc tôi chết mất. Thôi chuyện cũ xin anh bỏ qua, rồi tôi sẽ mang ơn anh suốt đời, anh tội nghiệp vợ con tôi nữa anh ơi.

Tôi cảm động muốn rớt nước mắt. Nhưng vì tôi cũng không tin rằng mình có thể gặp may mắn lần nữa nên có hơi chần chừ, mà cũng không dám từ chối. Ở trong phòng mọi người tưởng tôi còn giận Chúc nên xúm lại khuyên:

- Thôi, chuyện giữa hai người đâu có gì đâu. Anh Chúc đã nói vậy thì anh cũng đừng để bụng nữa. Cả nhà anh đang khóc hết nước mắt lo anh phải mổ đó. Mà anh có phải tốn công tốn của gì đâu. Cứu được mạng người, thật là anh có phước lớn lắm mới được trời cho cái phép lạ ấy đó.

Tôi phải thanh minh với mọi người:

- Tôi không tin là tôi có phép gì hết. Nếu rủi làm cho anh mà không kết quả như lần rồi thì sợ anh Chúc hiểu lầm rằng tôi không hết lòng hết dạ với anh vì chuyện cũ giữa tụi tôi. Nhưng thật ra hôm trước là do tôi nóng nảy mà có lỗi với anh trước chớ có phải tại anh đâu. Thôi thì nay tôi cũng xin vái trời cho anh hết bệnh.

Anh Chúc nghe nói vậy nước mắt cũng rung rung. Rồi anh ngửa mặt lên

trần nhà, đưa cổ cho tôi vượt. Khi tôi vượt xong Chúc cũng bắt chước anh Sáu tôi lim dim ngửa mặt một hồi rồi bung ly nước uống từng ngụm nhỏ. Vừa uống được ba ngụm, anh đã reo mừng rồi uống cạn ly nước:

- Bớt rồi, bớt lắm rồi. Hết rồi, hết thật rồi. Trời ơi, sướng quá. Cho tôi xin trái chuối đi chị Quyên ơi!

Anh ăn trái chuối còn nhanh hơn anh Sáu tôi. Cả phòng ủa đến nằm lấy tay tôi khen ngợi. Nhiều người còn nhờ tôi vượt cho mấy cái ở mũi, ở tai, hay xin địa chỉ của tôi. Thấy chỉ còn một cách rút lui là yên ổn nên tôi kiên quyết từ giã mọi người để ra về.

Khi bắt tay tôi, chị Phụng vừa cười vừa hỏi:

- Anh có phép thật à?

- Tôi có biết đâu. Nhưng chắc là không, chỉ là may chớ nháp phải ruồi thôi. Có thể là do xương đã đến lúc bị thuốc ngấm mục rồi. Tôi không vượt thì nay mai họ cũng sẽ khỏi. Phải tôi mà có phép thật thì nhất định tôi không để chị phải bị mổ mũi đâu. Thôi chúc chị ở lại mau mạnh.

Rồi tôi xuống giọng nói nhỏ chỉ đủ một mình chị nghe:

- Nhưng chị cố gắng giúp tôi chuyện đó nghe chị.

Tôi nắm chặt tay chị Phụng và nhìn thẳng vào mắt chị, đợi cho tới khi chị gật đầu tôi mới buông tay chị ra và quay gót ra về.

Ra khỏi cổng nhà thương, lòng tôi phơi phới như đang bước chân vào một thế giới mới lạ, đẹp đẽ và hùng vĩ vô cùng.

Hết

Theo lời tác giả: Chị Phụng, người đầu tiên tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản cho ông sau này đã liên lạc lại với ông. Đến năm 1937 chị Phụng là người giới thiệu ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương (lần thứ nhất). Sau do quá trình hoạt động khó khăn, ông bị đứt liên lạc với Đảng. Thời gian này được ông ghi lại trong hồi ký “Những ngày sóng gió”. Tới năm 1945

ông mới tìm bắt được liên lạc với Đảng và được kết nạp lại (lần 2) vào tháng 7/1945.

Thời gian tác giả viết những dòng tự truyện này (1954-1964), khi đó ông sống trên đất Bắc và ông có ghi chú là lúc đó chị Phụng đang công tác cùng chồng là đồng chí Lai (Kiệt), tại Thương vụ Việt Nam tại Matxcova.

[1] tái phát lại

[2] đầy năm

Nguồn:

Được bạn: Thái Nhi đưa lên

vào ngày: 6 tháng 11 năm 2004